

Số: 186/TTr-UBND

Thanh Hoá, ngày 27 tháng 11 năm 2017

TỜ TRÌNH

**Về chính sách khuyến khích phát triển khoa học và công nghệ
trở thành khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội
tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Chương trình công tác năm 2017, UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh *Chính sách khuyến khích phát triển khoa học và công nghệ trở thành khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020*; cụ thể như sau:

A. QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN

- UBND tỉnh đã giao Sở KH&CN (KH&CN) chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng Đề án "Chính sách khuyến khích phát triển KH&CN trở thành khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020".

- Sở KH&CN đã chuẩn bị dự thảo Đề án; lấy ý kiến các Sở, ngành cấp tỉnh, các doanh nghiệp 03 lần¹. Dự thảo Đề án đã được Bộ KH&CN cho ý kiến, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh phản biện theo quy định². Các ý kiến góp ý, phản biện đều được nghiên cứu, tiếp thu nghiêm túc (Các Báo cáo tiếp thu, giải trình kèm theo Tờ trình này³).

- UBND tỉnh đã nghe và cho ý kiến về dự thảo Đề án 02 lần⁴. Tại Hội nghị ngày 25/8/2017, UBND tỉnh đã thống nhất trình Ban cán sự Đảng UBND tỉnh báo cáo Đề án với Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Ban cán sự Đảng UBND tỉnh đã báo cáo Đề án với Ban Thường vụ Tỉnh ủy 3 lần⁵. Sau mỗi lần báo cáo, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy cùng UBND tỉnh đã chỉ đạo cơ quan soạn thảo và các ngành, đơn vị có liên quan tiếp thu, bổ sung, hoàn chỉnh Đề án theo ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy⁶. Tại Hội nghị tháng 11/2017, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thông qua Đề án chính sách khuyến khích phát triển KH&CN trở thành khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020.

¹ Lần thứ nhất tại Công văn số 160/SKH&CN-TCKH ngày 02/3/2017; lần thứ 2 tại Công văn số 521/SKH&CN-TCKH ngày 01/6/2017; lần thứ 3 tại Công văn số 658/SKH&CN-TCKH ngày 06/7/2017. Tổng số các văn bản góp ý Sở KH&CN đã nhận được là hơn 50 văn bản.

² Báo cáo tổng hợp phản biện số 789/BC-LHH ngày 17/7/2017 của Liên hiệp các Hội KHKT tỉnh; Công văn số 2326/BKH&CN-ĐP ngày 14/7/2017 của Bộ KH&CN.

³ Bảng tổng hợp tiếp thu ý kiến ngày 25/8/2017; Báo cáo số 116/BC-SKH&CN ngày 25/09/2017; Báo cáo số 142/BC-SKH&CN ngày 06/11/2017.

⁴ Lần thứ nhất vào ngày 14/6/2017, đ/c Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh chủ trì Hội nghị; lần thứ hai vào ngày 25/8/2017, đ/c Chủ tịch UBND tỉnh chủ trì Hội nghị.

⁵ Lần thứ nhất vào ngày 28/8/2017; lần thứ 2 vào ngày 26/10/2017; lần thứ 3 vào ngày 23/11/2017.

⁶ Báo cáo 241-BC/BTGTU ngày 21/11/2017 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy; Báo cáo kèm theo Công văn số 172/BCS-UBND ngày 17/11/2017 của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh.

- Trên cơ sở Đề án chính sách khuyến khích phát triển KH&CN trở thành khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, Sở KH&CN đã dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích phát triển KH&CN trở thành khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, gửi Sở Tư pháp thẩm định.

- Căn cứ kết quả thẩm định của Sở Tư pháp⁷, UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Dự thảo Nghị quyết về chính sách khuyến khích phát triển KH&CN trở thành khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020.

B. NỘI DUNG CHÍNH SÁCH

I. Sự cần thiết ban hành chính sách

Khoa học và công nghệ có một vai trò, vị trí đặc biệt quan trọng. “Phát triển và ứng dụng KH&CN là quốc sách hàng đầu, là một trong những động lực quan trọng nhất để phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc; là một nội dung cần được ưu tiên tập trung đầu tư trước một bước trong hoạt động của các ngành, các cấp”. Trong những năm qua, KH&CN đã đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tuy nhiên, sự đóng góp đó vẫn chưa tương xứng với vai trò, vị trí của KH&CN. Một trong những nguyên nhân chủ yếu là do Tỉnh chưa có chính sách khuyến khích phát triển KH&CN đủ mạnh.

Hiện nay, tỉnh Thanh Hóa đang bước vào một giai đoạn phát triển mới trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Trong bối cảnh đó, KH&CN cần phải phát huy được vị trí, vai trò của mình để thực sự trở thành đột phá, đóng góp xứng đáng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Để đạt được điều đó, việc xây dựng chính sách khuyến khích phát triển KH&CN là rất cần thiết.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII đã xác định một trong bốn khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 là "Nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học - kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội". UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch hành động số 169/KH-UBND ngày 09/11/2016 thực hiện khâu đột phá về KH&CN; trong đó đã: xác định 10 mục tiêu chủ yếu⁸, đề ra 3 nội dung cơ bản cần phải tổ chức thực hiện. Các nội dung cơ bản đó gồm:

⁷ Báo cáo thẩm định số 543/BCTĐ-STP ngày 15/11/2017

⁸ 10 mục tiêu chủ yếu gồm:

- Đến năm 2020, thông qua yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) hoạt động KH&CN đóng góp khoảng 30% - 35% tăng trưởng kinh tế.
- Tỷ trọng sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao trong tổng GRDP đạt 30% trở lên.
- Có ít nhất 50 sản phẩm địa phương được xây dựng tiêu chuẩn và được bảo hộ về sở hữu trí tuệ.
- 100% cơ quan quản lý nhà nước ở cấp tỉnh, cấp huyện áp dụng hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008; 100% UBND phường, thị trấn và UBND xã đạt chuẩn nông thôn mới áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008.
- 100% các dự án đầu tư mới trên địa bàn tỉnh được thẩm định về công nghệ.
- 100% tổ chức KH&CN công lập được đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, bồi dưỡng, đào tạo nhân lực, nâng cao hiệu quả hoạt động để đến năm 2020 đạt loại Tốt trở lên.
- 100% các phòng thí nghiệm, thử nghiệm của các cơ quan quản lý nhà nước và 70% phòng thí nghiệm, thử nghiệm của các doanh nghiệp sản xuất đạt chuẩn VILAS; trong đó, tất cả phòng thí nghiệm, thử nghiệm thuộc lĩnh vực nông nghiệp, công nghệ thông tin, y dược đạt chuẩn VILAS.
- Có ít nhất 30 doanh nghiệp KH&CN.

- Một là, đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật;

- Hai là, tập trung thu hút các dự án sản xuất, kinh doanh sản phẩm có hàm lượng KH&CN cao, tạo đột phá về ứng dụng KH&CN;

- Ba là, nâng cao năng lực KH&CN của tỉnh (cơ sở vật chất, nhân lực, vốn đầu tư).

Để thực hiện có hiệu quả 3 nội dung này thì cần phải có những cơ chế, chính sách phù hợp. Kết quả đánh giá các chính sách khuyến khích phát triển KH&CN hiện hành của Trung ương và của Tỉnh cho thấy:

- Để đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao tiến bộ KH&CN và đổi mới công nghệ- thiết bị: Cần ban hành chính sách hỗ trợ nghiên cứu, sản xuất giống cây trồng vật nuôi mới; sản xuất các sản phẩm mới; đổi mới công nghệ - thiết bị.

- Để thu hút các dự án sản xuất sản phẩm có hàm lượng KH&CN cao: Cần ban hành chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ cao, theo chuỗi giá trị, trên quy mô lớn.

- Để nâng cao năng lực KH&CN: Cần ban hành chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực các phòng thí nghiệm, phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm sản phẩm trực thuộc doanh nghiệp.

Như vậy, để KH&CN trở thành khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 như Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII đã đề ra thì việc ban hành chính sách khuyến khích phát triển KH&CN theo các nội dung đã nêu trên là rất cần thiết⁹.

II. Căn cứ pháp lý

- Khoản 4, Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 quy định Hội đồng nhân dân tỉnh có thẩm quyền “Quyết định biện pháp khuyến khích phát triển nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trên địa bàn tỉnh”. Đây là căn cứ pháp lý để Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về chính sách khuyến khích phát triển KH&CN trở thành khâu đột phá trong phát triển kinh tế- xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020.

- Điều 4, Nghị định 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN đã quy định ngân sách nhà nước được chi cho:

+ Thực hiện các nhiệm vụ KH&CN (Đây là cơ sở pháp lý để thực hiện hỗ trợ chọn tạo, du nhập, khảo nghiệm, phục tráng các giống cây trồng, vật nuôi;

- Xây dựng được 4 - 5 nhóm chuyên gia KH&CN trên các lĩnh vực KH&CN ưu tiên của tỉnh: nông nghiệp, y học, công nghệ thông tin.

- Hoàn thành xây dựng hạ tầng: Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Lam Sơn - Sao Vàng; khu nông nghiệp công nghệ cao thị trấn Thống Nhất, huyện Yên Định; vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao dọc tuyến đường Hồ Chí Minh; khu công nghệ thông tin tập trung.

⁹ Nội dung đánh giá cụ thể từng chính sách hiện hành và sự cần thiết ban hành chính sách mới được nêu tại Chương I của Đề án chính sách khuyến khích phát triển KH&CN trở thành khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020.

nghiên cứu sản xuất được phẩm mới, thực phẩm chức năng mới, phần mềm mới).

+ Hỗ trợ đổi mới công nghệ (là cơ sở pháp lý để hỗ trợ đổi mới công nghệ sản xuất các sản phẩm công nghiệp có khả năng cạnh tranh tốt);

+ Mua công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ (là cơ sở pháp lý để hỗ trợ nhận chuyển giao công nghệ cao trong chẩn đoán và điều trị; hỗ trợ mua công nghệ, máy móc, thiết bị trong các dự án sản xuất ứng dụng công nghệ cao để sản xuất lúa gạo, cam bưởi, nuôi tôm chân trắng, giết mổ chế biến gia súc gia cầm theo chuỗi giá trị, trên quy mô lớn);

+ Xây dựng mới, nâng cấp, tăng cường năng lực nghiên cứu của các tổ chức KH&CN (là cơ sở pháp lý để thực hiện việc hỗ trợ nâng cao năng lực KH&CN cho các phòng thí nghiệm trực thuộc doanh nghiệp).

- Khoản 3, Điều 21, Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước quy định Hội đồng nhân dân tỉnh có thẩm quyền "Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương ". Đây là cơ sở để Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định các nội dung hỗ trợ trong chính sách này.

- Khoản 2, Điều 2 Thông tư 22/2011/TTLT-BKH&CN-BTC ngày 21/2/2011 của Bộ Tài chính và Bộ KH&CN hướng dẫn quản lý tài chính đối với các dự án sản xuất thử nghiệm được ngân sách nhà nước hỗ trợ quy định: Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa đến 30% tổng mức kinh phí đầu tư mới cần thiết để thực hiện dự án. Đây là căn cứ pháp lý để xác định tỷ lệ hỗ trợ trong chính sách này.

III. Mục tiêu của chính sách

*** Mục tiêu chung**

Khuyến khích nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, hỗ trợ nâng cao năng lực KH&CN, góp phần đưa KH&CN trở thành khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020.

*** Mục tiêu cụ thể đến năm 2020**

- Trong nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật; nghiên cứu sản xuất sản phẩm mới; đổi mới công nghệ - thiết bị.

+ Chọn tạo, du nhập được ít nhất 6 giống cây trồng mới có năng suất hoặc hiệu quả tăng 15% trở lên; phục tráng được ít nhất 3 giống cây ăn quả đặc sản; chủ động sản xuất bằng nuôi cấy mô được ít nhất 4 giống cây lâm nghiệp; sản xuất được 4 giống thủy sản hiện chưa tự sản xuất được trong tỉnh;

+ Sản xuất được ít nhất 8 dược phẩm mới, 8 thực phẩm chức năng mới từ dược liệu được trồng trên địa bàn tỉnh;

+ Sản xuất được ít nhất 10 phần mềm (*software*) mới phục vụ sản xuất nông nghiệp thông minh, phát triển thương mại điện tử cho các làng nghề truyền

thống, phát triển du lịch, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo vệ môi trường;

+ Đổi mới được công nghệ - thiết bị nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất cho ít nhất 15 doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm: đá ốp lát xây dựng, cát xây dựng, thủy sản đông lạnh chế biến, thức ăn gia súc, bao bì;

+ Tiếp nhận được ít nhất 4 kỹ thuật cao nhằm nâng cao chất lượng khám chữa bệnh;

+ Ứng dụng công nghệ cao trong bảo quản hải sản cho ít nhất 100 tàu cá và tàu dịch vụ hậu cần nghề cá nhằm nâng cao chất lượng của hải sản đánh bắt xa bờ.

- Trong phát triển sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ cao, theo chuỗi giá trị, trên quy mô lớn.

+ Ứng dụng công nghệ cao, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong sản xuất lúa chất lượng cao, theo chuỗi giá trị, trên quy mô sản xuất tập trung từ 100 ha/cơ sở trở lên, tại ít nhất 5 cơ sở.

+ Ứng dụng công nghệ cao, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong sản xuất cam, bưởi, theo chuỗi giá trị, trên quy mô sản xuất tập trung từ 50 ha/cơ sở trở lên, tại ít nhất 5 cơ sở.

+ Ứng dụng công nghệ cao, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nuôi tôm chân trắng nước mặn, theo chuỗi giá trị trên quy mô từ 1,0 ha/cơ sở trở lên, tại ít nhất 10 cơ sở.

+ Ứng dụng công nghệ cao trong giết mổ, chế biến gia súc, gia cầm (công suất 2.000 gia cầm/ngày hoặc 200 gia súc/ngày trở lên) gắn với phát triển chăn nuôi theo chuỗi giá trị, tại ít nhất 3 cơ sở.

- Trong nâng cao năng lực KH&CN

Nâng cao năng lực hoạt động KH&CN cho ít nhất 30 phòng thí nghiệm, phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm sản phẩm trực thuộc doanh nghiệp

IV. Đối tượng, điều kiện, nội dung và mức hỗ trợ

1. HỖ TRỢ NGHIÊN CỨU, SẢN XUẤT GIỐNG CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI

1.1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

a) Đối tượng

Các tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh có đăng ký hoạt động nghiên cứu, sản xuất giống cây trồng, vật nuôi.

b) Điều kiện

- Đối với chọn tạo, du nhập, khảo nghiệm, sản xuất giống cây trồng mới

+ Các giống mới được chọn tạo, du nhập, khảo nghiệm là: cam, bưởi, dứa, khoai tây, lạc, đậu tương¹⁰

¹⁰ Đây là các cây trồng chủ lực và có lợi thế của tỉnh Thanh Hóa được xác định theo chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp đến năm 2020, định hướng đến 2030 theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững.

+ Giống mới phải có năng suất tăng 15% hoặc có hiệu quả kinh tế tăng 15% trở lên so với giống đang được sản xuất đại trà.

+ Diện tích được trồng bằng giống mới tối thiểu 30 ha/giống đối với cam, bưởi, dứa; 100 ha/giống đối với khoai tây; 200 ha/giống đối với lạc, đậu tương; được thực hiện trong khoảng thời gian từ 01/01/2018 đến 31/12/2020.

- Đối với phục tráng, sản xuất giống cây ăn quả đặc sản

+ Giống đưa vào phục tráng phải thuộc một trong các giống cây ăn quả đặc sản Thanh Hóa: cam Vân Du, quýt Bá Thước, quýt vôi Ngọc Lặc.

+ Diện tích trồng bằng giống được phục tráng tối thiểu 30 ha/giống; được thực hiện trong khoảng thời gian từ 01/01/2018 đến 31/12/2020.

- Đối với sản xuất cây giống lâm nghiệp bằng phương pháp nuôi cấy mô

+ Sản xuất được bằng phương pháp nuôi cấy mô một trong các giống cây: Keo lai¹¹, Xoan chịu hạn¹², Quế Thường Xuân¹³, Giỏ ăn hạt¹⁴

+ Toàn bộ quy trình sản xuất cây giống được thực hiện trên địa bàn tỉnh.

+ Diện tích rừng trồng bằng cây giống đã được sản xuất theo phương pháp nuôi cấy mô ít nhất là 30 ha/giống; tỷ lệ sống từ 85% trở lên; cây sinh trưởng phát triển tốt; được thực hiện trong khoảng thời gian từ 01/01/2018 đến 31/12/2020.

- Đối với sản xuất giống thủy sản

+ Sản xuất được một trong số các giống thủy sản: con Phi¹⁵, cá Chiên¹⁶, cá Nheo¹⁷, cá Ngạnh sông¹⁸.

+ Toàn bộ quy trình sản xuất con giống được thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

+ Số lượng con giống đã sản xuất được đưa vào nuôi thương phẩm trong khoảng thời gian từ 01/01/2018 đến 31/12/2020:

. Con Phi: tối thiểu 10.000.000 con/điện tích nuôi tối thiểu 10 ha; tỷ lệ sống từ 70% trở lên.

. Cá Chiên, cá Ngạnh sông: tối thiểu 300.000 con/giống/điện tích nuôi tối thiểu 30 ha/giống; tỷ lệ sống từ 80% trở lên.

. Cá Nheo: tối thiểu 600.000 con/điện tích nuôi tối thiểu 30 ha; tỷ lệ sống từ 80% trở lên.

Giống lúa, giống ngô, giống mía không thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách này do đã được hỗ trợ theo Quyết định 5637/2015/QĐ-UBND về việc ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất giống cây trồng vật nuôi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 – 2020.

¹¹ Tên khoa học: *Acacia auriculiformis mangium*, *Acacia hybrid*

¹² Tên khoa học: *Azadirachta indica*

¹³ Còn gọi là Quế ngọc, Quế ngọc châu Thường, Quế Thường Xuân. Ngày 10/10/2016, Cục Sở hữu trí tuệ đã ban hành Quyết định số 4090/QĐ-SHTT cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý số 00051 cho sản phẩm *quế Thường Xuân*.

¹⁴ Tên khoa học: *Mechilia tonkinensis A.chev*

¹⁵ Còn gọi là Phi Cầu Sỏi, Phi tiến Vua, Phi cầu Sỏi tiến Vua, Tên khoa học: *Sanguinolaria diphos*, *Limnaeus*, 1771

¹⁶ Tên khoa học: *Bagarius*, thuộc cấp độ V - nhóm nguy cơ có thể bị tuyệt chủng. Đây là một trong 4 giống cá nước ngọt quý hiếm được coi là "Tứ quý hà thủy" (gồm cá anh vũ, cá chiên, cá lăng và cá bống).

¹⁷ Tên khoa học: *Ictalurus punctatus*

¹⁸ Tên khoa học: *Cranoglanis henrici*

1.2. Nội dung, mức hỗ trợ

- Đối với chọn tạo giống cây trồng mới: được thực hiện theo hình thức nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

- Đối với du nhập, khảo nghiệm, sản xuất giống cây trồng mới: Hỗ trợ 30% chi phí du nhập, khảo nghiệm, sản xuất giống để trồng 30ha/giống đối với cam, bưởi; 100 ha/giống đối với khoai tây; 200 ha/giống đối với lạc, đậu tương (gồm: chi công lao động trực tiếp; chi mua vật tư, nguyên nhiên vật liệu; chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định; chi hội thảo khoa học, công tác phí; chi trả dịch vụ thuê ngoài; chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu; chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc). Mức hỗ trợ tối đa 2 tỷ đồng/giống.

- Đối với phục tráng, sản xuất giống cây ăn quả đặc sản: Hỗ trợ 30%: chi phí phục tráng, sản xuất giống để trồng 30ha/giống (gồm: chi công lao động trực tiếp; chi mua vật tư, nguyên nhiên vật liệu; chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định; chi hội thảo khoa học, công tác phí; chi trả dịch vụ thuê ngoài; chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu; chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc). Mức hỗ trợ tối đa 2 tỷ đồng/giống.

- Đối với sản xuất cây giống lâm nghiệp bằng phương pháp nuôi cấy mô: Hỗ trợ 30%: chi phí nhận chuyên gia công nghệ (nếu có), chi phí sản xuất đủ số lượng cây giống bằng phương pháp nuôi cấy mô để trồng trên diện tích 30ha/giống (gồm: chi công lao động trực tiếp; chi mua vật tư, nguyên nhiên vật liệu; chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định; chi hội thảo khoa học, công tác phí; chi trả dịch vụ thuê ngoài; chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu; chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc). Mức hỗ trợ tối đa 2 tỷ đồng/giống.

- Đối với sản xuất giống thủy sản: Hỗ trợ 30%: chi phí nhận chuyên gia công nghệ (nếu có), chi phí sản xuất đủ số lượng con giống để nuôi 10 ha đối với con Phi, 30 ha đối với cá Nheo, cá Chiên, cá Ngạnh sông (gồm: chi công lao động trực tiếp; chi mua vật tư, nguyên nhiên vật liệu; chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định; chi hội thảo khoa học, công tác phí; chi trả dịch vụ thuê ngoài; chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu; chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc). Mức hỗ trợ tối đa 2 tỷ đồng/giống.

1.3. Thời điểm hỗ trợ

- Đối với du nhập, khảo nghiệm, sản xuất giống cây trồng mới; phục tráng sản xuất giống cây ăn quả đặc sản; sản xuất cây giống lâm nghiệp bằng phương pháp nuôi cấy mô: sau khi đã sản xuất được cây giống và cây giống đã được đem ra trồng đủ diện tích.

- Đối với sản xuất giống thủy sản: sau khi đã sản xuất được con giống và con giống đã được đem ra nuôi đủ diện tích.

2. HỖ TRỢ NGHIÊN CỨU SẢN XUẤT DƯỢC PHẨM MỚI, THỰC PHẨM CHỨC NĂNG MỚI TỪ DƯỢC LIỆU TRỒNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

2.1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

a) Đối tượng

Các tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh có đăng ký hoạt động nghiên cứu, sản xuất dược phẩm, thực phẩm chức năng.

b) Điều kiện

- Nghiên cứu tạo ra dược phẩm mới, thực phẩm chức năng mới trong khoảng thời gian từ 01/01/2018 đến 31/12/2020.

- Toàn bộ dược liệu để sản xuất dược phẩm mới, thực phẩm chức năng mới là dược liệu trồng tại Thanh Hóa, thuộc ít nhất một trong số các dược liệu sau: quế, cà gai leo, gừng, nghệ, giảo cổ lam, gấc, hà thủ ô, ngũ gia bì, sâm cau, ích mẫu, đinh lăng, sa nhân, đương quy, mã tiền, thổ phục linh, nấm linh chi, lan gấm, sâm báo.

- Giá trị sản phẩm mới đã được tiêu thụ trên thị trường tối thiểu 1,5 tỷ đồng/sản phẩm.

2.2. Nội dung, mức hỗ trợ

Hỗ trợ 30% chi phí để tạo ra dược phẩm mới, thực phẩm chức năng mới (gồm: chi công lao động trực tiếp; chi mua vật tư, nguyên nhiên vật liệu; chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định; chi hội thảo khoa học, công tác phí; chi trả dịch vụ thuê ngoài; chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu; chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc). Mức hỗ trợ tối đa cho mỗi dược phẩm mới, thực phẩm chức năng mới là 500 triệu đồng. Đối với mỗi tổ chức, đơn vị, từ sản phẩm thứ hai trở đi mức hỗ trợ tối đa là 250 triệu đồng/sản phẩm.

2.3. Thời điểm hỗ trợ

Sau khi dược phẩm mới, thực phẩm chức năng mới được cơ quan có thẩm quyền cho phép lưu hành.

3. HỖ TRỢ NGHIÊN CỨU SẢN XUẤT PHẦN MỀM ỨNG DỤNG (SOFTWARE)

3.1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

a) Đối tượng

Các tổ chức, đơn vị, cá nhân trên địa bàn tỉnh có đăng ký hoạt động nghiên cứu, sản xuất phần mềm.

b) Điều kiện

- Sản xuất dược phẩm (*software*) mới trong khoảng thời gian từ 01/01/2018 đến 31/12/2020, thuộc một trong các nhóm sau:

+ Phục vụ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa: Có chức năng điều khiển tự động quá trình sản xuất, theo dõi quá trình sản xuất, truy xuất nguồn gốc sản phẩm

+ Phục vụ công tác quản lý giám sát từ xa mức độ ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa: Có chức năng thu thập tự động dữ liệu về mức độ ô nhiễm ở các khu vực có nguy cơ ô nhiễm cao.

+ Phục vụ công tác quản lý hồ sơ sức khỏe cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa: Có chức năng liên thông từ các trạm Y tế, phòng khám bác sĩ gia đình đến các bệnh viện để trao đổi về lịch sử khám, điều trị của bệnh nhân nhằm nâng cao hiệu quả điều trị cho bệnh nhân tại các cơ sở khám chữa bệnh.

+ Phục vụ hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa: Có chức năng hỗ trợ du khách trong việc lựa chọn tour, điểm đến, điểm nghỉ, các sản phẩm, dịch vụ du lịch và thanh toán dịch vụ.

+ Phục vụ quảng cáo, phân phối và bán các sản phẩm truyền thống của Thanh Hóa qua Internet: Có chức năng kết nối website thương mại điện tử, ứng dụng thương mại điện tử trên mobile với các làng nghề truyền thống nhằm quảng cáo, phân phối và bán các sản phẩm truyền thống của địa phương cho khách hàng trong và ngoài tỉnh.

- Phần mềm được ứng dụng tại ít nhất 5 cơ quan, đơn vị nhà nước của tỉnh Thanh Hóa hoặc ít nhất 10 tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; hoặc được ít nhất 1.000 cá nhân sử dụng (đối với phần mềm phục vụ hoạt động du lịch; phần mềm phục vụ quảng cáo, phân phối và bán sản phẩm truyền thống của Thanh Hóa qua Internet).

3.2. Nội dung, mức hỗ trợ

Hỗ trợ 30% chi phí tạo ra phần mềm mới (gồm: chi công lao động trực tiếp; chi mua vật tư, nguyên nhiên vật liệu; chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định; chi hội thảo khoa học, công tác phí; chi trả dịch vụ thuê ngoài; chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu; chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc). Mức hỗ trợ tối đa 1 tỷ đồng/1 phần mềm.

3.3. Thời điểm hỗ trợ

Sau khi phần mềm được ít nhất 5 cơ quan, đơn vị nhà nước của tỉnh hoặc ít nhất 10 tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; hoặc được ít nhất 1.000 cá nhân sử dụng.

4. HỖ TRỢ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ - THIẾT BỊ SẢN XUẤT MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CÓ KHẢ NĂNG CẠNH TRANH TỐT

4.1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

a) Đối tượng

Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đang sản xuất các sản phẩm: đá ốp lát xây dựng; cát xây dựng; chế biến thủy sản; thức ăn gia súc; bao bì.

b) Điều kiện

- Bắt đầu thực hiện và hoàn thành đổi mới toàn bộ công nghệ trong khoảng thời gian từ 01/01/2018 đến 31/12/2020 để thay thế công nghệ đang có bằng một trong số các công nghệ - thiết bị sau đây:

+ Công nghệ - thiết bị khai thác đá “cắt dây”, công nghệ - thiết bị cắt đá CNC (đối với khai thác, chế biến đá ốp lát xây dựng).

+ Công nghệ - thiết bị hút chân không băng tải (đối với chế biến thủy sản).

+ Công nghệ - thiết bị dệt 8 thoi (đối với sản xuất bao bì).

+ Công nghệ - thiết bị sản xuất tự động hóa (đối với sản xuất thức ăn gia súc).

+ Công nghệ - thiết bị sản xuất cát nhân tạo (đối với sản xuất cát xây dựng).

+ Công nghệ cao, công nghệ khuyến khích chuyển giao (thuộc danh mục công nghệ cao, danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao quy định tại: Quyết định 66/2014/QĐ-TTg ngày 25/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển; Quyết định

13/2017/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển; Nghị định 120/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao).

- Máy móc, thiết bị kèm theo công nghệ (nếu có) phải mới 100%.

- Giá trị chuyển giao công nghệ (gồm cả máy móc, thiết bị kèm theo) phải từ 5 tỷ đồng trở lên.

- Giá trị gia tăng của sản phẩm¹⁹ phải tăng tối thiểu 10% so với trước khi đổi mới công nghệ²⁰.

4.2. Nội dung, mức hỗ trợ

Hỗ trợ 30% giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ (gồm cả máy móc, thiết bị kèm theo, nếu có). Mức hỗ trợ tối đa 5 tỷ đồng/doanh nghiệp.

4.3. Thời điểm hỗ trợ

Sau khi đã hoàn thành đổi mới toàn bộ công nghệ.

5. HỖ TRỢ NHẬN CHUYỂN GIAO KỸ THUẬT CAO TRONG CHẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRỊ

5.1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

a) Đối tượng

- Các bệnh viện tư nhân đăng ký hoạt động trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Các bệnh viện công lập sẽ được xem xét hỗ trợ theo từng dự án cụ thể khi nhận chuyển giao một trong các công nghệ, kỹ thuật: *Ghép tạng; Ứng dụng tế bào gốc trong điều trị; Phẫu thuật bằng robot.*

b) Điều kiện

Bắt đầu thực hiện và hoàn thành việc nhận chuyển giao một trong các kỹ thuật sau đây trong khoảng thời gian từ 01/01/2018 đến 31/12/2020:

- Chụp cộng hưởng từ (MRI) 3.0 Tesla.

- Gia tốc tuyến tính xạ trị ung thư (xạ trị điều biến liều IMRT).

- Chạy thận nhân tạo (AK 98).

- Phẫu thuật nội soi Full HD.

5.2. Nội dung, mức hỗ trợ

Hỗ trợ 30% chi phí nhận chuyển giao kỹ thuật (Chi thuê chuyên gia; Chi mua sắm, nhập khẩu trang thiết bị chuyên dụng phục vụ trực tiếp cho việc triển khai thực hiện kỹ thuật; Chi đào tạo, tập huấn cán bộ kỹ thuật; Chi phí kiểm tra, phân tích các kết quả trong quá trình ứng dụng kỹ thuật). Mức hỗ trợ tối đa 2 tỷ đồng cho một kỹ thuật.

5.3. Thời điểm hỗ trợ

Sau khi hoàn thành việc nhận chuyển giao kỹ thuật.

¹⁹ Giá trị gia tăng của sản phẩm (tính theo %) = (Giá thành - Tổng chi phí)/Giá thành.

²⁰ Điều kiện "Góp phần tăng tối thiểu 10% giá trị gia tăng của sản phẩm" là áp dụng theo tiêu chí hỗ trợ dự án chuyển giao công nghệ để sản xuất sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm, sản phẩm quốc gia (Điều 10, Thông tư 06/2014/TT-BKH&CN ngày 25/4/2014 của Bộ KH&CN).

6. HỖ TRỢ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TRONG BẢO QUẢN HẢI SẢN ĐÁNH BẮT XA BỜ

6.1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

a) Đối tượng

Chủ tàu khai thác hải sản có công suất máy chính từ 400 CV trở lên; Chủ tàu dịch vụ hậu cần nghề cá có công suất máy chính từ 800 CV trở lên.

b) Điều kiện

- Bắt đầu thực hiện và hoàn thành nâng cấp, làm mới hầm bảo quản hải sản trên tàu khai thác (có công suất 400CV trở lên), tàu dịch vụ hậu cần nghề cá (có công suất 800CV trở lên) bằng vật liệu *Polyurethane foam* trong khoảng thời gian từ 01/01/2018 đến 31/12/2020.

- Có giấy chứng nhận đăng ký tàu cá; giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá; giấy phép khai thác thủy sản; giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm tàu cá còn thời hạn.

6.2. Nội dung, mức hỗ trợ

Hỗ trợ 30% kinh phí nâng cấp, làm mới hầm bảo quản hải sản bằng vật liệu *Polyurethane foam*. Mức hỗ trợ tối đa 200 triệu đồng/tàu.

6.3. Thời điểm hỗ trợ

Sau khi tàu đã được hoàn thành hầm bảo quản và hoạt động được ít nhất 3 chuyến đi đánh bắt hoặc vận chuyển.

7. HỖ TRỢ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO, QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT TRONG SẢN XUẤT LÚA GẠO CHẤT LƯỢNG CAO THEO CHUỖI GIÁ TRỊ TRÊN QUY MÔ LỚN

7.1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

a) Đối tượng

Các tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), hộ gia đình, cá nhân.

b) Điều kiện

Đầu tư sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ lúa gạo chất lượng cao, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, trong khoảng thời gian từ 01/01/2018 đến 31/12/2020, đáp ứng các yêu cầu sau:

- Diện tích canh tác tập trung: từ 100 ha trở lên.

- Giống lúa đưa vào sản xuất là giống có chất lượng cao (Bắc Thịnh; Bắc Xuyên; Lam Sơn 8; Bắc Thơm số 7; TBR 225; VT 404; Nghi Hương 2308; Thái Xuyên 111; DQ 11; Hương ưu 98).

- Ứng dụng công nghệ cao (thuộc danh mục công nghệ cao ứng dụng trong nông nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 738/QĐ-BNN-KHCN ngày 14/3/2017 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT) trong sản xuất.

- Áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP hoặc GlobalGAP).

- Sản phẩm gạo được công bố tiêu chuẩn chất lượng, có nhãn hàng hóa, có tem truy xuất nguồn gốc.

7.2. Nội dung, mức hỗ trợ

Hỗ trợ một lần 30%: giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ (gồm cả máy móc, thiết bị kèm theo, nếu có) hoặc hợp đồng hỗ trợ ứng dụng công nghệ (gồm cả máy móc, thiết bị kèm theo, nếu có); chi phí xây dựng nhãn hàng hóa; chi phí đầu tư để được công nhận VietGAP hoặc GlobalGAP; chi phí xây dựng và công bố tiêu chuẩn cho sản phẩm; chi phí dán tem truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm của 1 vụ sản xuất. Sau khi đã được hỗ trợ mà tiếp tục mở rộng diện tích thì cứ tăng thêm 100 ha sẽ được hỗ trợ bằng 50% mức hỗ trợ lần đầu. Tổng hỗ trợ tối đa không quá 3 tỷ đồng/dự án.

7.3. Thời điểm hỗ trợ

Đã sản xuất được ít nhất 1 vụ.

8. HỖ TRỢ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO, QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT TRONG SẢN XUẤT CAM, BƯỚI THEO CHUỖI GIÁ TRỊ TRÊN QUY MÔ LỚN

8.1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

a) Đối tượng

Các tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), hộ gia đình, cá nhân.

b) Điều kiện

Đầu tư sản xuất cam, bưởi gắn với tiêu thụ sản phẩm, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, trong khoảng thời gian từ 01/01/2018 đến trước 31/12/2020, đáp ứng các yêu cầu sau:

- Diện tích trồng tập trung: từ 50 ha trở lên;
- Ứng dụng công nghệ cao (thuộc danh mục công nghệ cao ứng dụng trong nông nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 738/QĐ-BNN-KHCN ngày 14/3/2017 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT) trong sản xuất.
- Áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP hoặc GlobalGAP).
- Sản phẩm được công bố tiêu chuẩn chất lượng, có nhãn hàng hóa, có tem truy xuất nguồn gốc.

8.2. Nội dung, mức hỗ trợ

Hỗ trợ một lần 30%: giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ (gồm cả máy móc, thiết bị kèm theo, nếu có) hoặc hợp đồng hỗ trợ ứng dụng công nghệ (gồm cả máy móc, thiết bị kèm theo, nếu có); chi phí xây dựng nhãn hàng hóa; chi phí đầu tư để được công nhận VietGAP hoặc GlobalGAP; chi phí xây dựng và công bố tiêu chuẩn cho sản phẩm; chi phí dán tem truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm của 1 vụ sản xuất. Sau khi đã được hỗ trợ mà tiếp tục mở rộng diện tích thì cứ tăng thêm 50 ha sẽ được hỗ trợ bằng 50% mức hỗ trợ lần đầu. Tổng hỗ trợ tối đa không quá 6 tỷ đồng/dự án.

8.3. Thời điểm hỗ trợ

Sau khi dự án có sản phẩm thu hoạch và được tiêu thụ.

9. HỖ TRỢ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO, QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT TRONG NUÔI TÔM CHÂN TRẮNG NƯỚC MẶN THEO CHUỖI GIÁ TRỊ TRÊN QUY MÔ LỚN

9.1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

a) Đối tượng

Tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), hộ gia đình, cá nhân.

b) Điều kiện

Đầu tư sản xuất tôm chân trắng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, trong khoảng thời gian từ 01/01/2018 đến 31/12/2020, đáp ứng các yêu cầu sau:

- Diện tích nuôi: từ 1,0 ha trở lên.
- Nuôi thâm canh công nghệ cao trong nhà bạt, hoặc nhà màng, hoặc nhà kính.
- Áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP hoặc GlobalGAP).

9.2. Nội dung, mức hỗ trợ

Hỗ trợ một lần 30%: giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ (gồm cả máy móc, thiết bị kèm theo, nếu có) hoặc hợp đồng hỗ trợ ứng dụng công nghệ (gồm cả máy móc, thiết bị kèm theo, nếu có); chi phí đầu tư để được công nhận VietGAP hoặc GlobalGAP). Sau khi đã được hỗ trợ mà tiếp tục mở rộng diện tích thì cứ tăng thêm 1 ha sẽ được hỗ trợ bằng 50% mức hỗ trợ lần đầu. Tổng hỗ trợ tối đa không quá 3 tỷ đồng/dự án.

9.3. Thời điểm hỗ trợ

Sau khi đã sản xuất được ít nhất 1 vụ.

10. HỖ TRỢ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TRONG GIẾT MỒ, CHẾ BIẾN GIA SÚC, GIA CẦM GẮN VỚI PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI THEO CHUỖI GIÁ TRỊ TRÊN QUY MÔ LỚN

10.1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

a) Đối tượng

Các tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), hộ gia đình, cá nhân.

b) Điều kiện

Đầu tư dự án giết mổ, chế biến gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, trong khoảng thời gian từ 01/01/2018 đến 31/12/2020, đáp ứng các yêu cầu sau:

- Địa điểm thực hiện dự án nằm trong khu quy hoạch giết mổ đã được quy hoạch hoặc được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư.
- Về công nghệ:
 - + Dây chuyền giết mổ, chế biến tự động hóa; sản phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.
 - + Máy móc, thiết bị kèm theo công nghệ (nếu có) phải mới 100%.
 - + Công suất tối thiểu: 200 con gia súc/ngày hoặc 2.000 con gia cầm/ngày.
- Có cơ sở chăn nuôi hoặc liên kết với cơ sở chăn nuôi tại Thanh Hóa đạt cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh.
- Bảo đảm vệ sinh thú y, an toàn phòng chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường.

10.2. Nội dung, mức hỗ trợ

Hỗ trợ 30% giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ (gồm cả máy móc, thiết bị kèm theo, nếu có). Mức hỗ trợ tối đa 5 tỷ đồng/dự án.

10.3. Thời điểm hỗ trợ

Sau khi đã xuất xưởng lô sản phẩm đầu tiên.

11. HỖ TRỢ ĐẦU TƯ TRANG THIẾT BỊ KỸ THUẬT CHO PHÒNG THÍ NGHIỆM, PHÂN TÍCH, KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN, THỬ NGHIỆM SẢN PHẨM TRỰC THUỘC DOANH NGHIỆP

11.1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

a) Đối tượng

Doanh nghiệp có trụ sở chính tại Thanh Hóa

b) Điều kiện

Đầu tư mua sắm trang thiết bị kỹ thuật cho phòng thí nghiệm, phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm sản phẩm trực thuộc doanh nghiệp, trong khoảng thời gian từ 01/01/2018 đến 31/12/2020, đáp ứng các yêu cầu sau:

- Trang thiết bị kỹ thuật được mua phải hiện đại, mới 100%.
- Phòng thí nghiệm, phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm sản phẩm phải nằm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
- Sau khi được đầu tư, phòng thí nghiệm, phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phải đạt chuẩn *ISO/IEC 17025*²¹.
- Doanh nghiệp cam kết sử dụng trang thiết bị tại phòng thí nghiệm, phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm trong thời gian ít nhất là 3 năm.

11.2. Nội dung, mức hỗ trợ

- Doanh nghiệp sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp để chi trả kinh phí mua sắm trang thiết bị kỹ thuật.
- Trong trường hợp đã chi trả bằng toàn bộ số vốn của Quỹ phát triển KH&CN mà vẫn còn thiếu, thì được hỗ trợ 20% phần còn thiếu; mức hỗ trợ tối đa không quá 1 tỷ đồng.

11.3. Thời điểm hỗ trợ

Sau khi phòng thí nghiệm, phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm được công nhận đạt chuẩn *ISO/IEC 17025*.

V. Thời gian thực hiện chính sách

Thời gian thực hiện chính sách: Từ 01/01/2018 - 31/12/2020

VI. Nhu cầu kinh phí

1. Tổng nhu cầu kinh phí

²¹ Đây là tiêu chuẩn về hệ thống quản lý chất lượng áp dụng chuyên biệt cho phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn, do tổ chức quốc tế về tiêu chuẩn hóa ISO (*International Organization for Standardization*) ban hành. Việt Nam đang sử dụng tiêu chuẩn này để công nhận các phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc gia VILAS. Hiện nay Thanh Hóa mới có 3 doanh nghiệp có phòng thí nghiệm, thử nghiệm đạt chuẩn *ISO/IEC 17025* là Công ty TNHH một thành viên sữa Lam Sơn, Công ty CP Nông nghiệp Tiên Nông, Công ty CP Xi măng Bim Sơn.

Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách tạm tính là 273 tỷ đồng (Hai trăm bảy mươi ba tỷ đồng). Phân kỳ kế hoạch như sau:

- Năm 2018: 60 tỷ đồng
- Năm 2019: 98 tỷ đồng
- Năm 2020: 115 tỷ đồng

Cụ thể:

* Chính sách hỗ trợ nghiên cứu, sản xuất giống cây trồng vật nuôi mới; sản xuất sản phẩm mới; đổi mới công nghệ - thiết bị.

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Kinh phí	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng
Chính sách cụ thể				
Hỗ trợ nghiên cứu, sản xuất giống cây trồng, vật nuôi (17 giống; 2 tỷ đồng/giống)	8	12	14	34
Hỗ trợ nghiên cứu sản xuất dược phẩm mới, thực phẩm chức năng mới từ dược liệu được trồng trên địa bàn tỉnh (16 sản phẩm; 0,25-0,5 tỷ đồng/sản phẩm)	1	1	4	6
Hỗ trợ nghiên cứu sản xuất phần mềm ứng dụng (software) (10 phần mềm; 1 tỷ đồng/phần mềm)	2	3	5	10
Hỗ trợ đổi mới công nghệ sản xuất một số sản phẩm công nghiệp có khả năng cạnh tranh tốt (15 dự án; 5 tỷ đồng/dự án)	20	25	30	75
Hỗ trợ nhận chuyển giao kỹ thuật cao trong chẩn đoán và điều trị (4 kỹ thuật; 2 tỷ đồng/kỹ thuật)	4	4	0	8
Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao trong bảo quản hải sản đánh bắt xa bờ (100 tàu; 200 triệu đồng/tàu)	6	8	6	20
Cộng	41	53	59	153

* Chính sách hỗ trợ sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ cao, theo chuỗi giá trị, trên quy mô lớn.

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Kinh phí	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng
Chính sách cụ thể				
Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong sản xuất lúa gạo chất lượng cao theo chuỗi giá trị trên quy mô lớn (5 dự án; 3 tỷ đồng/dự án)	3	6	6	15
Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong sản xuất cam, bưởi theo chuỗi giá trị trên quy mô lớn (5 dự án; 6 tỷ đồng/dự án)	0	12	18	30
Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nuôi tôm chân trắng nước mặn theo chuỗi giá trị trên quy mô lớn (10 dự án; 3 tỷ đồng/dự án)	6	12	12	30
Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao trong giết mổ, chế biến gia súc, gia cầm gắn với phát triển chăn nuôi theo chuỗi giá trị trên quy mô lớn (3 dự án; 5 tỷ đồng/dự án)	5	5	5	15
Cộng	14	35	41	90

* Chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực các phòng thí nghiệm, phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm sản phẩm trực thuộc doanh nghiệp.

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Kinh phí	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng
Chính sách cụ thể				
Hỗ trợ đầu tư trang thiết bị kỹ thuật nhằm nâng cao năng lực hoạt động KH&CN của doanh nghiệp (30 doanh nghiệp; 1 tỷ đồng/doanh nghiệp)	5	10	15	30
Cộng	5	10	15	30

2. Nguồn kinh phí hỗ trợ: Kinh phí thực hiện chính sách được bố trí từ ngân sách tỉnh.

VII. Hình thức hỗ trợ

1. Hỗ trợ nghiên cứu, sản xuất giống cây trồng, vật nuôi

a) Tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Sở KH&CN; gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ.

- Báo cáo kết quả du nhập, khảo nghiệm, sản xuất giống và trồng giống mới (đối với đề nghị hỗ trợ du nhập, khảo nghiệm, sản xuất giống cây trồng mới); hoặc báo cáo kết quả phục tráng, sản xuất và trồng giống cây ăn quả đặc sản (đối với đề nghị hỗ trợ phục tráng, sản xuất giống cây ăn quả đặc sản); hoặc báo cáo kết quả nhận chuyển giao công nghệ, sản xuất giống và trồng giống cây lâm nghiệp (đối với đề nghị hỗ trợ sản xuất giống cây lâm nghiệp); hoặc báo cáo kết quả nhận chuyển giao công nghệ, sản xuất giống và nuôi thương phẩm giống thủy sản (đối với đề nghị hỗ trợ sản xuất giống thủy sản).

- Hợp đồng và thanh lý hợp đồng chuyển giao công nghệ (nếu có); xác nhận của các tổ chức, cá nhân đã mua và trồng cây giống do tổ chức, đơn vị sản xuất (đối với các đề nghị hỗ trợ sản xuất giống cây); hoặc xác nhận của các tổ chức, cá nhân đã mua và nuôi thả con giống do tổ chức, đơn vị sản xuất (đối với đề nghị hỗ trợ sản xuất giống thủy sản).

- Bàn kê chi phí; chứng từ tài chính.

b) Sở KH&CN chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở NN&PTNT, UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên các địa bàn triển khai thực hiện trồng cây, nuôi con và các cơ quan có liên quan tiến hành đánh giá kết quả đã thực hiện, thẩm định chi phí, xác định kinh phí hỗ trợ; trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định. Kinh phí đánh giá kết quả, thẩm định chi phí được áp dụng theo mức chi cho hoạt động đánh giá nghiệm thu, thẩm định tài chính nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; được bố trí từ nguồn SNKH hằng năm về Sở KH&CN để thực hiện.

2. Hỗ trợ nghiên cứu sản xuất được phẩm mới, thực phẩm chức năng mới từ dược liệu được trồng trên địa bàn tỉnh

a) Tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Sở KH&CN; gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ.

- Bản mô tả quy trình sản xuất dược phẩm mới hoặc thực phẩm chức năng mới (nêu rõ các dược liệu được sử dụng, nơi sản xuất dược liệu).

- Văn bản chứng minh đã mua dược liệu được sản xuất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa để sản xuất dược phẩm, thực phẩm chức năng.

- Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép lưu hành dược phẩm hoặc thực phẩm chức năng.

- Bản kê chi phí; chứng từ tài chính.

b) Sở KH&CN chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế, UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên các địa bàn trồng các dược liệu đã được sử dụng để sản xuất dược phẩm mới, thực phẩm chức năng mới và các cơ quan có liên quan tiến hành đánh giá kết quả đã thực hiện, thẩm định chi phí, xác định kinh phí hỗ trợ; trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định. Kinh phí đánh giá kết quả, thẩm định chi phí được áp dụng theo mức chi cho hoạt động đánh giá nghiệm thu, thẩm định tài chính nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; được bố trí từ nguồn SNKH hằng năm về Sở KH&CN để thực hiện.

3. Hỗ trợ nghiên cứu sản xuất phần mềm ứng dụng (software)

a) Tổ chức, đơn vị, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Sở KH&CN; gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ.

- Bản mô tả (nêu rõ chức năng của phần mềm) và hướng dẫn sử dụng phần mềm.

- Báo cáo kết quả ứng dụng, sử dụng phần mềm (có xác nhận của ít nhất 5 cơ quan, đơn vị nhà nước hoặc ít nhất 10 tổ chức, doanh nghiệp ứng dụng phần mềm; hoặc văn bản, tài liệu chứng minh được có ít nhất 1.000 cá nhân sử dụng phần mềm).

- Bản kê chi phí; chứng từ tài chính.

b) Sở KH&CN chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan có liên quan tiến hành đánh giá kết quả đã thực hiện, thẩm định chi phí, xác định kinh phí hỗ trợ; trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định. Kinh phí đánh giá kết quả, thẩm định chi phí được áp dụng theo mức chi cho hoạt động đánh giá nghiệm thu, thẩm định tài chính nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; được bố trí từ nguồn SNKH hằng năm về Sở KH&CN để thực hiện.

4. Hỗ trợ đổi mới công nghệ - thiết bị sản xuất một số sản phẩm công nghiệp có khả năng cạnh tranh tốt

a) Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Sở KH&CN; gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ.

- Dự án đổi mới toàn bộ công nghệ.

- Hợp đồng và Bản thanh lý hợp đồng chuyển giao công nghệ; hoặc Hợp đồng và Bản thanh lý hợp đồng mua sắm máy móc, thiết bị kèm theo chuyển giao công nghệ.

- Báo cáo kết quả thực hiện dự án đổi mới toàn bộ công nghệ.

- Bản kê chi phí; chứng từ tài chính.

b) Sở KH&CN chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Công Thương, các cơ quan có liên quan tiến hành đánh giá kết quả đã thực hiện, thẩm định chi phí, xác định kinh phí hỗ trợ; trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định. Kinh phí đánh giá kết quả, thẩm định chi phí được áp dụng theo mức chi cho hoạt động đánh giá nghiệm thu, thẩm định tài chính nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; được bố trí từ nguồn SNKH hằng năm về Sở KH&CN để thực hiện.

5. Hỗ trợ nhận chuyển giao kỹ thuật cao trong chẩn đoán và điều trị

a) Bệnh viện nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Sở KH&CN; gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ.

- Dự án chuyển giao kỹ thuật.

- Hợp đồng và Bản thanh lý hợp đồng chuyển giao kỹ thuật; hoặc Hợp đồng và Bản thanh lý hợp đồng mua sắm máy móc, thiết bị kèm theo chuyển giao kỹ thuật.

- Báo cáo kết quả thực hiện dự án chuyển giao kỹ thuật

- Bản kê chi phí; các chứng từ tài chính.

b) Sở KH&CN chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế, các cơ quan có liên quan tiến hành đánh giá kết quả đã thực hiện, thẩm định chi phí, xác định kinh phí hỗ trợ; trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định. Kinh phí đánh giá kết quả, thẩm định chi phí được áp dụng theo mức chi cho hoạt động đánh giá nghiệm thu, thẩm định tài chính nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; được bố trí từ nguồn SNKH hằng năm về Sở KH&CN để thực hiện.

6. Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao trong bảo quản hải sản đánh bắt xa bờ

a) Chủ tàu nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Sở KH&CN; gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ

- Hợp đồng và Biên bản thanh lý hợp đồng nâng cấp, làm mới hầm bảo quản bằng vật liệu *Polyurethane foam*.

- Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá; giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, giấy phép khai thác thủy sản, giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm tàu cá còn thời hạn.

- Bản kê chi phí; các chứng từ tài chính.

b) Sở KH&CN chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở NN&PTNT, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các cơ quan có liên quan tiến hành đánh giá kết quả đã thực hiện, thẩm định chi phí, xác định kinh phí hỗ trợ; trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định. Kinh phí đánh giá kết quả, thẩm định chi phí được áp dụng theo mức chi cho hoạt động đánh giá nghiệm thu, thẩm định tài chính nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; được bố trí từ nguồn SNKH hằng năm về Sở KH&CN để thực hiện.

7. Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong sản xuất lúa gạo chất lượng cao theo chuỗi giá trị trên quy mô lớn

a) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Sở KH&CN; gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ
- Báo cáo kết quả sản xuất; kết quả ứng dụng công nghệ cao, công bố tiêu chuẩn chất lượng, dán nhãn hàng hóa, dán tem truy xuất nguồn gốc.
- Hồ sơ theo dõi quá trình sản xuất theo quy định của tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP.
- Hợp đồng và Biên bản thanh lý hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc hợp đồng hỗ trợ ứng dụng công nghệ; Giấy chứng nhận cơ sở sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP hoặc GlobalGAP; Bản công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm; Nhãn hàng hóa; Hợp đồng và Biên bản thanh lý hợp đồng dán tem truy xuất nguồn gốc.

- Bản kê chi phí; chứng từ tài chính.

b) Sở KH&CN chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở NN&PTNT, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn triển khai dự án, các cơ quan có liên quan tiến hành đánh giá kết quả đã thực hiện, thẩm định chi phí, xác định kinh phí hỗ trợ; trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định. Kinh phí đánh giá kết quả, thẩm định chi phí được áp dụng theo mức chi cho hoạt động đánh giá nghiệm thu, thẩm định tài chính nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; được bố trí từ nguồn SNKH hằng năm về Sở KH&CN để thực hiện.

8. Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong sản xuất cam, bưởi theo chuỗi giá trị trên quy mô lớn

a) Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ về Sở KH&CN, gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ
- Báo cáo kết quả sản xuất; kết quả ứng dụng công nghệ cao, công bố tiêu chuẩn chất lượng, dán nhãn hàng hóa, dán tem truy xuất nguồn gốc.
- Hồ sơ theo dõi quá trình sản xuất theo quy định của tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP.

- Hợp đồng và Biên bản thanh lý hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc hợp đồng hỗ trợ ứng dụng công nghệ; Giấy chứng nhận cơ sở sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP/ GlobalGAP; Bản công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm; Nhãn hàng hóa; Hợp đồng và Biên bản thanh lý hợp đồng dán tem truy xuất nguồn gốc.

- Bản kê chi phí; chứng từ tài chính.

b) Sở KH&CN chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở NN&PTNT, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn triển khai dự án, các cơ quan có liên quan tiến hành đánh giá kết quả đã thực hiện, thẩm định chi phí, xác định kinh phí hỗ trợ; trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định. Kinh phí đánh giá kết quả, thẩm định chi phí được áp dụng theo mức chi cho hoạt động đánh giá nghiệm thu, thẩm định tài chính nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; được bố trí từ nguồn SNKH hằng năm về Sở KH&CN để thực hiện.

9. Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nuôi tôm chân trắng nước mặn theo chuỗi giá trị trên quy mô lớn

a) Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị hỗ trợ về Sở KH&CN, gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ.

- Báo cáo kết quả sản xuất; kết quả ứng dụng công nghệ cao, áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt.

- Hồ sơ theo dõi quá trình sản xuất theo quy định của tiêu chuẩn VietGAP hoặc GlobalGAP.

- Hợp đồng và Biên bản thanh lý hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc hợp đồng hỗ trợ ứng dụng công nghệ; Giấy chứng nhận cơ sở sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP hoặc GlobalGAP.

- Bản kê chi phí; chứng từ tài chính.

b) Sở KH&CN chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở NN&PTNT, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn triển khai dự án, các cơ quan có liên quan tiến hành đánh giá kết quả đã thực hiện, thẩm định chi phí, xác định kinh phí hỗ trợ; trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định. Kinh phí đánh giá kết quả, thẩm định chi phí được áp dụng theo mức chi cho hoạt động đánh giá nghiệm thu, thẩm định tài chính nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; được bố trí từ nguồn SNKH hằng năm về Sở KH&CN để thực hiện.

10. Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao trong giết mổ, chế biến gia súc, gia cầm gắn với phát triển chăn nuôi theo chuỗi giá trị trên quy mô lớn.

a) Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Sở KH&CN; gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ

- Dự án đầu tư nhà máy, cơ sở giết mổ, chế biến được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

- Hợp đồng và Biên bản thanh lý hợp đồng chuyển giao công nghệ; hoặc Hợp đồng và Biên bản thanh lý hợp đồng mua sắm máy móc, thiết bị kèm theo chuyển giao công nghệ.

- Báo cáo kết quả thực hiện dự án đầu tư.

- Bản kê chi phí; chứng từ tài chính.

b) Sở KH&CN chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở NN&PTNT, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn triển khai dự án, các cơ quan có liên quan tiến hành đánh giá kết quả đã thực hiện, thẩm định chi phí, xác định kinh phí hỗ trợ; trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định. Kinh phí đánh giá kết quả, thẩm định chi phí được áp dụng theo mức chi cho hoạt động đánh giá nghiệm thu, thẩm định tài chính nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; được bố trí từ nguồn SNKH hằng năm về Sở KH&CN để thực hiện.

11. Hỗ trợ nâng cao năng lực các phòng thí nghiệm, phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm sản phẩm trực thuộc doanh nghiệp.

a) Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Sở KH&CN; gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ và cam kết thời gian sử dụng trang thiết bị kỹ thuật.

- Hợp đồng mua sắm trang thiết bị kỹ thuật, thanh lý hợp đồng mua sắm trang thiết bị kỹ thuật.

- Giấy chứng nhận đạt chuẩn ISO/IEC 17025.

- Báo cáo về hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp.

- Bản kê chi phí; chứng từ tài chính.

b) Sở KH&CN chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn có phòng thí nghiệm, phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, các cơ quan có liên quan tiến hành đánh giá kết quả đã thực hiện, thẩm định chi phí, xác định kinh phí hỗ trợ; trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định. Kinh phí đánh giá kết quả, thẩm định chi phí được áp dụng theo mức chi cho hoạt động đánh giá nghiệm thu, thẩm định tài chính nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; được bố trí từ nguồn SNKH hằng năm về Sở KH&CN để thực hiện.

VIII. Tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện tổ chức phổ biến, truyền về chính sách đến các đối tượng thụ hưởng chính sách.

- Chủ trì xây dựng dự toán kinh phí thực hiện chính sách cho từng năm, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh, HĐND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ, tổ chức đánh giá, thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

2. Sở Tài chính

- Hằng năm thẩm định dự toán kinh phí do Sở KH&CN lập, trình UBND tỉnh, HĐND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện chính sách.

- Phối hợp với Sở KH&CN trong đánh giá, thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

3. Các sở, ban, ngành liên quan, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Thanh Hóa phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ trong việc phổ biến chính sách; tham gia đánh giá, thẩm định hồ sơ hỗ trợ khi được Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị.

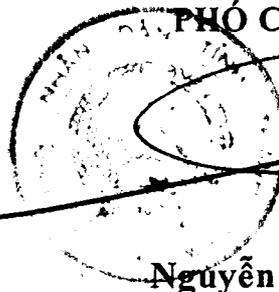
4. Đài Phát thanh - Truyền hình, Báo Thanh Hóa, các cơ quan thông tin đại chúng, các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng để các địa phương, đơn vị, nhân dân biết, tổ chức có hiệu quả chính sách.

UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban VHXH, HĐND tỉnh (để thẩm tra);
- CVP, các PCVPUBND tỉnh;
- Lưu:VT, PgNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền

Số: /2017/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2017

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Về chính sách khuyến khích phát triển khoa học và công nghệ
trở thành khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội
tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ TƯ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

*Căn cứ Nghị định 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính
phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công
nghệ;*

*Xét Tờ trình số 186/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2017 của UBND
tỉnh về chính sách khuyến khích phát triển khoa học và công nghệ trở thành khâu
đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020; Báo cáo
thẩm tra số/VHXH-HĐND ngày tháng năm 2017 của Ban Văn
hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND
tỉnh tại kỳ họp,*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành chính sách khuyến khích phát triển khoa học và công nghệ trở thành khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, với những nội dung như sau:

1. HỖ TRỢ NGHIÊN CỨU, SẢN XUẤT GIỐNG CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI

1.1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

a) Đối tượng

Các tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh có đăng ký hoạt động nghiên cứu, sản xuất giống cây trồng, vật nuôi.

b) Điều kiện

- **Đối với chọn tạo, du nhập, khảo nghiệm, sản xuất giống cây trồng mới**

+ Các giống mới được chọn tạo, du nhập, khảo nghiệm gồm: cam, bưởi, dứa, khoai tây, lạc, đậu tương.

+ Giống mới phải có năng suất tăng 15% hoặc có hiệu quả kinh tế tăng 15% trở lên so với giống đang được sản xuất đại trà.

+ Diện tích được trồng bằng giống mới tối thiểu 30 ha/giống đối với cam, bưởi, dứa; 100 ha/giống đối với khoai tây; 200 ha/giống đối với lạc, đậu tương; được thực hiện trong khoảng thời gian từ 01/01/2018 đến 31/12/2020.

- Đối với phục tráng, sản xuất giống cây ăn quả đặc sản

+ Giống đưa vào phục tráng phải thuộc một trong các giống cây ăn quả đặc sản Thanh Hóa: cam Vân Du, quýt Bá Thước, quýt vôi Ngọc Lặc.

+ Diện tích trồng bằng giống được phục tráng tối thiểu 30 ha/giống; được thực hiện trong khoảng thời gian từ 01/01/2018 đến 31/12/2020.

- Đối với sản xuất cây giống lâm nghiệp bằng phương pháp nuôi cấy mô

+ Sản xuất được bằng phương pháp nuôi cấy mô một trong các giống cây: Keo lai, Xoan chịu hạn, Quế Thường Xuân, Giổi ăn hạt.

+ Toàn bộ quy trình sản xuất cây giống được thực hiện trên địa bàn tỉnh.

+ Diện tích rừng trồng bằng cây giống đã được sản xuất theo phương pháp nuôi cấy mô ít nhất là 30 ha/giống; tỷ lệ sống từ 85% trở lên; cây sinh trưởng phát triển tốt; được thực hiện trong khoảng thời gian từ 01/01/2018 đến 31/12/2020.

- Đối với sản xuất giống thủy sản

+ Sản xuất được một trong số các giống thủy sản: con Phi (*Sanguinolaria diphos*, *Linnaeus*, 1771), cá Chiên, cá Nheo, cá Ngạnh sông.

+ Toàn bộ quy trình sản xuất con giống được thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

+ Số lượng con giống đã sản xuất được đưa vào nuôi thương phẩm trong khoảng thời gian từ 01/01/2018 đến 31/12/2020:

. Con Phi: tối thiểu 10.000.000 con/điện tích nuôi tối thiểu 10 ha; tỷ lệ sống từ 70% trở lên.

. Cá Chiên, cá Ngạnh sông: tối thiểu 300.000 con/giống/điện tích nuôi tối thiểu 30 ha/giống; tỷ lệ sống từ 80% trở lên.

. Cá Nheo: tối thiểu 600.000 con/điện tích nuôi tối thiểu 30 ha; tỷ lệ sống từ 80% trở lên.

1.2. Nội dung, mức hỗ trợ

- Đối với chọn tạo giống cây trồng mới: được thực hiện theo hình thức nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

- Đối với du nhập, khảo nghiệm, sản xuất giống cây trồng mới: Hỗ trợ 30% chi phí du nhập, khảo nghiệm, sản xuất giống để trồng 30ha/giống đối với cam, bưởi; 100 ha/giống đối với khoai tây; 200 ha/giống đối với lạc, đậu tương (gồm: chi công lao động trực tiếp; chi mua vật tư, nguyên nhiên vật liệu; chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định; chi hội thảo khoa học, công tác phí; chi trả dịch vụ thuê ngoài; chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu; chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc). Mức hỗ trợ tối đa 2 tỷ đồng/giống.

- Đối với phục tráng, sản xuất giống cây ăn quả đặc sản: Hỗ trợ 30%: chi phí phục tráng, sản xuất giống để trồng 30ha/giống (gồm: chi công lao động trực tiếp; chi mua vật tư, nguyên nhiên vật liệu; chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định; chi hội thảo khoa học, công tác phí; chi trả dịch vụ thuê ngoài; chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu; chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc). Mức hỗ trợ tối đa 2 tỷ đồng/giống.

- Đối với sản xuất cây giống lâm nghiệp bằng phương pháp nuôi cấy mô: Hỗ trợ 30%: chi phí nhận chuyển giao công nghệ (nếu có), chi phí sản xuất đủ số lượng cây giống bằng phương pháp nuôi cấy mô để trồng trên diện tích 30ha/giống (gồm: chi công lao động trực tiếp; chi mua vật tư, nguyên nhiên vật liệu; chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định; chi hội thảo khoa học, công tác phí; chi trả dịch vụ thuê ngoài; chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu; chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc). Mức hỗ trợ tối đa 2 tỷ đồng/giống.

- Đối với sản xuất giống thủy sản: Hỗ trợ 30%: chi phí nhận chuyển giao công nghệ (nếu có), chi phí sản xuất đủ số lượng con giống để nuôi 10 ha đối với con Phi, 30 ha đối với cá Nheo, cá Chiên, cá Ngạnh sông (gồm: chi công lao động trực tiếp; chi mua vật tư, nguyên nhiên vật liệu; chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định; chi hội thảo khoa học, công tác phí; chi trả dịch vụ thuê ngoài; chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu; chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc). Mức hỗ trợ tối đa 2 tỷ đồng/giống.

1.3. Thời điểm hỗ trợ

- Đối với du nhập, khảo nghiệm, sản xuất giống cây trồng mới; phục tráng sản xuất giống cây ăn quả đặc sản; sản xuất cây giống lâm nghiệp bằng phương pháp nuôi cấy mô: sau khi đã sản xuất được cây giống và cây giống đã được đem ra trồng đủ diện tích.

- Đối với sản xuất giống thủy sản: sau khi đã sản xuất được con giống và con giống đã được đem ra nuôi đủ diện tích.

2. HỖ TRỢ NGHIÊN CỨU SẢN XUẤT DƯỢC PHẨM MỚI, THỰC PHẨM CHỨC NĂNG MỚI TỪ DƯỢC LIỆU TRỒNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

2.1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

a) Đối tượng

Các tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh có đăng ký hoạt động nghiên cứu, sản xuất dược phẩm, thực phẩm chức năng.

b) Điều kiện

- Nghiên cứu tạo ra dược phẩm mới, thực phẩm chức năng mới trong khoảng thời gian từ 01/01/2018 đến 31/12/2020.

- Toàn bộ dược liệu để sản xuất dược phẩm mới, thực phẩm chức năng mới là dược liệu trồng tại Thanh Hóa, thuộc ít nhất một trong số các dược liệu sau: quế, cà gai leo, gừng, nghệ, giảo cổ lam, gấc, hà thủ ô, ngũ gia bì, sâm cau, ích mẫu, đinh lăng, sa nhân, đương quy, mã tiền, thổ phục linh, nấm linh chi, lan gấm, sâm báo.

- Giá trị sản phẩm mới đã được tiêu thụ trên thị trường tối thiểu 1,5 tỷ đồng/sản phẩm.

2.2. Nội dung, mức hỗ trợ

Hỗ trợ 30% chi phí để tạo ra dược phẩm mới, thực phẩm chức năng mới (gồm: chi công lao động trực tiếp; chi mua vật tư, nguyên nhiên vật liệu; chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định; chi hội thảo khoa học, công tác phí; chi trả dịch vụ thuê ngoài; chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu; chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc). Mức hỗ trợ tối đa cho mỗi dược phẩm mới, thực phẩm chức năng mới là 500 triệu đồng. Đối với mỗi tổ chức, đơn vị, từ sản phẩm thứ hai trở đi mức hỗ trợ tối đa là 250 triệu đồng/sản phẩm.

2.3. Thời điểm hỗ trợ

Sau khi dược phẩm mới, thực phẩm chức năng mới được cơ quan có thẩm quyền cho phép lưu hành.

3. HỖ TRỢ NGHIÊN CỨU SẢN XUẤT PHẦN MỀM ỨNG DỤNG (SOFTWARE)

3.1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

a) Đối tượng

Các tổ chức, đơn vị, cá nhân trên địa bàn tỉnh có đăng ký hoạt động nghiên cứu, sản xuất phần mềm.

b) Điều kiện

- Sản xuất được phần mềm (*software*) mới trong khoảng thời gian từ 01/01/2018 đến 31/12/2020, thuộc một trong các nhóm sau:

+ Phục vụ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa: Có chức năng điều khiển tự động quá trình sản xuất, theo dõi quá trình sản xuất, truy xuất nguồn gốc sản phẩm

+ Phục vụ công tác quản lý giám sát từ xa mức độ ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa: Có chức năng thu thập tự động dữ liệu về mức độ ô nhiễm ở các khu vực có nguy cơ ô nhiễm cao.

+ Phục vụ công tác quản lý hồ sơ sức khỏe cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa: Có chức năng liên thông từ các trạm Y tế, phòng khám bác sĩ gia đình đến các bệnh viện để trao đổi về lịch sử khám, điều trị của bệnh nhân nhằm nâng cao hiệu quả điều trị cho bệnh nhân tại các cơ sở khám chữa bệnh.

+ Phục vụ hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa: Có chức năng hỗ trợ du khách trong việc lựa chọn tour, điểm đến, điểm nghỉ, các sản phẩm, dịch vụ du lịch và thanh toán dịch vụ.

+ Phục vụ quảng cáo, phân phối và bán các sản phẩm truyền thống của Thanh Hóa qua Internet: Có chức năng kết nối website thương mại điện tử, ứng dụng thương mại điện tử trên mobile với các làng nghề truyền thống nhằm quảng cáo, phân phối và bán các sản phẩm truyền thống của địa phương cho khách hàng trong và ngoài tỉnh.

- Phần mềm được ứng dụng tại ít nhất 5 cơ quan, đơn vị nhà nước của tỉnh Thanh Hóa hoặc ít nhất 10 tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; hoặc được ít nhất 1.000 cá nhân sử dụng (đối với phần mềm phục vụ hoạt động du lịch; phần mềm phục vụ quảng cáo, phân phối và bán sản phẩm truyền thống của Thanh Hóa qua Internet).

3.2. Nội dung, mức hỗ trợ

Hỗ trợ 30% chi phí tạo ra phần mềm mới (gồm: chi công lao động trực tiếp; chi mua vật tư, nguyên nhiên vật liệu; chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định; chi hội thảo khoa học, công tác phí; chi trả dịch vụ thuê ngoài; chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu; chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc). Mức hỗ trợ tối đa 1 tỷ đồng/1 phần mềm.

3.3. Thời điểm hỗ trợ

Sau khi phần mềm được ít nhất 5 cơ quan, đơn vị nhà nước của tỉnh hoặc ít nhất 10 tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; hoặc được ít nhất 1.000 cá nhân sử dụng.

4. HỖ TRỢ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ - THIẾT BỊ SẢN XUẤT MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CÓ KHẢ NĂNG CẠNH TRANH TỐT

4.1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

a) Đối tượng

Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đang sản xuất các sản phẩm: đá ốp lát xây dựng; cát xây dựng; chế biến thủy sản; thức ăn gia súc; bao bì.

b) Điều kiện

- Bắt đầu thực hiện và hoàn thành đổi mới toàn bộ công nghệ trong khoảng thời gian từ 01/01/2018 đến 31/12/2020 để thay thế công nghệ đang có bằng một trong số các công nghệ - thiết bị sau đây:

+ Công nghệ - thiết bị khai thác đá “cắt dây”, công nghệ - thiết bị cắt đá CNC (đối với khai thác, chế biến đá ốp lát xây dựng).

+ Công nghệ - thiết bị hút chân không băng tải (đối với chế biến thủy sản).

+ Công nghệ - thiết bị dệt 8 thoi (đối với sản xuất bao bì).

+ Công nghệ - thiết bị sản xuất tự động hóa (đối với sản xuất thức ăn gia súc).

+ Công nghệ - thiết bị sản xuất cát nhân tạo (đối với sản xuất cát xây dựng).

+ Công nghệ cao, công nghệ khuyến khích chuyển giao (thuộc danh mục công nghệ cao, danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao quy định tại: Quyết định 66/2014/QĐ-TTg ngày 25/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển; Quyết định 13/2017/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển; Nghị định 120/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao).

- Máy móc, thiết bị kèm theo công nghệ (nếu có) phải mới 100%.

- Giá trị chuyển giao công nghệ (gồm cả máy móc, thiết bị kèm theo) phải từ 5 tỷ đồng trở lên.

- Giá trị gia tăng của sản phẩm phải tăng tối thiểu 10% so với trước khi đổi mới công nghệ.

4.2. Nội dung, mức hỗ trợ

Hỗ trợ 30% giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ (gồm cả máy móc, thiết bị kèm theo, nếu có). Mức hỗ trợ tối đa 5 tỷ đồng/doanh nghiệp.

4.3. Thời điểm hỗ trợ

Sau khi đã hoàn thành đổi mới toàn bộ công nghệ.

5. HỖ TRỢ NHẬN CHUYỂN GIAO KỸ THUẬT CAO TRONG CHẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRỊ

5.1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

a) Đối tượng

- Các bệnh viện tư nhân đăng ký hoạt động trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
- Các bệnh viện công lập sẽ được xem xét hỗ trợ theo từng dự án cụ thể khi nhận chuyển giao một trong các công nghệ, kỹ thuật: *Ghép tạng; Ứng dụng tế bào gốc trong điều trị; Phẫu thuật bằng robot.*

b) Điều kiện

Bắt đầu thực hiện và hoàn thành việc nhận chuyển giao các kỹ thuật sau đây trong khoảng thời gian từ 01/01/2018 đến 31/12/2020:

- Chụp cộng hưởng từ (MRI) 3.0 Tesla.
- Gia tốc tuyến tính xạ trị ung thư (xạ trị điều biến liều IMRT).
- Chạy thận nhân tạo (AK 98).
- Phẫu thuật nội soi Full HD.

5.2. Nội dung, mức hỗ trợ

Hỗ trợ 30% chi phí nhận chuyển giao kỹ thuật (Chi thuê chuyên gia; Chi mua sắm, nhập khẩu trang thiết bị chuyên dụng phục vụ trực tiếp cho việc triển khai thực hiện kỹ thuật; Chi đào tạo, tập huấn cán bộ kỹ thuật; Chi phí kiểm tra, phân tích các kết quả trong quá trình ứng dụng kỹ thuật). Mức hỗ trợ tối đa 2 tỷ đồng cho một kỹ thuật.

5.3. Thời điểm hỗ trợ

Sau khi hoàn thành việc nhận chuyển giao kỹ thuật.

6. HỖ TRỢ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TRONG BẢO QUẢN HẢI SẢN ĐÁNH BẮT XA BỜ

6.1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

a) Đối tượng

Chủ tàu khai thác hải sản có công suất máy chính từ 400 CV trở lên; Chủ tàu dịch vụ hậu cần nghề cá có công suất máy chính từ 800 CV trở lên.

b) Điều kiện

- Bắt đầu thực hiện và hoàn thành nâng cấp, làm mới hầm bảo quản hải sản trên tàu khai thác (có công suất 400CV trở lên), tàu dịch vụ hậu cần nghề cá (có công suất 800CV trở lên) bằng vật liệu *Polyurethane foam* trong khoảng thời gian từ 01/01/2018 đến 31/12/2020.

- Có giấy chứng nhận đăng ký tàu cá; giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá; giấy phép khai thác thủy sản; giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm tàu cá còn thời hạn.

6.2. Nội dung, mức hỗ trợ

Hỗ trợ 30% kinh phí nâng cấp, làm mới hầm bảo quản hải sản bằng vật liệu Polyurethane foam. Mức hỗ trợ tối đa 200 triệu đồng/tàu.

6.3. Thời điểm hỗ trợ

Sau khi tàu đã được hoàn thành hầm bảo quản và hoạt động được ít nhất 3 chuyến đi đánh bắt hoặc vận chuyển.

7. HỖ TRỢ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO, QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT TRONG SẢN XUẤT LÚA GẠO CHẤT LƯỢNG CAO THEO CHUỖI GIÁ TRỊ TRÊN QUY MÔ LỚN

7.1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

a) Đối tượng

Các tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), hộ gia đình, cá nhân.

b) Điều kiện

Đầu tư sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ lúa gạo chất lượng cao, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, trong khoảng thời gian từ 01/01/2018 đến 31/12/2020, đáp ứng các yêu cầu sau:

- Diện tích canh tác tập trung: từ 100 ha trở lên.
- Giống lúa đưa vào sản xuất là giống có chất lượng cao (Bắc Thịnh; Bắc Xuyên; Lam Sơn 8; Bắc Thơm số 7; TBR 225; VT 404; Nghi Hương 2308; Thái Xuyên 111; DQ 11; Hương ưu 98).
- Ứng dụng công nghệ cao (thuộc danh mục công nghệ cao ứng dụng trong nông nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 738/QĐ-BNN-KHCN ngày 14/3/2017 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT) trong sản xuất.
- Áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP hoặc GlobalGAP).
- Sản phẩm gạo được công bố tiêu chuẩn chất lượng, có nhãn hàng hóa, có tem truy xuất nguồn gốc.

7.2. Nội dung, mức hỗ trợ

Hỗ trợ một lần 30%: giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ (gồm cả máy móc, thiết bị kèm theo, nếu có) hoặc hợp đồng hỗ trợ ứng dụng công nghệ (gồm cả máy móc, thiết bị kèm theo, nếu có); chi phí xây dựng nhãn hàng hóa; chi phí đầu tư để được công nhận VietGAP hoặc GlobalGAP; chi phí xây dựng và công bố tiêu chuẩn cho sản phẩm; chi phí dán tem truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm của 1 vụ sản xuất. Sau khi đã được hỗ trợ mà tiếp tục mở rộng diện tích thì cứ tăng thêm 100 ha sẽ được hỗ trợ bằng 50% mức hỗ trợ lần đầu. Tổng hỗ trợ tối đa không quá 3 tỷ đồng/dự án.

7.3. Thời điểm hỗ trợ

Đã sản xuất được ít nhất 1 vụ.

8. HỖ TRỢ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO, QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT TRONG SẢN XUẤT CAM, BƯỞI THEO CHUỖI GIÁ TRỊ TRÊN QUY MÔ LỚN

8.1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

a) Đối tượng

Các tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), hộ gia đình, cá nhân.

b) Điều kiện

Đầu tư sản xuất cam, bưởi gắn với tiêu thụ sản phẩm, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, trong khoảng thời gian từ 01/01/2018 đến trước 31/12/2020, đáp ứng các yêu cầu sau:

- Diện tích trồng tập trung: từ 50 ha trở lên;

- Ứng dụng công nghệ cao (thuộc danh mục công nghệ cao ứng dụng trong nông nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 738/QĐ-BNN-KHCN ngày 14/3/2017 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT) trong sản xuất.

- Áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP hoặc GlobalGAP).

- Sản phẩm được công bố tiêu chuẩn chất lượng, có nhãn hàng hóa, có tem truy xuất nguồn gốc.

8.2. Nội dung, mức hỗ trợ

Hỗ trợ một lần 30%: giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ (gồm cả máy móc, thiết bị kèm theo, nếu có) hoặc hợp đồng hỗ trợ ứng dụng công nghệ (gồm cả máy móc, thiết bị kèm theo, nếu có); chi phí xây dựng nhãn hàng hóa; chi phí đầu tư để được công nhận VietGAP hoặc GlobalGAP; chi phí xây dựng và công bố tiêu chuẩn cho sản phẩm; chi phí dán tem truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm của 1 vụ sản xuất. Sau khi đã được hỗ trợ mà tiếp tục mở rộng diện tích thì cứ tăng thêm 50 ha sẽ được hỗ trợ bằng 50% mức hỗ trợ lần đầu. Tổng hỗ trợ tối đa không quá 6 tỷ đồng/dự án.

8.3. Thời điểm hỗ trợ

Sau khi dự án có sản phẩm thu hoạch và được tiêu thụ.

9. HỖ TRỢ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO, QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT TRONG NUÔI TÔM CHÂN TRẮNG NƯỚC MẶN THEO CHUỖI GIÁ TRỊ TRÊN QUY MÔ LỚN

9.1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

a) Đối tượng

Tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), hộ gia đình, cá nhân.

b) Điều kiện

Đầu tư sản xuất tôm chân trắng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, trong khoảng thời gian từ 01/01/2018 đến 31/12/2020, đáp ứng các yêu cầu sau:

- Diện tích nuôi: từ 1,0 ha trở lên.

- Nuôi thâm canh công nghệ cao trong nhà bạt, hoặc nhà màng, hoặc nhà kính.

- Áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP hoặc GlobalGAP).

9.2. Nội dung, mức hỗ trợ

Hỗ trợ một lần 30%: giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ (gồm cả máy móc, thiết bị kèm theo, nếu có) hoặc hợp đồng hỗ trợ ứng dụng công nghệ (gồm cả máy móc, thiết bị kèm theo, nếu có); chi phí đầu tư để được công nhận VietGAP hoặc GlobalGAP). Sau khi đã được hỗ trợ mà tiếp tục mở rộng diện tích thì cứ tăng thêm 1 ha sẽ được hỗ trợ bằng 50% mức hỗ trợ lần đầu. Tổng hỗ trợ tối đa không quá 3 tỷ đồng/dự án.

9.3. Thời điểm hỗ trợ

Sau khi đã sản xuất được ít nhất 1 vụ.

10. HỖ TRỢ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TRONG GIẾT MỠ, CHẾ BIẾN GIA SÚC, GIA CÀM GẮN VỚI PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI THEO CHUỖI GIÁ TRỊ TRÊN QUY MÔ LỚN

10.1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

a) Đối tượng

Các tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), hộ gia đình, cá nhân.

b) Điều kiện

Đầu tư dự án giết mổ, chế biến gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, trong khoảng thời gian từ 01/01/2018 đến 31/12/2020, đáp ứng các yêu cầu sau:

- Địa điểm thực hiện dự án nằm trong khu quy hoạch giết mổ đã được quy hoạch hoặc được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư.

- Về công nghệ:

+ Dây chuyền giết mổ, chế biến tự động hóa; sản phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

+ Máy móc, thiết bị kèm theo công nghệ (nếu có) phải mới 100%.

+ Công suất tối thiểu: 200 con gia súc/ngày hoặc 2.000 con gia cầm/ngày.

- Có cơ sở chăn nuôi hoặc liên kết với cơ sở chăn nuôi tại Thanh Hóa đạt cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh.

- Bảo đảm vệ sinh thú y, an toàn phòng chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường.

10.2. Nội dung, mức hỗ trợ

Hỗ trợ 30% giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ (gồm cả máy móc, thiết bị kèm theo, nếu có). Mức hỗ trợ tối đa 5 tỷ đồng/dự án.

10.3. Thời điểm hỗ trợ

Sau khi đã xuất xưởng lô sản phẩm đầu tiên.

11. HỖ TRỢ ĐẦU TƯ TRANG THIẾT BỊ KỸ THUẬT CHO PHÒNG THÍ NGHIỆM, PHÂN TÍCH, KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN, THỬ NGHIỆM SẢN PHẨM TRỰC THUỘC DOANH NGHIỆP

11.1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

a) Đối tượng

Doanh nghiệp có trụ sở chính tại Thanh Hóa

b) Điều kiện

Đầu tư mua sắm trang thiết bị kỹ thuật cho phòng thí nghiệm, phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm sản phẩm trực thuộc doanh nghiệp, trong khoảng thời gian từ 01/01/2018 đến 31/12/2020, đáp ứng các yêu cầu sau:

- Trang thiết bị kỹ thuật được mua phải hiện đại, mới 100%.
- Phòng thí nghiệm, phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm sản phẩm phải nằm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
- Sau khi được đầu tư, phòng thí nghiệm, phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phải đạt chuẩn *ISO/IEC 17025*.
- Doanh nghiệp cam kết sử dụng trang thiết bị tại phòng thí nghiệm, phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm trong thời gian ít nhất là 3 năm.

11.2. Nội dung, mức hỗ trợ

- Doanh nghiệp sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp để chi trả kinh phí mua sắm trang thiết bị kỹ thuật.
- Trong trường hợp đã chi trả bằng toàn bộ số vốn của Quỹ phát triển KH&CN mà vẫn còn thiếu, thì được hỗ trợ 20% phần còn thiếu; mức hỗ trợ tối đa không quá 1 tỷ đồng.

11.3. Thời điểm hỗ trợ

Sau khi phòng thí nghiệm, phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm được công nhận đạt chuẩn *ISO/IEC 17025*.

Điều 2. Thời gian thực hiện chính sách từ 01/01/2018 đến 31/12/2020. Kinh phí thực hiện chính sách từ ngân sách tỉnh.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật hiện hành tổ chức thực hiện; định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khoá XVII, Kỳ họp thứ Tư thông qua ngày ... tháng năm 2017 và có hiệu lực kể từ ngày tháng năm/.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- VP Quốc hội, VP Chủ tịch nước, VP Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu QH, đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Trịnh Văn Chiến

Số: 543 /BCTĐ-STP

Thanh Hóa, ngày 15 tháng 11 năm 2017

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị quyết về chính sách khuyến khích phát triển khoa học và công nghệ trở thành đột phá trong phát triển kinh tế- xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ.

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 1370/SKHHCN-VP ngày 8/11/2017 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách khuyến khích phát triển khoa học và công nghệ trở thành đột phá trong phát triển kinh tế- xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020. Sau khi nghiên cứu dự thảo, các quy định của pháp luật có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

1. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

Dự thảo đã xác định cụ thể phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng phù hợp với nội dung văn bản và quy định của pháp luật.

2. Về tính hợp pháp của văn bản:

a. Về thẩm quyền ban hành văn bản:

Theo quy định tại khoản 4 điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 thì Hội đồng nhân dân tỉnh có thẩm quyền: "*Quyết định biện pháp khuyến khích phát triển nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trên địa bàn tỉnh*".

Căn cứ quy định trên Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành "*Nghị quyết về chính sách khuyến khích phát triển khoa học và công nghệ trở thành đột phá trong phát triển kinh tế- xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020*" là phù hợp và đúng thẩm quyền.

b. Về nội dung:

Dự thảo đã thể hiện đầy đủ đối tượng hỗ trợ, điều kiện hỗ trợ, nội dung hỗ trợ mức hỗ trợ và thời điểm hỗ trợ, thời gian thực hiện chính sách, phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về thể thức và kỹ thuật trình bày:

Dự thảo đảm bảo về thể thức và kỹ thuật trình bày theo quy định của pháp luật.

4. Ý kiến của cơ quan thẩm định:

Dự thảo đủ điều kiện trình HĐND tỉnh.

Kính chuyên Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, XDVB.

GIÁM ĐỐC



The seal is circular with the text "CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM" around the top and "THÀNH HÒA" at the bottom. In the center, it says "SỞ TƯ PHÁP". A handwritten signature is written across the seal.

Bùi Đình Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

ĐỀ ÁN

**"Chính sách khuyến khích phát triển khoa học và công nghệ
trở thành khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội
tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020"**

*(Đã được hoàn chỉnh theo Kết luận của Bí thư Tỉnh ủy
tại Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy ngày 23/11/2017)*

THÁNG 11- 2017

NHỮNG TỪ VIẾT TẮT

CNTT	Công nghệ thông tin
DN	Doanh nghiệp
KH&CN	Khoa học và Công nghệ
KHKT	Khoa học kỹ thuật
KTXH	Kinh tế - xã hội
NN&PTNT	Nông nghiệp và phát triển nông thôn
SNKH	Sự nghiệp khoa học
UBND	Ủy ban nhân dân

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	5
I SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN	5
II CĂN CỨ ĐỀ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN	6
1. Các văn bản của Trung ương	6
2. Các văn bản của Tỉnh	7
Phần thứ nhất	
THỰC TRẠNG CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	8
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH	
I CÁC CHÍNH SÁCH HIỆN HÀNH VỀ PHÁT TRIỂN KH&CN	8
1. Chính sách nhằm đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao	8
tiền bộ KH&CN	
1.1 Trong lĩnh vực nông nghiệp	8
1.2 Trong lĩnh vực y, dược	12
1.3 Trong lĩnh vực công nghệ thông tin	15
1.4 Trong bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu	16
1.5 Trong nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp	18
2. Chính sách nhằm thu hút các dự án sản xuất, kinh doanh có hàm lượng	18
KH&CN cao	
2.1 Chính sách của Trung ương	18
2.2 Chính sách của Tỉnh	18
3. Chính sách nhằm nâng cao năng lực KH&CN	
3.1 Chính sách tăng cường cơ sở vật chất cho KH&CN	18
3.2 Chính sách phát triển nhân lực KH&CN	19
3.3 Chính sách về vốn đầu tư cho KH&CN	20
II NHẬN XÉT VÀ ĐỀ XUẤT CÁC CHÍNH SÁCH CẦN BAN HÀNH	21
1. Nhận xét	21
1.1 Về chính sách nhằm đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng	21
chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ và đổi mới công nghệ -	
thiết bị	
1.2. Về chính sách nhằm thu hút các dự án sản xuất, kinh doanh có hàm	21
lượng KH&CN cao	
1.3 Về chính sách nhằm nâng cao năng lực khoa học và công nghệ	21
2. Đề xuất	22
Phần thứ hai	
CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRỞ THÀNH	23
KHẤU ĐỘT PHÁ TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH THANH HÓA ĐẾN NĂM 2020	
I MỤC TIÊU	23
1. Mục tiêu chung	23
2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020	23
II CÁC CHÍNH SÁCH CỤ THỂ	24
1. Hỗ trợ nghiên cứu, sản xuất giống cây trồng, vật nuôi mới; sản xuất	24
sản phẩm mới; đổi mới công nghệ - thiết bị	
1.1 Hỗ trợ nghiên cứu, sản xuất giống cây trồng, vật nuôi	24
1.2 Hỗ trợ nghiên cứu, sản xuất dược phẩm mới, thực phẩm chức năng mới	27

từ được liệu trồng trên địa bàn tỉnh	
1.3 Hỗ trợ nghiên cứu, sản xuất phần mềm ứng dụng (software)	29
1.4 Hỗ trợ đổi mới công nghệ - thiết bị sản xuất một số sản phẩm công nghiệp có khả năng cạnh tranh tốt	31
1.5 Hỗ trợ nhận chuyển giao kỹ thuật cao trong chẩn đoán và điều trị	33
1.6 Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao trong bảo quản hải sản đánh bắt xa bờ	35
2. Hỗ trợ phát triển sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ cao, theo chuỗi giá trị, trên quy mô lớn	36
2.1. Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong sản xuất lúa chất lượng cao theo chuỗi giá trị trên quy mô lớn	36
2.2. Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong sản xuất cam, bưởi theo chuỗi giá trị trên quy mô lớn	38
2.3. Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nuôi tôm chân trắng nước mặn theo chuỗi giá trị trên quy mô lớn	40
2.4 Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao trong giết mổ, chế biến gia súc, gia cầm gắn với phát triển chăn nuôi theo chuỗi giá trị trên quy mô lớn	41
3. Hỗ trợ nâng cao năng lực các phòng thí nghiệm, phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm sản phẩm trực thuộc doanh nghiệp	43
Hỗ trợ đầu tư trang thiết bị kỹ thuật cho phòng thí nghiệm, phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm sản phẩm trực thuộc doanh nghiệp	43
III. THỜI GIAN, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH	44
1. Thời gian	44
2. Kinh phí	44
2.1 Tổng nhu cầu kinh phí	44
2.2 Nguồn kinh phí	46
Phần thứ ba	
TỔ CHỨC THỰC HIỆN	47
I. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CẤP, CÁC NGÀNH	47
1. Sở Khoa học và Công nghệ	47
2. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư	47
3. Các sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Thanh Hóa	47
4. Đài Phát thanh - Truyền hình, Báo Thanh Hóa	47
II. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH ĐƯỢC NHÀ NƯỚC HỖ TRỢ	47
III. GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ PHÁT SINH	47
Phụ lục	48
HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2011 - 2016	

MỞ ĐẦU

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Khoa học và công nghệ có vai trò đặc biệt quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, là “động lực của sự phát triển”. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XVIII đã xác định “Nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội” là một trong 4 khâu đột phá của tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020. Kế hoạch 169/KH-UBND của UBND tỉnh đã xác định 10 mục tiêu¹ phát triển KH&CN và 3 nội dung² cần phải tổ chức thực hiện trong giai đoạn 2016 - 2020. Để thực hiện được các mục tiêu, nội dung đó thì cần phải có các chính sách phát triển KH&CN phù hợp.

2. Trong những năm qua, đã có nhiều chính sách phát triển KH&CN được Trung ương, Tỉnh ban hành. Hầu hết các chính sách phát triển KH&CN này được lồng ghép trong các chính sách, đề án, chương trình phát triển của từng lĩnh vực, từng đối tượng. Vì vậy, cần có sự tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện các chính sách phát triển KH&CN được lồng ghép trong các chính sách, đề án, chương trình phát triển hiện hành. Trên cơ sở đó, xác định các chính sách mới cần được ban hành để phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, nội dung phát triển KH&CN giai đoạn 2016 – 2020 đã được xác định.

3. Đề án “Chính sách khuyến khích phát triển để KH&CN trở thành đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội” được xây dựng nhằm:

- Đánh giá các chính sách hiện hành có tác động trực tiếp đến việc thực hiện 3 nội dung tại Kế hoạch 169/KH-UBND.

¹ - Đến năm 2020, thông qua yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) hoạt động khoa học và công nghệ đóng góp khoảng 30% - 35% tăng trưởng kinh tế.

- Tỷ trọng sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao trong tổng GRDP đạt 30% trở lên.

- Có ít nhất 50 sản phẩm địa phương được xây dựng tiêu chuẩn và được bảo hộ về sở hữu trí tuệ.

- 100% cơ quan quản lý nhà nước ở cấp tỉnh, cấp huyện áp dụng hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008; 100% UBND phường, thị trấn và UBND xã đạt chuẩn nông thôn mới áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008.

- 100% các dự án đầu tư mới trên địa bàn tỉnh được thẩm định về công nghệ.

- 100% tổ chức KH&CN công lập được đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, bồi dưỡng, đào tạo nhân lực, nâng cao hiệu quả hoạt động để đến năm 2020 đạt loại Tốt trở lên.

- 100% các phòng thí nghiệm, thử nghiệm của các cơ quan quản lý nhà nước và 70% phòng thí nghiệm, thử nghiệm của các doanh nghiệp sản xuất đạt chuẩn VILAS; trong đó, tất cả phòng thí nghiệm, thử nghiệm thuộc lĩnh vực nông nghiệp, công nghệ thông tin, y dược đạt chuẩn VILAS.

- Có ít nhất 30 doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- Xây dựng được 4 - 5 nhóm chuyên gia KH&CN trên các lĩnh vực KH&CN ưu tiên của tỉnh: nông nghiệp, y học, công nghệ thông tin.

- Hoàn thành xây dựng hạ tầng: Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Lam Sơn - Sao Vàng; khu nông nghiệp công nghệ cao thị trấn Thống Nhất, huyện Yên Định; vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao dọc tuyến đường Hồ Chí Minh; khu công nghệ thông tin tập trung.

² - Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật;

- Tập trung thu hút các dự án sản xuất, kinh doanh sản phẩm có hàm lượng KH&CN cao, tạo đột phá về ứng dụng KH&CN;

- Nâng cao năng lực KH&CN của tỉnh (cơ sở vật chất, nhân lực, vốn đầu tư).

- Đề xuất các chính sách cần ban hành mới để thực hiện có kết quả 3 nội dung tại Kế hoạch 169/KH-UBND.

II. CĂN CỨ ĐỀ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Các văn bản của Trung ương

- Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn

- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ

- Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản

- Quyết định số 129/2009/QĐ-TTg ngày 29/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực bảo vệ Tài nguyên và Môi trường”

- Quyết định số 1342/QĐ-TTg, ngày 05/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia

- Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 04/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản

- Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ, giai đoạn 2015-2020

- Quyết định 872/QĐ-TTg ngày 17/06/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

- Quyết định 1747/QĐ-TTg ngày 13/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2025

- Quyết định số 590/QĐ-BKHHCN ngày 25/03/2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ về việc Phê duyệt mục tiêu, nội dung và dự kiến sản phẩm của Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia giai đoạn 2016-2020: “Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến phục vụ bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cộng đồng”

- Quyết định số 813/QĐ-NHNN ngày 24/4/2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về chương trình cho vay khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch theo Nghị định số 30/NĐ-CP của Chính phủ

- Thông tư liên tịch số 22/2011/TTLT-BTC-BKHHCN của Bộ Tài chính và Bộ KH&CN về việc Hướng dẫn quản lý tài chính đối với các dự án sản xuất thử nghiệm được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí.

- Quyết định số 738/QĐ-BNN-KHHCN ngày 14/3/2017 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT quy định tiêu chí xác định chương trình, dự án nông nghiệp ứng

dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, danh mục công nghệ cao ứng dụng trong nông nghiệp nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

2. Các văn bản của Tỉnh

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2015 - 2020.

- Kế hoạch số 169/KH-UBND ngày 09/11/2016 của UBND tỉnh thực hiện khâu đột phá về nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học – kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2015 – 2020.

- Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế chính sách hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 -2021

- Quyết định số 4292/QĐ-UBND ngày 05/12/2014 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án Tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2025

- Quyết định số 2397/QĐ-UBND ngày 29/06/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá về việc “Phê duyệt Quy hoạch phát triển tổ chức KH&CN tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020”

- Quyết định số 5637/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ sản xuất giống cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016-2020

- Quyết định số 5643/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016-2020

- Quyết định số 2323/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 của chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt đề án phát triển khoa học và Công nghệ Thanh Hóa.

- Quyết định số 5132/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành chương trình công tác năm 2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa

- Nghị quyết số 29/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành Chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại tỉnh Thanh Hóa;

- Quyết định số 721/2017/QĐ-UBND ngày 09/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016-2021

- Quyết định số 832/2017/QĐ-UBND ngày 21/3/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc qui định thực hiện chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, thủ công nghiệp và thương mại tỉnh Thanh Hóa theo Nghị quyết số 29/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa

Phần thứ nhất
THỰC TRẠNG CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

I. CÁC CHÍNH SÁCH HIỆN HÀNH VỀ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Chính sách nhằm đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ

1.1 Trong lĩnh vực nông nghiệp

1.1.1 Chính sách của Trung ương

a) Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP của Chính phủ

- Nội dung khuyến khích, hỗ trợ về khoa học và công nghệ: Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, ưu đãi đầu tư và khuyến khích đầu tư được hỗ trợ: 70% kinh phí thực hiện đề tài tạo ra công nghệ mới do doanh nghiệp chủ trì thực hiện nhằm thực hiện dự án; 70% kinh phí mua bản quyền công nghệ thực hiện dự án; 30% tổng kinh phí đầu tư mới để thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm. Nguồn kinh phí hỗ trợ: Quỹ phát triển KH&CN của tỉnh hoặc ngân sách của tỉnh³.

- Tình hình thực hiện:

Toàn tỉnh có 07 dự án đầu tư vào nông nghiệp nông thôn đề nghị được hưởng các chính sách theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP, kết quả:

01 dự án (Dự án xây dựng trang trại chăn nuôi lợn ngoại tập trung của Công ty CP Đầu tư và phát triển chăn nuôi giống Việt Nam) đã được hỗ trợ 1,3 tỷ đồng từ ngân sách tỉnh.

01 dự án (Dự án phát triển, sản xuất lúa gạo tại Thanh Hóa của Công ty CP Công Nông nghiệp Tiến Nông) chưa được hỗ trợ do doanh nghiệp đang trong quá trình thay đổi địa điểm.

05 dự án, năm 2016 UBND tỉnh Thanh Hóa đã có văn bản báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định nguồn vốn Trung ương hỗ trợ với tổng số tiền 51,015 tỷ đồng, tuy nhiên đến năm 2017 vẫn chưa được thực hiện do chưa cân đối được nguồn vốn (Gồm các dự án: Dự án trang trại bò sữa Như Thanh; Dự án đầu tư xây dựng trung tâm bảo quản lạnh và kinh doanh nông sản sau thu hoạch của Công ty CP nông nghiệp quốc tế An Việt; Dự án trang trại chăn nuôi lợn ngoại tập trung của Công ty TNHH DPP; Dự án trang trại chăn nuôi tổng hợp của Công ty TNHH Agri Phú Nguyễn; Dự án trang trại chăn nuôi bò sữa của Công ty CP đầu tư Vinamilk).

³ Khoản 2 Điều 12 Thông tư 30/2015/TT-BTC ngày 09/3/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, thanh toán và quyết toán các khoản hỗ trợ doanh nghiệp theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP.

Chưa có doanh nghiệp nào được hỗ trợ các nội dung về KH&CN là *thực hiện đề tài tạo ra công nghệ mới; mua bản quyền công nghệ; thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm* theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP⁴.

- Nguyên nhân:

+ Một số tiêu chí của chính sách cao hơn so với thực tế sản xuất tại Thanh Hóa nên rất khó khăn trong việc kêu gọi doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn (như các tiêu chí tại Điều 10, Điều 14, Điều 15, và Điều 16);

+ Thanh Hóa chưa tự cân đối được ngân sách nên khó khăn trong việc thực hiện giành 2 – 5% ngân sách địa phương để hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

+ Nguồn vốn để hỗ trợ nội dung về KH&CN được lấy từ Quỹ phát triển KH&CN của tỉnh. Tuy nhiên, Quỹ phát triển KH&CN của tỉnh Thanh Hóa không có chức năng hỗ trợ, mà chỉ cho vay với lãi suất ưu đãi. Từ khi thành lập (năm 2006) đến nay Quỹ Phát triển KH&CN mới cho vay 31 dự án. Vốn của Quỹ Phát triển KH&CN đến thời điểm này chỉ có 6 tỷ đồng, không đủ để thực hiện chính sách.

Như vậy, việc tổ chức thực hiện được chính sách khuyến khích hỗ trợ về KH&CN (*thực hiện đề tài tạo ra công nghệ mới; mua bản quyền công nghệ; thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm*) trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP là hết sức cần thiết.

b/ Chính sách hỗ trợ giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản theo Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg ngày 15/10/2010 và Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ

- Nội dung khuyến khích, hỗ trợ về KH&CN: hỗ trợ máy móc, thiết bị sử dụng trong làm đất, gieo cấy, thu hoạch.

- Tình hình thực hiện: Đến 30/4/2017, Ngân hàng NN&PTNT Thanh Hoá đã cho 415 tổ chức, cá nhân vay 92.914 triệu đồng, tổng lãi suất hỗ trợ 2.362 triệu đồng để mua máy móc, thiết bị, chủ yếu là máy gặt đập liên hợp và máy làm đất; số máy phục vụ trong chế biến nông sản còn ít.

c/ Chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ

- Nội dung khuyến khích, hỗ trợ về KH&CN: hỗ trợ 100% chi phí *huớng dẫn kỹ thuật khai thác, bảo quản sản phẩm theo công nghệ mới* đối với tàu có tổng công suất máy chính từ 400CV trở lên.

⁴ Hiện nay, Nghị định 210/2013/NĐ-CP đang chuẩn bị được sửa đổi. Theo dự thảo thì sẽ hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, áp dụng khoa học công nghệ sẽ được *hỗ trợ đặc biệt*: (1) Hỗ trợ đến 90% đối với: Mua bản quyền công nghệ; Mua công nghệ hoặc mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; Thuê chuyên gia; Thực hiện đề tài nghiên cứu nhằm tạo ra sản phẩm mới, cải tiến công nghệ... (2) Mức hỗ trợ đến 70% dự án; tối đa là 5 tỷ đồng đối với thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm sản phẩm mới, áp dụng công nghệ mới (3) Hỗ trợ 80%, tối đa 5 tỷ đồng đối với Dự án nhân giống cây trồng bằng công nghệ nuôi cấy mô. (4) Hỗ trợ 70%, tối đa 3 tỷ đồng đối với Dự án sản xuất thử nghiệm giống cây trồng vật nuôi mới có giá trị cao. Nguồn vốn để thực hiện: đối với dự án có mức hỗ trợ 2 tỷ trở lên sẽ sử dụng ngân sách trung ương; dự án dưới 2 tỷ sẽ sử dụng ngân sách địa phương (trong tổng chi 2% ngân sách cho KH&CN).

- Tình hình thực hiện: Chủ tịch UBND tỉnh đã phê duyệt 70 chủ tàu đủ điều kiện đóng mới tàu cá, tàu dịch vụ khai thác hải sản xa bờ (18 tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ và 52 tàu khai thác hải sản xa bờ)/94 tàu (theo phân bổ của Bộ Nông nghiệp và PTNT) thực hiện chính sách tín dụng. Đến nay các NHTM đã ký hợp đồng tín dụng với 47 chủ tàu để đóng mới 47 tàu, gồm 23 tàu vỏ thép và 24 tàu vỏ gỗ, với tổng số tiền cam kết cho vay theo Hợp đồng tín dụng là 569 tỷ đồng và đã giải ngân 557 tỷ đồng; đã có 46 tàu đi khai thác, dịch vụ hậu cần (23 tàu vỏ thép, 23 tàu vỏ gỗ)⁵.

- Tuy nhiên, chưa thực hiện được việc hỗ trợ hướng dẫn kỹ thuật khai thác, bảo quản sản phẩm theo công nghệ mới.

d/ Chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ, giai đoạn 2015 - 2020 theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014

- Nội dung khuyến khích, hỗ trợ về KH&CN: hỗ trợ về phối giống nhân tạo và xử lý chất thải chăn nuôi nông hộ.

- Tình hình thực hiện: Dự toán giao năm 2016 là 20 tỷ đồng từ nguồn ngân sách tỉnh. Đã hỗ trợ mua tinh trâu, bò, lợn và vật tư phối giống nhân tạo cho 700 con trâu, 18.786 con bò, 15.377 con lợn; mua 91 con trâu đực giống, 134 con bò đực giống và 67 con lợn đực giống; mua 3.000 con gà hậu bị, 800 con vịt hậu bị; mua 76 bình nitơ; xây dựng công trình xử lý chất thải (984 bể xây gạch, 1.586 hầm composite); mua đệm lót sinh học (đệm lót gia súc 78 hộ, đệm lót gia cầm 478 hộ); đào tạo tập huấn 02 lớp, với 40 học viên tham gia.

- Nguồn kinh phí bố trí thực hiện chính sách còn ít (20 tỷ/nhu cầu 120 tỷ), chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế tại các địa phương; đặc biệt là nguồn kinh phí Trung ương hỗ trợ chưa được cấp, khó khăn trong tổ chức thực hiện.

c) Các chương trình KH&CN cấp quốc gia

Hiện nay có 17 chương trình/đề án KH&CN cấp quốc gia và 8 chương trình KH&CN trọng điểm cấp quốc gia đang triển khai. Trong lĩnh vực nông nghiệp có chương trình “Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội – nông thôn miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2025”.

Tính từ 2011 đến nay, Thanh Hóa đã có 08 dự án đang triển khai thực hiện với tổng kinh phí là 109,63 tỷ đồng (trong đó SNKH TW là 32,819 tỷ đồng, SNKH của tỉnh đối ứng là 9,396 tỷ đồng, còn lại là của đơn vị chủ trì và đóng góp của dân).

Riêng từ năm 2016 đến nay, Thanh Hóa đã có 5 dự án đang triển khai thực hiện⁶ với tổng kinh phí là 47,7 tỷ đồng (trong đó SNKH TW là 18,7 tỷ đồng, SNKH của tỉnh đối ứng là 5,585 tỷ đồng, còn lại là của đơn vị chủ trì và đóng góp của dân).

⁵ Báo cáo tình hình thực hiện Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản 6 tháng đầu năm 2017.

⁶ DA ộc hương ở Tĩnh Gia; gạch không nung ở Nông Cống; cam V2, CT36, BH tại Lam Sơn; cá Chình hoa; Giào cô lam, Đẳng Sâm ở Bá Thước, Quan Hóa

Như vậy, đây là một “kênh” để tiếp nhận, ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực nông nghiệp, cần tiếp tục được chú trọng đẩy mạnh.

1.1.2 Chính sách của tỉnh

a) Quyết định 5637/2015/QĐ-UBND về việc ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất giống cây trồng vật nuôi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016- 2020

- Nội dung khuyến khích, hỗ trợ về KH&CN:

+ Hỗ trợ nghiên cứu, chọn tạo thành công các loại giống cây trồng mới: lúa lai F1, lúa thuần chất lượng, ngô, mía;

+ Hỗ trợ khảo nghiệm giống mía, sản xuất mía bằng nuôi cấy mô.

- Tình hình thực hiện:

+ Hỗ trợ nghiên cứu chọn tạo giống cây trồng mới: Công ty CP giống cây trồng Thanh Hóa đã nghiên cứu chọn tạo 02 giống lúa mới, gồm: 01 giống lúa lai 03 dòng (Thanh Hoa 1) và 01 giống lúa thuần (Thuần Việt 1); kinh phí hỗ trợ 510 triệu đồng.

+ Hỗ trợ khảo nghiệm giống mía, sản xuất mía bằng nuôi cấy mô: Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn du nhập, khảo nghiệm giống mía LS1; sản xuất 1.000.000 cây giống mía bằng phương pháp nuôi cấy mô (cấp G1), đã đưa ra ruộng sản xuất; tổng kinh phí hỗ trợ 1,2 tỷ đồng.

Như vậy, chính sách hỗ trợ nghiên cứu giống mới đang được thực hiện.

b) Quyết định 5643/2015/QĐ-UBND về cơ chế, chính sách khuyến khích thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020

- Nội dung khuyến khích, hỗ trợ về KH&CN: hỗ trợ mua máy cấy, máy thu hoạch lúa; xây dựng nhà lưới sản xuất rau an toàn; mua máy thu hoạch mía, hệ thống tưới mía mặt ruộng.

- Tình hình thực hiện: năm 2016 hỗ trợ mua 16 máy cấy; mua 17 máy thu hoạch; sản xuất rau trong nhà lưới 98.000 m²; Công ty CP Mía đường Lam Sơn mua 01 máy thu hoạch mía, kinh phí hỗ trợ 1.019 triệu đồng; triển khai xây lắp hệ thống tưới cho 430 ha mía, kinh phí hỗ trợ 6.450 triệu đồng.

Như vậy: chính sách hỗ trợ cơ khí hóa một số khâu trong canh tác lúa (cấy, thu hoạch), mía (tưới, thu hoạch) đang được thực hiện.

c) Các chương trình KH&CN trọng điểm của tỉnh

Giai đoạn 2011 - 2015 có Chương trình “Ứng dụng KH&CN nâng cao năng lực sản xuất nông nghiệp cạnh tranh, xây dựng nông thôn mới và phát triển nông nghiệp bền vững”. Giai đoạn 2016 - 2020 có Chương trình “Ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ tái cơ cấu nông nghiệp và phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao”.

Triển khai thực hiện các chương trình này, từ năm 2011 đến 2016 đã có 92 nhiệm vụ đang triển khai thực hiện với tổng kinh phí là 184,57 tỷ đồng, trong đó SNKH của tỉnh là 63,301 tỷ đồng; còn lại là đối ứng của đơn vị chủ trì và đóng góp của dân. Từ năm 2016 đến nay đã có 17 nhiệm vụ đang triển khai thực

hiện với tổng kinh phí là 36,09 tỷ đồng, trong đó SNKH của tỉnh là 25,649 tỷ đồng; còn lại là đối ứng của đơn vị chủ trì và đóng góp của dân.

Như vậy, nếu tập trung các nhiệm vụ của Chương trình “Ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ tái cơ cấu nông nghiệp và phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao” cho những nội dung trong Kế hoạch 169/KH-UBND thì đây là một trong những giải pháp quan trọng để đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng chuyên giao tiến bộ KHKT trong lĩnh vực nông nghiệp.

Nhận xét các chính sách KH&CN hiện hành trong lĩnh vực nông nghiệp:

1. Chính sách khuyến khích, hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp là tương đối toàn diện; có cả chính sách của Trung ương và của tỉnh. Trong thời gian tới, chính sách khuyến khích, hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp sẽ được Chính phủ sửa đổi theo hướng mở rộng nội dung và tăng mức hỗ trợ.

2. Việc tổ chức thực hiện tốt chính sách hiện hành là hết sức quan trọng. Để thực hiện được điều này cần thực hiện các giải pháp sau đây:

- Bố trí nguồn lực để thực hiện các chính sách hiện hành của Trung ương và của tỉnh.

- Sửa Điều lệ của Quỹ Phát triển KH&CN tỉnh Thanh Hóa theo hướng bổ sung thêm chức năng hỗ trợ, tài trợ kinh phí cho các hoạt động KH&CN; đồng thời bổ sung vốn cho Quỹ Phát triển KH&CN tỉnh Thanh Hóa để có đủ nguồn lực thực hiện các chính sách hiện hành.

- Ưu tiên đề xuất các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, xác định các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh phù hợp với mục tiêu, định hướng trong Kế hoạch 169/KH-UBND.

3. Để thúc đẩy mạnh mẽ hơn hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp, cần có chính sách khuyến khích nghiên cứu chọn tạo, du nhập, sản xuất các giống cây trồng mới có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao; phục tráng các giống cây ăn quả đặc sản địa phương; chủ động sản xuất được các giống con nuôi có giá trị kinh tế cao; sản xuất được giống cây lâm nghiệp có giá trị bằng phương pháp nuôi cấy mô để phục vụ kịp thời sản xuất và nâng cao chất lượng rừng trồng.

1.2 Trong lĩnh vực y, dược

1.2.1 Chính sách của Trung ương

a) Chính sách chuyên giao kỹ thuật tuyến Trung ương cho tuyến tỉnh, kỹ thuật tuyến tỉnh cho tuyến huyện theo Quyết định số 1816/QĐ-BYT ngày 26/05/2008 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Nội dung khuyến khích, hỗ trợ về KH&CN: chuyên giao các kỹ thuật tuyến Trung ương về bệnh viện tuyến tỉnh; chuyên giao kỹ thuật tuyến tỉnh về bệnh viện tuyến huyện.,

- Tình hình thực hiện: 07 Bệnh viện tuyến tỉnh (Bệnh viện Mắt, Bệnh viện Nhi; Bệnh viện Da Liễu, Bệnh viện Nội Tiết; Bệnh viện Phổi; Bệnh viện Y dược Cổ truyền; Bệnh viện Phụ sản) đã được các bệnh viện trung ương chuyên giao

54 kỹ thuật tuyến trung ương. Bệnh viện tuyến huyện được các bệnh viện tuyến tỉnh chuyển giao khoảng gần 1.000 kỹ thuật thông qua đào tạo, chuyển giao theo hướng cầm tay chỉ việc tại chỗ.

- Tuy nhiên, trang thiết bị giữa các tuyến chưa đồng bộ nên chưa chuyển giao được các kỹ thuật cao, chuyên sâu mang tính đột phá; cần phải có sự đầu tư các trang thiết bị y tế để triển khai thực hiện được việc chuyển giao các kỹ thuật cao tại các bệnh viện tuyến tỉnh và tuyến huyện.

Các bệnh viện tư nhân không được hưởng hỗ trợ từ chính sách này.

b/ Chính sách hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật thông qua thực hiện “Đề án Bệnh viện Vệ tinh” theo Quyết định số 774/QĐ-BYT ngày 11/03/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế

Năm 2013 tại Thanh Hóa thực hiện bệnh viện vệ tinh tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh; năm 2017 bổ sung thêm 02 Bệnh viện đó là BVĐK khu vực Ngọc Lặc và Bệnh viện đa khoa khu vực Tĩnh Gia. Các chuyên ngành được hỗ trợ là Tim mạch (Bệnh viện E) đã chuyển giao 12 kỹ thuật, Ung bướu (Bệnh viện Bạch Mai) đã tiến hành chuyển giao 9 kỹ thuật.

Bệnh viện Đa Khoa tỉnh đã làm chủ được các kỹ thuật y tế do bệnh viện hạt nhân chuyển giao, giúp người bệnh, nhất là người bệnh nghèo được tiếp cận và được sử dụng các dịch vụ kỹ thuật cao ngay tại các cơ sở y tế tuyến dưới. Tỷ lệ chuyển tuyến giảm. Đơn cử như ở Bệnh viện Đa Khoa tỉnh: tỷ lệ chuyển tuyến tim mạch năm 2013 là 7,1%; năm 2014 còn 6,13%; năm 2015 còn 5,34%.

Tuy nhiên, trong các Bệnh viện tư nhân tỉnh Thanh Hóa mới chỉ có Bệnh viện Hợp Lực Thanh Hóa là bệnh viện vệ tinh của Bệnh viện Việt Đức và mới bắt đầu từ năm 2017 nên việc chuyển giao các kỹ thuật công nghệ cao và chẩn đoán, điều trị chưa nhiều.

c) Chính sách hỗ trợ về công nghệ trong phát triển nuôi trồng, khai thác dược liệu theo Nghị định 65/2017/NĐ-CP của Chính phủ

- Nội dung khuyến khích, hỗ trợ về KH&CN:

+ Ứng dụng công nghệ cao theo tiêu chí do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn ban hành trong sản xuất giống gốc: hỗ trợ 80% chi phí sản xuất.

+ Ứng dụng công nghệ cao theo tiêu chí do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn ban hành trong sản xuất giống thương phẩm: hỗ trợ 60% chi phí sản xuất.

+ Dự án đầu tư nghiên cứu nhân giống, nuôi trồng dược liệu được hưởng chính sách ưu đãi về đất đai,

+ Xây dựng mô hình áp dụng công nghệ nuôi trồng và khai thác dược liệu tuân thủ Thực hành nuôi trồng, khai thác dược liệu tốt: hỗ trợ 100% chi phí giống, phân bón, thuốc BVTV.

- Tình hình thực hiện: Nghị định này mới có hiệu lực từ 07/7/2017 nên chưa có đơn vị nào được hỗ trợ.

e) *Hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng KH&CN trong Y – Dược thông qua các Chương trình KH&CN cấp quốc gia*

Trong các chương trình KH&CN cấp quốc gia có 4 Chương trình mà các nội dung thuộc lĩnh vực Y – dược trong Kế hoạch 169/KH-UBND có thể tham gia là: Chương trình KC.10/16-20 "Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến phục vụ bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cộng đồng"; "Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững quỹ gen đến 2025, định hướng đến 2030"; "Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016- 2020"; Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp KH&CN và tổ chức KH&CN công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

Hiện nay có 4 dự án đang triển khai thuộc các chương trình này⁷ với tổng kinh phí 23,66 tỷ đồng, trong đó SNKHTW là 15,84 tỷ đồng, SNKH của tỉnh là 1,94 tỷ đồng, còn lại là của đơn vị chủ trì và nguồn khác.

1.2.2 Chính sách của Tỉnh

a/ Chính sách khuyến khích, hỗ trợ

Hiện nay Thanh Hóa chưa có chính sách khuyến khích, hỗ trợ nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng các kỹ thuật cao trong khám và điều trị; chưa có chính sách khuyến khích, hỗ trợ nuôi trồng, thu hái dược liệu, sản xuất dược phẩm.

b/ Hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng KH&CN thông qua các chương trình KH&CN trọng điểm của tỉnh

Giai đoạn 2011 - 2015 có chương trình "Ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trong Y dược phục vụ chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng"; Giai đoạn 2016 - 2020 có chương trình "Ứng dụng các thành tựu KH&CN trong Y dược phục vụ chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng".

Từ năm 2011 đến nay đã có 45 nhiệm vụ đang triển khai thực hiện với số kinh phí là 51,080 tỷ đồng trong đó SNKH là 25,509 tỷ đồng; kinh phí của đơn vị chủ trì và các nguồn khác là 25,239 tỷ đồng.

Riêng từ năm 2016 đến nay đã có 15 nhiệm vụ đang triển khai thực hiện với số kinh phí là 23,517 tỷ đồng trong đó SNKH là 12,248 tỷ đồng; kinh phí của đơn vị chủ trì và các nguồn khác là 11,269 tỷ đồng.

Như vậy, số nhiệm vụ KH&CN trong lĩnh vực chẩn đoán và điều trị còn ít; lĩnh vực dược, nhất là nghiên cứu sản xuất dược phẩm còn ít; cần được quan tâm đầu tư nhiều hơn.

*** Nhận xét về chính sách KH&CN trong y - dược:**

1. Đã có chính sách chuyển giao kỹ thuật từ Trung ương cho bệnh viện tuyến tỉnh; từ bệnh viện tuyến tỉnh cho bệnh viện tuyến huyện. Tuy nhiên, chính sách chỉ áp dụng cho các bệnh viện công lập, không áp dụng cho các bệnh viện tư nhân.

⁷ Hoàn thiện công nghệ sản xuất Biofil và Hydan của Công ty dược VTYT; dược liệu Giáo cổ lam; Hà Thủ ô đỏ, Đảng sâm tại Bá Thước và Quan Hóa; dược liệu lan Gấm, Sâm cau tại các huyện miền núi; công nghệ nuôi tảo Spirulina nước lợ và sản xuất thực phẩm chức năng từ sinh khối tảo.

2. Chính sách KH&CN trong nuôi trồng và khai thác dược liệu đã có Nghị định 65/2017/NĐ-CP của Chính phủ mới được ban hành nên chưa cần ban hành thêm chính sách mới về khuyến khích ứng dụng KH&CN trong nuôi trồng và thu hái dược liệu.

3. Cần tăng cường đề xuất các dự án tham gia các chương trình KH&CN quốc gia, xây dựng các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh bám sát những nội dung thuộc lĩnh vực y - dược trong kế hoạch 169/KH-UBND.

4. Cần ban hành chính sách khuyến khích, hỗ trợ các bệnh viện tư nhân tiếp nhận, chuyển giao các kỹ thuật cao; chính sách khuyến khích nghiên cứu dược phẩm mới, thực phẩm chức năng mới từ nguồn dược liệu, nguyên liệu trồng tại địa phương.

1.3 Trong lĩnh vực công nghệ thông tin

1.3.1 Chính sách Trung ương

a/ Chính sách khuyến khích, hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin

Tuy đã có một số chương trình về công nghệ thông tin (Quyết định 392/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 phê duyệt chương trình mục tiêu phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin đến 2020, tầm nhìn đến 2025; Quyết định 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 phê duyệt Chương trình Quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020), tuy nhiên, chính sách khuyến khích, hỗ trợ cho hoạt động nghiên cứu, triển khai thử nghiệm phần mềm, nội dung số; hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin lại chưa được quy định.

b/ Chính sách khuyến khích, hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin qua các Chương trình KH&CN cấp quốc gia

Trong 8 chương trình KH&CN trọng điểm cấp quốc gia, có Chương trình KC.01/16-20 Nghiên cứu công nghệ và phát triển sản phẩm công nghệ thông tin phục vụ Chính phủ điện tử. Tuy nhiên, Thanh Hóa chưa có nhiệm vụ KH&CN tham gia được vào Chương trình này.

1.3.2 Chính sách của tỉnh

a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước theo Kế hoạch 22/KH-UBND ngày 15/2/2016 của UBND tỉnh

Kế hoạch này có tổng kinh phí thực hiện là 123,9 tỷ đồng.

b/ Chính sách hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin thông qua các Chương trình KH&CN trọng điểm của tỉnh

Giai đoạn 2011 - 2015 có chương trình "Ứng dụng KH&CN nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá - dịch vụ, hiện đại hoá công nghệ sản xuất ngành công nghiệp và xây dựng". Giai đoạn 2016 - 2020 có chương trình "Đổi mới công nghệ, ứng dụng KH&CN nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa tỉnh Thanh Hóa". Trong các chương trình trên đó có nội dung xây dựng phần mềm và nội dung số và hỗ trợ ứng dụng CNTT.

Triển khai thực hiện các chương trình này, từ năm 2011 đến nay đã có 19 nhiệm vụ về xây dựng phần mềm, nội dung số được triển khai thực hiện với tổng kinh phí là 20,392 tỷ đồng, trong đó SNKH của tỉnh là 15,015 tỷ đồng; kinh phí của đơn vị chủ trì và nguồn khác là 5,377 tỷ đồng.

Riêng từ năm 2016 đến nay đã có 3 nhiệm vụ về xây dựng phần mềm, nội dung số được triển khai thực hiện với tổng kinh phí là 3,041 tỷ đồng trong đó SNKH của tỉnh là 3,022 tỷ đồng.

*** Nhận xét về chính sách KH&CN trong lĩnh vực CNTT:**

1. Chương trình ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước đã được ban hành và có kinh phí để thực hiện. Vì thế không cần ban hành chính sách khuyến khích ứng dụng CNTT mà thực hiện theo Chương trình đã duyệt.

2. Hiện nay chưa có chính sách khuyến khích hỗ trợ xây dựng phần mềm, nội dung số. Để thúc đẩy mạnh mẽ hơn hoạt động sản xuất phần mềm, nội dung số phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, cần ban hành chính sách khuyến khích xây dựng các phần mềm:

+ Phục vụ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa: Có chức năng điều khiển tự động quá trình sản xuất, theo dõi quá trình sản xuất, truy xuất nguồn gốc sản phẩm

+ Phục vụ công tác quản lý giám sát từ xa mức độ ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa: Có chức năng thu thập tự động dữ liệu về mức độ ô nhiễm ở các khu vực có nguy cơ ô nhiễm cao.

+ Phục vụ công tác quản lý hồ sơ sức khỏe cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa: Có chức năng liên thông từ các trạm Y tế, phòng khám bác sĩ gia đình đến các bệnh viện để trao đổi về lịch sử khám, điều trị của bệnh nhân nhằm nâng cao hiệu quả điều trị cho bệnh nhân tại các cơ sở khám chữa bệnh.

+ Phục vụ hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa: Có chức năng hỗ trợ du khách trong việc lựa chọn tour, điểm đến, điểm nghỉ, các sản phẩm, dịch vụ du lịch và thanh toán dịch vụ.

+ Phục vụ quảng cáo, phân phối và bán các sản phẩm truyền thông của Thanh Hóa qua mạng: Có chức năng kết nối website thương mại điện tử, ứng dụng thương mại điện tử trên mobile với các làng nghề truyền thống nhằm quảng cáo, phân phối và bán các sản phẩm truyền thông của địa phương cho khách hàng trong và ngoài tỉnh.

1.4. Trong bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

1.4.1 Chính sách của Trung ương

a) Chính sách khuyến khích về KH&CN trong lĩnh vực môi trường theo đề án "Cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực bảo vệ Tài nguyên và Môi trường" Quyết định số 129/2009/QĐ-TTg ngày 29/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ

Đề án đã đề ra nhóm các cơ chế chính sách khuyến khích về khoa học và công nghệ gồm: Dành ngân sách thỏa đáng cho việc nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực bảo vệ tài nguyên và môi trường; nghiên cứu

đưa vào áp dụng công nghệ trong nước thay thế công nghệ nhập khẩu từ nước ngoài. Hỗ trợ kinh phí hoặc trợ giá một phần cho việc đầu tư ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh theo hướng sản xuất sạch hơn. Sửa đổi những quy định liên quan đến việc chuyển giao công nghệ theo hướng đơn giản hóa các thủ tục hành chính, giảm thuế. Khuyến khích các doanh nghiệp nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào xử lý các vấn đề về môi trường nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất của doanh nghiệp. Hỗ trợ nhập khẩu công nghệ mới, tiếp thu và làm chủ các công nghệ nhập khẩu; bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ, quyền công bố, trao đổi, chuyển giao, chuyển nhượng kết quả nghiên cứu. Phát triển hợp tác quốc tế về nghiên cứu, trao đổi khoa học công nghệ.

Tuy nhiên đây mới chỉ là những định hướng, chưa phải là chính sách cụ thể để có thể áp dụng ngay.

b) Chính sách khuyến khích, hỗ trợ thông qua các Chương trình KH&CN cấp quốc gia

Trong các chương trình KH&CN trọng điểm cấp quốc gia có Chương trình KC 08/16-20 “Nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai”. Tuy nhiên Thanh Hóa chưa có nhiệm vụ KH&CN nào thuộc chương trình này.

1.4.2 Chính sách của tỉnh

a/ Chính sách hỗ trợ ứng dụng công nghệ đốt trong xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 -2021 theo Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Theo chính sách này, xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ đốt được hỗ trợ 320.000đ/tấn rác. Nhiều doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đã tham gia đề xuất để thực hiện các dự án xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

Như vậy, đã có cơ chế, chính sách hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ đốt.

b) Chính sách hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng KH&CN trong lĩnh vực môi trường thông qua các Chương trình KH&CN cấp tỉnh

Giai đoạn 2011 - 2015 có chương trình “Ứng dụng khoa học và công nghệ khai thác hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, sử dụng nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng sinh học, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu”. Giai đoạn 2016 - 2020 có chương trình “Ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường”.

Triển khai thực hiện các chương trình này, từ 2011 đến nay đã có 13 nhiệm vụ về được triển khai thực hiện trong lĩnh vực môi trường với tổng kinh phí là 15,1 tỷ đồng, trong đó SNKH của tỉnh là 9,2 tỷ đồng; kinh phí của đơn vị chủ trì và nguồn khác là 5,9 tỷ đồng. Như vậy số lượng nhiệm vụ KH&CN cho chương trình này còn ít, cần được quan tâm đầu tư.

Nhận xét về chính sách KH&CN trong lĩnh vực môi trường:

1. Chưa có chính sách khuyến khích, hỗ trợ nghiên cứu sản phẩm mới từ chất thải sinh hoạt, chất thải rắn. Hiện nay trên địa bàn tỉnh mới có một số cơ sở

sản xuất các sản phẩm từ chất thải như: sản xuất giấy Kraft từ giấy lẻ phế liệu (Công ty CP Giấy Lam Sơn, Công ty Giấy Mực Sơn, Công ty Giấy Bao bì Thanh Hóa); sản xuất các sản phẩm nhựa, bao bì, ống dẫn nước thải từ phế liệu nhựa, nilon thải (Công ty Thuận Phong, Công ty Bao bì Thái Yên).

2. Việc nghiên cứu sản phẩm mới từ chất thải sinh hoạt, chất thải rắn sẽ được hỗ trợ thông qua các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; không cần ban hành chính sách mới.

1.5 Trong nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp

Lĩnh vực này thực hiện thông qua các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

2. Chính sách nhằm thu hút các dự án sản xuất, kinh doanh có hàm lượng KH&CN cao

2.1 Chính sách của Trung ương

a) *Chương trình cho vay khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch theo Nghị quyết 30/NQ-CP ngày 07/3/2017 của Chính phủ (Quyết định 813/QĐ-NHNN ngày 24/4/2017 của Ngân hàng nhà nước)*

Pháp nhân và cá nhân thực hiện phương án sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch (theo tiêu chí dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch tại Quyết định 738/QĐ-BNN-KHCN ngày 14/3/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) thì được hỗ trợ vay vốn.

Chương trình này mới triển khai.

2.2 Chính sách của Tỉnh

Hiện nay tỉnh không có chính sách khuyến khích đối với riêng các dự án sản xuất sản phẩm có hàm lượng khoa học và công nghệ cao.

Chủ trương của tỉnh Thanh Hóa trong giai đoạn hiện nay là không ban hành chính sách riêng cho các dự án đầu tư sản phẩm công nghệ cao (Công văn số 6613/UBND-THKH ngày 13/6/2017 của UBND tỉnh V/v chưa xây dựng chính sách ưu tiên thu hút đặc biệt các dự án đầu tư sản phẩm công nghệ cao giai đoạn 2016 - 2020).

Vì vậy, cần ban hành một số chính sách khuyến khích các dự án sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ cao, theo chuỗi giá trị, trên quy mô sản xuất lớn.

3. Chính sách nhằm nâng cao năng lực khoa học và công nghệ

3.1 Chính sách tăng cường cơ sở vật chất cho KH&CN

- *Đối với các tổ chức KH&CN công lập*: hiện nay tỉnh ta có 31 tổ chức KH&CN công lập. Tỉnh đã ban hành Quy hoạch phát triển các tổ chức KH&CN trên địa bàn tỉnh đến năm 2020. Đã xây dựng phương án thành lập Viện nông nghiệp và phát triển nông thôn trực thuộc tỉnh trên cơ sở sáp nhập 4 Trung tâm của Sở NNPTNT và 1 Trung tâm của Sở KH&CN. Trong năm 2016, tỉnh đã đầu tư cho các tổ chức KH&CN công lập 4 dự án; với tổng kinh phí 52,98 tỷ đồng.

Để tăng cường cơ sở vật chất cho các tổ chức khoa học và công nghệ công lập còn lại, các tổ chức KH&CN và các sở, ngành chủ quản cần xây dựng các dự án đầu tư cụ thể trình UBND tỉnh, không cần ban hành chính sách.

- *Đối với các tổ chức KH&CN ngoài công lập*: hiện có 20 tổ chức KH&CN, trong đó có 4 trung tâm trực thuộc các doanh nghiệp sản xuất: Trung tâm nghiên cứu và phát triển KH&CN Tiên Nông; Trung tâm Nghiên cứu và khảo nghiệm giống mía Nông Công; Trung tâm Nghiên cứu phát triển và ứng dụng KH&CN sản xuất thuốc thuộc Công ty Dược Vật tư y tế; Trung tâm nghiên cứu và phát triển nông nghiệp công nghệ cao Lam Sơn.

Như vậy, số lượng các tổ chức KH&CN trong doanh nghiệp ở tỉnh ta còn rất ít, cần có sự khuyến khích hỗ trợ để phát triển. Đồng thời, các tổ chức KH&CN hiện có cần tiếp tục được khuyến khích, hỗ trợ để nâng cao năng lực hoạt động KH&CN (tập trung vào hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho hoạt động KH&CN).

- *Đối với các doanh nghiệp KH&CN*: Đến nay, toàn tỉnh có 18 doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN (đứng thứ ba trong toàn quốc, sau 02 thành phố lớn là Hà Nội và TP Hồ Chí Minh). Các doanh nghiệp KH&CN sau khi được công nhận đã đẩy mạnh đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, đào tạo nguồn nhân lực KH&CN nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao KH&CN, với tổng kinh phí đã đầu tư trên 370 tỷ đồng cho hoạt động KH&CN. Riêng năm 2016, các doanh nghiệp KH&CN đã đầu tư cho KH&CN trên 245 tỷ đồng; tổng doanh thu từ sản phẩm KH&CN trên 682 tỷ đồng.

Doanh nghiệp KH&CN hiện đang được hưởng chính sách ưu đãi về thuế⁸ và một số ưu đãi khác⁹. Vì vậy nên tập trung tổ chức thực hiện các chính sách ưu đãi hiện hành; không cần ban hành chính sách mới.

- *Đối với các phòng thí nghiệm, thử nghiệm của doanh nghiệp*: Có hơn 40 doanh nghiệp có phòng thí nghiệm, thử nghiệm trực thuộc doanh nghiệp; trong đó mới có 3 phòng thí nghiệm đạt chuẩn ISO/IEC 17025¹⁰.

3.2 Chính sách phát triển nhân lực KH&CN

- *Đối với nhân lực KH&CN trong tỉnh*: Hiện nay chính sách đối với nhân lực KH&CN đã được quy định tại Nghị định 40/2014/NĐ-CP ngày 20/5/2014

⁸ Khoản 9 Điều 1 Thông tư liên tịch số 17/2012/TTLT-BKHCN-BTC-BNV ngày 10/9/2012 quy định:

Doanh nghiệp KH&CN được hưởng chế độ ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, cụ thể như sau:

a) Doanh nghiệp KH&CN được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 15 năm kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp KH&CN có doanh thu từ hoạt động KH&CN;

b) Doanh nghiệp KH&CN được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp KH&CN có thu nhập chịu thuế.

⁹ DN KH&CN được miễn lệ phí trước bạ khi đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà; Được hưởng chính sách ưu đãi về tín dụng đầu tư của Ngân hàng phát triển Việt Nam, hưởng các hỗ trợ ưu đãi từ Quỹ phát triển KH&CN quốc gia, Quỹ đổi mới KH&CN quốc gia. DN KH&CN cũng được hưởng các dịch vụ tư vấn, đào tạo từ các cơ sở ươm tạo; ưu tiên sử dụng các trang thiết bị nghiên cứu khoa học trong phòng thí nghiệm trọng điểm, cơ sở ươm tạo; Được cho thuê đất, cơ sở hạ tầng với mức giá thấp nhất trong khung giá cho thuê tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao...)

¹⁰ Phòng thí nghiệm của Công ty TNHH một thành viên sữa Lam Sơn, Công ty CP Nông nghiệp Tiên Nông, Công ty CP Xi măng Bim Sơn.

của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN và Thông tư liên tịch 21/2015/TTLT-BKHCN-BNV-BTC ngày 06/11/2015 hướng dẫn thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN; Quyết định số 2395/QĐ-TTg về Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ ở trong nước và ngoài nước bằng ngân sách nhà nước, được hướng dẫn tại Thông tư 13/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 của Bộ KH&CN. Hiện nay Bộ Tài chính đang soạn thảo Thông tư hướng dẫn về tài chính cho đề án này. Thanh Hóa chưa có đối tượng nào được đào tạo bồi dưỡng theo đề án này.

Nên tập trung tổ chức thực hiện các chính sách này; không cần ban hành chính sách mới.

- *Đối với nhân lực KH&CN nước ngoài:* Chính phủ đã ban hành Nghị định 87/2014/NĐ-CP ngày 22/09/2014 quy định về thu hút cá nhân hoạt động KH&CN là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động KH&CN tại Việt Nam

Người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài được hưởng ưu đãi về về xuất nhập cảnh và cư trú; về tuyển dụng, lao động, học tập; về lương; về nhà ở; về tiếp cận thông tin; về khen thưởng, vinh danh; Được hưởng ưu đãi tối đa về thuế theo quy định của pháp luật; Được chuyển các khoản thu nhập hợp pháp ra nước ngoài; được bảo đảm các điều kiện thuận lợi về phòng làm việc, trang thiết bị và vật tư, phòng thí nghiệm, cơ sở thực nghiệm và các điều kiện cần thiết khác để thực hiện nhiệm vụ KH&CN tại Việt Nam; Được sử dụng miễn phí phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia và các phòng thí nghiệm trọng điểm khác để triển khai nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; Được hỗ trợ kinh phí tổ chức hội thảo KH&CN phù hợp với lĩnh vực chuyên môn tại Việt Nam; Được bố trí phương tiện đi lại nếu chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia đặc biệt quan trọng; Được hưởng các ưu đãi khác theo thỏa thuận với cơ quan, tổ chức sử dụng nếu những ưu đãi này phù hợp với quy định của pháp luật...

Trong thời gian qua, một số doanh nghiệp đã sử dụng các chuyên gia nước ngoài (Công ty CP Mía đường Lam Sơn sử dụng chuyên gia nước ngoài trong sản xuất lúa theo SRI; Công ty Phú Gia sử dụng chuyên gia nước ngoài trong tìm kiếm công nghệ cao nuôi, chế biến và xuất khẩu gia cầm...). Thực tế là để tiếp nhận được những công nghệ tiên tiến của thế giới thì doanh nghiệp rất cần có sự tư vấn, giúp đỡ của các chuyên gia KH&CN nước ngoài. Việc hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm và thuê chuyên gia KH&CN của nước ngoài là cần thiết, được thực hiện theo từng đề tài, dự án KH&CN cụ thể; không cần ban hành chính sách mới.

- *Về xây dựng mạng lưới các nhà khoa học, chuyên gia giỏi, trong tỉnh, trong nước, quốc tế:* Bộ KH&CN đã có danh sách chuyên gia KH&CN; Sở KH&CN đang xây dựng danh sách chuyên gia KH&CN trong tỉnh.

3.3 Chính sách về vốn đầu tư cho KH&CN

- *Đầu tư từ ngân sách tỉnh*: cần có nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đảm bảo chi 2% tổng chi ngân sách cho KH&CN.

- *Đầu tư từ các nguồn khác*:

+ Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp: Bộ KH&CN và Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 12/2016/TTLT-BKH&CN-BTC hướng dẫn nội dung chi và quản lý Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp. Vì thế cần tổ chức thực hiện Thông tư này, không cần ban hành chính sách.

+ Các chương trình, dự án KH&CN cấp quốc gia; Đối ứng kinh phí để thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh: không cần ban hành chính sách mà thực hiện theo từng nhiệm vụ KH&CN cụ thể.

+ Đầu tư của doanh nghiệp: cần có chính sách khuyến khích. Các hoạt động KH&CN do doanh nghiệp tự đầu tư thực hiện nên được hỗ trợ 20% kinh phí (tương tự mức hỗ trợ thông qua cơ chế Quỹ phát triển KH&CN)

Nhận xét về các nội dung nâng cao năng lực KH&CN:

1. Trong các nội dung các đối tượng nâng cao năng lực KH&CN thì không cần ban hành chính sách đối với: các tổ chức KH&CN công lập, ngân sách của tỉnh đầu tư cho KH&CN, xây dựng các khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin. Các đối tượng này được ngân sách đầu tư nâng cao năng lực KH&CN thông qua dự án cụ thể.

2. Cần ban hành chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực của các phòng thí nghiệm, phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm sản phẩm của doanh nghiệp.

II. NHẬN XÉT VÀ ĐỀ XUẤT CÁC CHÍNH SÁCH CẦN BAN HÀNH

1. Nhận xét

1.1. Về chính sách nhằm đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ và đổi mới công nghệ- thiết bị

- Tiếp tục bố trí kinh phí để thực hiện các chính sách đã có; tích cực tham gia các chương trình KH&CN cấp quốc gia; ưu tiên các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh để giải quyết các nội dung đã được xác định trong Kế hoạch 169/KH-UBND.

- Cần ban hành chính sách hỗ trợ nghiên cứu, sản xuất giống cây trồng vật nuôi mới; sản xuất các sản phẩm mới; đổi mới công nghệ - thiết bị phù hợp với định hướng trong Kế hoạch 169/KH-UBND.

1.2. Về chính sách nhằm thu hút các dự án sản xuất sản phẩm có hàm lượng khoa học và công nghệ cao

- Tiếp tục tăng cường thu hút các dự án đầu tư sản phẩm công nghệ cao thông qua hoạt động xúc tiến kêu gọi thu hút đầu tư.

- Cần ban hành chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ cao, theo chuỗi giá trị, trên quy mô lớn.

1.3. Về chính sách nhằm nâng cao năng lực khoa học và công nghệ

- Đối với các tổ chức KH&CN công lập, việc nâng cao năng lực KH&CN được thực hiện trên cơ sở các dự án đầu tư bằng ngân sách nhà nước, không ban hành chính sách mới.

- Cần ban hành chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực các phòng thí nghiệm, phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm sản phẩm trực thuộc doanh nghiệp.

2. Đề xuất

Trên cơ sở đánh giá các chính sách hiện hành về KH&CN trong các lĩnh vực được xác định là đột phá trong Kế hoạch 169/KH-UBND, các chính sách mới cần ban hành để phát triển KH&CN trở thành đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 là:

- Chính sách hỗ trợ nghiên cứu, sản xuất giống cây trồng, vật nuôi mới; sản xuất các sản phẩm mới; đổi mới công nghệ - thiết bị.

- Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ cao, theo chuỗi giá trị, trên quy mô lớn.

- Chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực các phòng thí nghiệm, phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm sản phẩm trực thuộc doanh nghiệp.

Phần thứ hai
CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRỞ THÀNH KHẤU ĐỘT PHÁ
TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH THANH HÓA ĐẾN NĂM 2020

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Khuyến khích nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, hỗ trợ nâng cao năng lực khoa học và công nghệ, góp phần đưa khoa học và công nghệ trở thành khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020

- *Trong nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật; nghiên cứu sản xuất sản phẩm mới; đổi mới công nghệ - thiết bị.*

+ Du nhập được ít nhất 6 giống cây trồng mới có năng suất hoặc hiệu quả tăng 15% trở lên; phục tráng được ít nhất 3 giống cây ăn quả đặc sản; chủ động sản xuất bằng nuôi cấy mô được ít nhất 4 giống cây lâm nghiệp; sản xuất được 4 giống thủy sản hiện chưa tự sản xuất được trong tỉnh;

+ Sản xuất được ít nhất 8 dược phẩm mới, 8 thực phẩm chức năng mới từ dược liệu được trồng trên địa bàn tỉnh;

+ Sản xuất được ít nhất 10 phần mềm (*software*) mới phục vụ sản xuất nông nghiệp thông minh, phát triển thương mại điện tử cho các làng nghề truyền thống, phát triển du lịch, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo vệ môi trường;

+ Đổi mới được công nghệ - thiết bị nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất cho ít nhất 15 doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm: đá ốp lát xây dựng, cát xây dựng, thủy sản đông lạnh chế biến, thức ăn gia súc, bao bì;

+ Tiếp nhận được ít nhất 4 kỹ thuật cao nhằm nâng cao chất lượng khám chữa bệnh;

+ Ứng dụng công nghệ cao trong bảo quản hải sản cho ít nhất 100 tàu cá và tàu dịch vụ hậu cần nghề cá nhằm nâng cao chất lượng của hải sản đánh bắt xa bờ.

- *Trong phát triển sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ cao, theo chuỗi giá trị, trên quy mô lớn.*

+ Ứng dụng công nghệ cao, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong sản xuất lúa chất lượng cao, theo chuỗi giá trị, trên quy mô sản xuất tập trung từ 100 ha/cơ sở trở lên, tại ít nhất 5 cơ sở.

+ Ứng dụng công nghệ cao, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong sản xuất cam, bưởi, theo chuỗi giá trị, trên quy mô sản xuất tập trung từ 50 ha/cơ sở trở lên, tại ít nhất 5 cơ sở.

+ Ứng dụng công nghệ cao, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nuôi tôm chân trắng nước mặn, theo chuỗi giá trị trên quy mô từ 1,0 ha/cơ sở trở lên, tại ít nhất 10 cơ sở.

+ Ứng dụng công nghệ cao trong giết mổ, chế biến gia súc, gia cầm (công suất 2.000 gia cầm/ngày hoặc 200 gia súc/ngày trở lên) gắn với phát triển chăn nuôi theo chuỗi giá trị, tại ít nhất 3 cơ sở.

- *Trong nâng cao năng lực khoa học và công nghệ*

Nâng cao năng lực hoạt động KH&CN cho ít nhất 30 phòng thí nghiệm, phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm sản phẩm trực thuộc doanh nghiệp.

II. CÁC CHÍNH SÁCH CỤ THỂ

1. Hỗ trợ nghiên cứu, sản xuất giống cây trồng, vật nuôi mới; sản xuất sản phẩm mới; đổi mới công nghệ - thiết bị

1.1 Hỗ trợ nghiên cứu, sản xuất giống cây trồng, vật nuôi

1.1.1 Sự cần thiết

Để phát triển sản xuất, việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật để sản xuất các giống mới có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao là rất quan trọng. Hiện nay Tỉnh đã có chính sách hỗ trợ khuyến khích chọn tạo giống cây trồng mới đối với lúa, ngô, mía (Quyết định 5637/2015/QĐ-UBND). Tuy nhiên, còn có nhiều giống mới cần được khuyến khích như: giống cây trồng mới (cam, bưởi, dưa, khoai tây, lạc, đậu tương); con giống thủy sản (Phi, cá Chiên, cá Nheo, cá Ngạnh sông); cây giống lâm nghiệp (Keo lai, Xoan chịu hạn, Quế Thường Xuân, Giổi ăn hạt). Bên cạnh đó, các giống cây ăn quả đặc sản như Cam Vân Du, quýt Bá Thước, quýt vôi Cẩm Thủy cần được phục tráng để phục vụ sản xuất.

1.1.2. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

a) Đối tượng

Các tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh có đăng ký hoạt động nghiên cứu, sản xuất giống cây trồng, vật nuôi.

b) Điều kiện

- *Đối với chọn tạo, du nhập, khảo nghiệm, sản xuất giống cây trồng mới*

+ Các giống mới được chọn tạo, du nhập, khảo nghiệm là: cam, bưởi, dưa, khoai tây, lạc, đậu tương¹¹

+ Giống mới phải có năng suất tăng 15% hoặc có hiệu quả kinh tế tăng 15% trở lên so với giống đang được sản xuất đại trà.

¹¹ Đây là các cây trồng chủ lực và có lợi thế của tỉnh Thanh Hóa được xác định theo chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp đến năm 2020, định hướng đến 2030 theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững.

Giống lúa, giống ngô, giống mía không thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách này do đã được hỗ trợ theo Quyết định 5637/2015/QĐ-UBND về việc ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất giống cây trồng vật nuôi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 – 2020.

+ Diện tích được trồng bằng giống mới tối thiểu 30 ha/giống đối với cam, bưởi, dứa; 100 ha/giống đối với khoai tây; 200 ha/giống đối với lạc, đậu tương; được thực hiện trong khoảng thời gian từ 01/01/2018 đến 31/12/2020.

- Đối với phục tráng, sản xuất giống cây ăn quả đặc sản

+ Giống đưa vào phục tráng phải thuộc một trong các giống cây ăn quả đặc sản Thanh Hóa: cam Vân Du, quýt Bá Thước, quýt vôi Ngọc Lặc.

+ Diện tích trồng bằng giống được phục tráng tối thiểu 30 ha/giống; được thực hiện trong khoảng thời gian từ 01/01/2018 đến 31/12/2020.

- Đối với sản xuất cây giống lâm nghiệp bằng phương pháp nuôi cấy mô

+ Sản xuất được bằng phương pháp nuôi cấy mô một trong các giống cây: Keo lai¹², Xoan chịu hạn¹³, Quế Thường Xuân¹⁴, Giổi ăn hạt¹⁵

+ Toàn bộ quy trình sản xuất cây giống được thực hiện trên địa bàn tỉnh.

+ Diện tích rừng trồng bằng cây giống đã được sản xuất theo phương pháp nuôi cấy mô ít nhất là 30 ha/giống; tỷ lệ sống từ 85% trở lên; cây sinh trưởng phát triển tốt; được thực hiện trong khoảng thời gian từ 01/01/2018 đến 31/12/2020.

- Đối với sản xuất giống thủy sản

+ Sản xuất được một trong số các giống thủy sản: con Phi¹⁶, cá Chiên¹⁷, cá Nheo¹⁸, cá Ngạnh sông¹⁹.

+ Toàn bộ quy trình sản xuất con giống được thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

+ Số lượng con giống đã sản xuất được đưa vào nuôi thương phẩm trong khoảng thời gian từ 01/01/2018 đến 31/12/2020:

. Con Phi: tối thiểu 10.000.000 con/điện tích nuôi tối thiểu 10 ha; tỷ lệ sống từ 70% trở lên.

. Cá Chiên, cá Ngạnh sông: tối thiểu 300.000 con/giống/điện tích nuôi tối thiểu 30 ha/giống; tỷ lệ sống từ 80% trở lên.

. Cá Nheo: tối thiểu 600.000 con/điện tích nuôi tối thiểu 30 ha; tỷ lệ sống từ 80% trở lên.

1.1.3. Nội dung, mức hỗ trợ

- Đối với chọn tạo giống cây trồng mới: được thực hiện theo hình thức nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

¹² Tên khoa học: *Acacia auriculiformis mangium*, *Acacia hybrid*

¹³ Tên khoa học: *Azadirachta indica*

¹⁴ Còn gọi là Quế ngọc, Quế ngọc châu Thường, Quế Thường Xuân. Ngày 10/10/2016, Cục Sở hữu trí tuệ đã ban hành Quyết định số 4090/QĐ-SHTT cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý số 00051 cho sản phẩm quế Thường Xuân.

¹⁵ Tên khoa học: *Mechilia tonkinensis A.chev*

¹⁶ Còn gọi là Phi Cầu Sỏi, Phi tiến Vua, Phi cầu Sỏi tiến Vua, Tên khoa học: *Sanguinolaria diphos*, *Limmaeus*, 1771

¹⁷ Tên khoa học: *Bagarius*, thuộc cấp độ V - nhóm nguy cơ có thể bị tuyệt chủng. Đây là một trong 4 giống cá nước ngọt quý hiếm được coi là "Tứ quý hà thủy" (gồm cá anh vũ, cá chiên, cá lăng và cá bống).

¹⁸ Tên khoa học: *Ictalurus punctatus*

¹⁹ Tên khoa học: *Cranoglanis henrici*

- Đối với du nhập, khảo nghiệm, sản xuất giống cây trồng mới: Hỗ trợ 30% chi phí du nhập, khảo nghiệm, sản xuất giống để trồng 30ha/giống đối với cam, bưởi; 100 ha/giống đối với khoai tây; 200 ha/giống đối với lạc, đậu tương (gồm: chi công lao động trực tiếp; chi mua vật tư, nguyên nhiên vật liệu; chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định; chi hội thảo khoa học, công tác phí; chi trả dịch vụ thuê ngoài; chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu; chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc). Mức hỗ trợ tối đa 2 tỷ đồng/giống.

- Đối với phục tráng, sản xuất giống cây ăn quả đặc sản: Hỗ trợ 30%: chi phí phục tráng, sản xuất giống để trồng 30ha/giống (gồm: chi công lao động trực tiếp; chi mua vật tư, nguyên nhiên vật liệu; chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định; chi hội thảo khoa học, công tác phí; chi trả dịch vụ thuê ngoài; chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu; chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc). Mức hỗ trợ tối đa 2 tỷ đồng/giống.

- Đối với sản xuất cây giống lâm nghiệp bằng phương pháp nuôi cây mô: Hỗ trợ 30%: chi phí nhận chuyển giao công nghệ (nếu có), chi phí sản xuất đủ số lượng cây giống bằng phương pháp nuôi cây mô để trồng trên diện tích 30ha/giống (gồm: chi công lao động trực tiếp; chi mua vật tư, nguyên nhiên vật liệu; chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định; chi hội thảo khoa học, công tác phí; chi trả dịch vụ thuê ngoài; chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu; chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc). Mức hỗ trợ tối đa 2 tỷ đồng/giống.

- Đối với sản xuất giống thủy sản: Hỗ trợ 30%: chi phí nhận chuyển giao công nghệ (nếu có), chi phí sản xuất đủ số lượng con giống để nuôi 10 ha đối với con Phi, 30 ha đối với cá Nheo, cá Chiên, cá Ngạnh sông (gồm: chi công lao động trực tiếp; chi mua vật tư, nguyên nhiên vật liệu; chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định; chi hội thảo khoa học, công tác phí; chi trả dịch vụ thuê ngoài; chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu; chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc). Mức hỗ trợ tối đa 2 tỷ đồng/giống.

1.1.4. Thời điểm hỗ trợ

- Đối với du nhập, khảo nghiệm, sản xuất giống cây trồng mới; phục tráng sản xuất giống cây ăn quả đặc sản; sản xuất cây giống lâm nghiệp bằng phương pháp nuôi cây mô: sau khi đã sản xuất được cây giống và cây giống đã được đem ra trồng đủ diện tích.

- Đối với sản xuất giống thủy sản: sau khi đã sản xuất được con giống và con giống đã được đem ra nuôi đủ diện tích.

1.1.5 Cơ sở xác định mức hỗ trợ

Mức hỗ trợ 30%: áp dụng mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước cho dự án sản xuất thử nghiệm theo quy định tại khoản 2, Điều 2 Thông tư 22/2011/TT-BKHCN-BTC của Bộ Tài chính và Bộ KH&CN hướng dẫn quản lý tài chính đối với các dự án sản xuất thử nghiệm²⁰.

²⁰ “2. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước
Ngân sách nhà nước hỗ trợ:

- Tối đa đến 30% tổng mức kinh phí đầu tư mới cần thiết để thực hiện dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (không tính giá trị còn lại hoặc chi phí khấu hao trang thiết bị, nhà xưởng đã có vào tổng mức kinh phí đầu tư thực hiện dự án)”

1.1.6 Thủ tục, trình tự hỗ trợ:

a) Tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Sở KH&CN; gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ.

- Báo cáo kết quả du nhập, khảo nghiệm, sản xuất giống và trồng giống mới (đối với đề nghị hỗ trợ du nhập, khảo nghiệm, sản xuất giống cây trồng mới); hoặc báo cáo kết quả phục tráng, sản xuất và trồng giống cây ăn quả đặc sản (đối với đề nghị hỗ trợ phục tráng, sản xuất giống cây ăn quả đặc sản); hoặc báo cáo kết quả nhận chuyển giao công nghệ, sản xuất giống và trồng giống cây lâm nghiệp (đối với đề nghị hỗ trợ sản xuất giống cây lâm nghiệp); hoặc báo cáo kết quả nhận chuyển giao công nghệ, sản xuất giống và nuôi thương phẩm giống thủy sản (đối với đề nghị hỗ trợ sản xuất giống thủy sản).

- Hợp đồng và thanh lý hợp đồng chuyển giao công nghệ (nếu có); xác nhận của các tổ chức, cá nhân đã mua và trồng cây giống do tổ chức, đơn vị sản xuất (đối với các đề nghị hỗ trợ sản xuất giống cây); hoặc xác nhận của các tổ chức, cá nhân đã mua và nuôi thả con giống do tổ chức, đơn vị sản xuất (đối với đề nghị hỗ trợ sản xuất giống thủy sản).

- Bản kê chi phí; chứng từ tài chính.

b) Sở KH&CN chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở NN&PTNT, UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên các địa bàn triển khai thực hiện trồng cây, nuôi con và các cơ quan có liên quan tiến hành đánh giá kết quả đã thực hiện, thẩm định chi phí, xác định kinh phí hỗ trợ; trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định. Kinh phí đánh giá kết quả, thẩm định chi phí được áp dụng theo mức chi cho hoạt động đánh giá nghiệm thu, thẩm định tài chính nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; được bố trí từ nguồn SNKH hằng năm về Sở KH&CN để thực hiện.

1.1.7 Dự kiến kinh phí thực hiện chính sách

17 giống x 2 tỷ đồng/giống = 34 tỷ đồng

1.1.8 Dự kiến hiệu quả của chính sách

- Đưa nhanh các giống mới có năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao vào sản xuất.

- Chủ động được nguồn giống đảm bảo chất lượng phục vụ sản xuất.

- Phục tráng được các giống đặc sản để làm cơ sở phát triển và nhân rộng.

1.2 Hỗ trợ nghiên cứu sản xuất dược phẩm mới, thực phẩm chức năng mới từ dược liệu được trồng trên địa bàn tỉnh; gồm 18 dược liệu: quế, cà gai leo, gừng, nghệ, giảo cổ lam, gấc, hà thủ ô, ngũ gia bì, sâm cau, ích mẫu, đinh lăng, sa nhân, đương quy, mã tiền, thổ phục linh, nấm linh chi, lan gấm, sâm báo

1.2.1 Sự cần thiết

Thanh Hóa có tiềm năng to lớn về dược liệu. Tuy nhiên sản phẩm thuốc, thực phẩm chức năng từ dược liệu còn ít, cần được hỗ trợ, khuyến khích nghiên cứu. Mỗi sản phẩm thuốc mới, thực phẩm chức năng mới từ dược liệu được nghiên cứu thành công thì cơ sở sản xuất thuốc sẽ là nơi tiêu thụ nguồn dược

liệu, góp phần phát triển vùng dược liệu. Vì thế, cần khuyến khích việc nghiên cứu thuốc mới, thực phẩm chức năng mới từ dược liệu dược trồng trên địa bàn tỉnh.

1.2.1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

a) Đối tượng

Các tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh có đăng ký hoạt động nghiên cứu, sản xuất dược phẩm, thực phẩm chức năng.

b) Điều kiện

- Nghiên cứu tạo ra dược phẩm mới, thực phẩm chức năng mới trong khoảng thời gian từ 01/01/2018 đến 31/12/2020.

- Toàn bộ dược liệu để sản xuất dược phẩm mới, thực phẩm chức năng mới là dược liệu trồng tại Thanh Hóa, thuộc ít nhất một trong số các dược liệu sau: quế, cà gai leo, gừng, nghệ, giảo cổ lam, gấc, hà thủ ô, ngũ gia bì, sâm cau, ích mẫu, đinh lăng, sa nhân, đương quy, mã tiền, thô phục linh, nấm linh chi, lan gấm, sâm báo.

- Giá trị sản phẩm mới đã được tiêu thụ trên thị trường tối thiểu 1,5 tỷ đồng/sản phẩm.

1.2.2. Nội dung, mức hỗ trợ

Hỗ trợ 30% chi phí để tạo ra dược phẩm mới, thực phẩm chức năng mới (gồm: chi công lao động trực tiếp; chi mua vật tư, nguyên nhiên vật liệu; chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định; chi hội thảo khoa học, công tác phí; chi trả dịch vụ thuê ngoài; chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu; chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc). Mức hỗ trợ tối đa cho mỗi dược phẩm mới, thực phẩm chức năng mới là 500 triệu đồng. Đối với mỗi tổ chức, đơn vị, từ sản phẩm thứ hai trở đi mức hỗ trợ tối đa là 250 triệu đồng/sản phẩm.

1.2.3. Thời điểm hỗ trợ

Sau khi dược phẩm mới, thực phẩm chức năng mới được cơ quan có thẩm quyền cho phép lưu hành.

1.2.5 Cơ sở xác định mức hỗ trợ

Mức hỗ trợ 30%: áp dụng mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước cho dự án sản xuất thử nghiệm được quy định tại khoản 2, Điều 2 Thông tư 22/2011/TT-BKHCN-BTC của Bộ Tài chính và Bộ KH&CN hướng dẫn quản lý tài chính đối với các dự án sản xuất thử nghiệm²¹.

1.2.6 Thủ tục hỗ trợ:

a) Tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Sở KH&CN; gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ.

²¹ “2. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước

Ngân sách nhà nước hỗ trợ:

- Tối đa đến 30% tổng mức kinh phí đầu tư mới cần thiết để thực hiện dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (không tính giá trị còn lại hoặc chi phí khấu hao trang thiết bị, nhà xưởng đã có vào tổng mức kinh phí đầu tư thực hiện dự án)”

- Bản mô tả quy trình sản xuất dược phẩm mới hoặc thực phẩm chức năng mới (nêu rõ các dược liệu được sử dụng, nơi sản xuất dược liệu).

- Văn bản chứng minh đã mua dược liệu được sản xuất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa để sản xuất dược phẩm, thực phẩm chức năng.

- Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép lưu hành dược phẩm hoặc thực phẩm chức năng.

- Bản kê chi phí; chứng từ tài chính.

b) Sở KH&CN chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế, UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên các địa bàn trồng các dược liệu đã được sử dụng để sản xuất dược phẩm mới, thực phẩm chức năng mới và các cơ quan có liên quan tiến hành đánh giá kết quả đã thực hiện, thẩm định chi phí, xác định kinh phí hỗ trợ; trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định. Kinh phí đánh giá kết quả, thẩm định chi phí được áp dụng theo mức chi cho hoạt động đánh giá nghiệm thu, thẩm định tài chính nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; được bố trí từ nguồn SNKH hằng năm về Sở KH&CN để thực hiện.

1.2.7 Dự kiến kinh phí thực hiện chính sách

8 sản phẩm x 0,5 tỷ đồng/sản phẩm = 4 tỷ đồng

8 sản phẩm x 0,25 tỷ đồng/sản phẩm = 2 tỷ đồng

1.2.8 Dự kiến hiệu quả của chính sách

- Tạo ra dược phẩm mới, thực phẩm chức năng mới phục vụ chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

- Góp phần phát triển nghề trồng dược liệu trên địa bàn tỉnh.

1.3 Hỗ trợ nghiên cứu sản xuất phần mềm ứng dụng (software)

1.3.1 Sự cần thiết

Tỉnh Thanh Hóa đặt ra mục tiêu đến năm 2020 uơng tạo được 20 doanh nghiệp sản xuất phần mềm, nội dung số; phấn đấu đến 2020 đạt 300 tỷ đồng từ sản phẩm phần mềm và nội dung số. Bên cạnh đó, Thanh Hóa đang đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất nông nghiệp công nghệ cao (tự động tính toán, điều hành nhu cầu nước, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật...), bảo vệ môi trường, phát triển thương mại điện tử, du lịch, y tế .. nên cần khuyến khích, hỗ trợ sản xuất và ứng dụng phần mềm, nội dung số trong nông nghiệp, du lịch, y tế, thương mại, môi trường.

1.3.2 Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:

a) Đối tượng

Các tổ chức, đơn vị, cá nhân trên địa bàn tỉnh có đăng ký hoạt động nghiên cứu, sản xuất phần mềm.

b) Điều kiện

- Sản xuất dược phẩm mới (software) mới trong khoảng thời gian từ 01/01/2018 đến 31/12/2020, thuộc một trong các nhóm sau:

+ Phục vụ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa: Có chức năng điều khiển tự động quá trình sản xuất, theo dõi quá trình sản xuất, truy xuất nguồn gốc sản phẩm

+ Phục vụ công tác quản lý giám sát từ xa mức độ ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa: Có chức năng thu thập tự động dữ liệu về mức độ ô nhiễm ở các khu vực có nguy cơ ô nhiễm cao.

+ Phục vụ công tác quản lý hồ sơ sức khỏe cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa: Có chức năng liên thông từ các trạm Y tế, phòng khám bác sĩ gia đình đến các bệnh viện để trao đổi về lịch sử khám, điều trị của bệnh nhân nhằm nâng cao hiệu quả điều trị cho bệnh nhân tại các cơ sở khám chữa bệnh.

+ Phục vụ hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa: Có chức năng hỗ trợ du khách trong việc lựa chọn tour, điểm đến, điểm nghỉ, các sản phẩm, dịch vụ du lịch và thanh toán dịch vụ.

+ Phục vụ quảng cáo, phân phối và bán các sản phẩm truyền thống của Thanh Hóa qua Internet: Có chức năng kết nối website thương mại điện tử, ứng dụng thương mại điện tử trên mobile với các làng nghề truyền thống nhằm quảng cáo, phân phối và bán các sản phẩm truyền thống của địa phương cho khách hàng trong và ngoài tỉnh.

- Phần mềm được ứng dụng tại ít nhất 5 cơ quan, đơn vị nhà nước của tỉnh Thanh Hóa hoặc ít nhất 10 tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; hoặc được ít nhất 1.000 cá nhân sử dụng (đối với phần mềm phục vụ hoạt động du lịch; phần mềm phục vụ quảng cáo, phân phối và bán sản phẩm truyền thống của Thanh Hóa qua Internet).

1.3.3 Nội dung, mức hỗ trợ

Hỗ trợ 30% chi phí tạo ra phần mềm mới (gồm: chi công lao động trực tiếp; chi mua vật tư, nguyên nhiên vật liệu; chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định; chi hội thảo khoa học, công tác phí; chi trả dịch vụ thuê ngoài; chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu; chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc). Mức hỗ trợ tối đa 1 tỷ đồng/1 phần mềm.

1.3.4 Thời điểm hỗ trợ

Sau khi phần mềm được ít nhất 5 cơ quan, đơn vị nhà nước của tỉnh hoặc ít nhất 10 tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; hoặc được ít nhất 1.000 cá nhân sử dụng.

1.3.5 Cơ sở xác định mức hỗ trợ

Mức hỗ trợ 30%: áp dụng mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước cho dự án sản xuất thử nghiệm được quy định tại khoản 2, Điều 2 Thông tư 22/2011/TT-BKH&CN của Bộ Tài chính và Bộ KH&CN về việc Hướng dẫn quản lý tài chính đối với các dự án sản xuất thử nghiệm.

1.3.6 Thủ tục hỗ trợ:

a) Tổ chức, đơn vị, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Sở KH&CN;
gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ.

- Bản mô tả (nêu rõ chức năng của phần mềm) và hướng dẫn sử dụng phần mềm.

- Báo cáo kết quả ứng dụng, sử dụng phần mềm (có xác nhận của ít nhất 5 cơ quan, đơn vị nhà nước hoặc ít nhất 10 tổ chức, doanh nghiệp ứng dụng phần mềm; hoặc văn bản, tài liệu chứng minh được có ít nhất 1.000 cá nhân sử dụng phần mềm).

- Bản kê chi phí; chứng từ tài chính.

b) Sở KH&CN chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan có liên quan tiến hành đánh giá kết quả đã thực hiện, thẩm định chi phí, xác định kinh phí hỗ trợ; trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định. Kinh phí đánh giá kết quả, thẩm định chi phí được áp dụng theo mức chi cho hoạt động đánh giá nghiệm thu, thẩm định tài chính nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; được bố trí từ nguồn SNKH hằng năm về Sở KH&CN để thực hiện.

1.3.7 Dự kiến kinh phí thực hiện chính sách

10 phần mềm x 1 tỷ đồng/phần mềm = 10 tỷ đồng

1.4 Hỗ trợ đổi mới công nghệ - thiết bị sản xuất một số sản phẩm công nghiệp có khả năng cạnh tranh tốt; gồm 5 nhóm sản phẩm: đá ốp lát xây dựng, cát xây dựng, chế biến thủy sản, thức ăn gia súc, bao bì

1.4.1 Sự cần thiết

Việc đổi mới công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh trong các doanh nghiệp là hết sức cần thiết. Tuy nhiên, doanh nghiệp ở Thanh Hóa phần lớn là nhỏ và vừa, tiềm lực tài chính còn nhiều hạn chế nên gặp khó khăn về vốn trong đổi mới công nghệ, cần có sự hỗ trợ của nhà nước.

1.4.2 Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

a) Đối tượng

Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đang sản xuất các sản phẩm: đá ốp lát xây dựng; cát xây dựng; chế biến thủy sản; thức ăn gia súc; bao bì.

b) Điều kiện

- Bắt đầu thực hiện và hoàn thành đổi mới toàn bộ công nghệ trong khoảng thời gian từ 01/01/2018 đến 31/12/2020 để thay thế công nghệ đang có bằng một trong số các công nghệ - thiết bị sau đây:

+ Công nghệ - thiết bị khai thác đá “cát dây”, công nghệ - thiết bị cắt đá CNC (đối với khai thác, chế biến đá ốp lát xây dựng).

+ Công nghệ - thiết bị hút chân không băng tải (đối với chế biến thủy sản).

+ Công nghệ - thiết bị dệt 8 thoi (đối với sản xuất bao bì).

+ Công nghệ - thiết bị sản xuất tự động hóa (đối với sản xuất thức ăn gia súc).

+ Công nghệ - thiết bị sản xuất cát nhân tạo (đối với sản xuất cát xây dựng).

+ Công nghệ cao, công nghệ khuyến khích chuyển giao (thuộc danh mục công nghệ cao, danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao quy định tại Quyết định 66/2014/QĐ-TTg ngày 25/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển; Quyết định 13/2017/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển; Nghị định 120/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao).

- Máy móc, thiết bị kèm theo công nghệ (nếu có) phải mới 100%.

- Giá trị chuyển giao công nghệ (gồm cả máy móc, thiết bị kèm theo) phải từ 5 tỷ đồng trở lên.

- Giá trị gia tăng của sản phẩm²² phải tăng tối thiểu 10% so với trước khi đổi mới công nghệ²³.

1.4.3. Nội dung, mức hỗ trợ

Hỗ trợ 30% giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ (gồm cả máy móc, thiết bị kèm theo, nếu có). Mức hỗ trợ tối đa 5 tỷ đồng/doanh nghiệp.

1.4.4. Thời điểm hỗ trợ

Sau khi đã hoàn thành đổi mới toàn bộ công nghệ.

1.4.5 Cơ sở xác định mức hỗ trợ

Mức hỗ trợ 30%: áp dụng mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước cho dự án sản xuất thử nghiệm được quy định tại khoản 2, Điều 2 Thông tư 22/2011/TT-BKH&CN của Bộ Tài chính và Bộ KH&CN về việc Hướng dẫn quản lý tài chính đối với các dự án sản xuất thử nghiệm.

1.4.6 Thủ tục hỗ trợ

a) Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Sở KH&CN; gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ.

- Dự án đổi mới toàn bộ công nghệ.

- Hợp đồng và Bản thanh lý hợp đồng chuyển giao công nghệ; hoặc Hợp đồng và Bản thanh lý hợp đồng mua sắm máy móc, thiết bị kèm theo chuyển giao công nghệ.

- Báo cáo kết quả thực hiện dự án đổi mới toàn bộ công nghệ.

- Bản kê chi phí; chứng từ tài chính.

b) Sở KH&CN chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Công Thương, các cơ quan có liên quan tiến hành đánh giá kết quả đã thực hiện, thẩm định chi phí, xác định kinh phí hỗ trợ; trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định. Kinh phí đánh giá kết quả, thẩm định chi phí được áp dụng theo mức chi cho hoạt động đánh giá nghiệm thu, thẩm định tài chính nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; được bố trí từ nguồn SNKH hằng năm về Sở KH&CN để thực hiện.

²² Giá trị gia tăng của sản phẩm (tính theo %) = (Giá thành - Tổng chi phí)/Giá thành.

²³ Điều kiện "Góp phần tăng tối thiểu 10% giá trị gia tăng của sản phẩm" là áp dụng theo tiêu chí hỗ trợ dự án chuyển giao công nghệ để sản xuất sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm, sản phẩm quốc gia (Điều 10, Thông tư 06/2014/TT-BKH&CN ngày 25/4/2014 của Bộ KH&CN).

1.4.7 Dự kiến kinh phí để thực hiện chính sách:

15 dự án x 5 tỷ đồng = 75 tỷ đồng

1.4.8 Dự kiến hiệu quả của chính sách

- Về kinh tế: Tăng năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của các sản phẩm sản phẩm mà Thanh Hóa có lợi thế cạnh tranh so với các tỉnh, có giá trị kinh tế cao thông qua đổi mới công nghệ - thiết bị. Góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp trong quá trình hội nhập kinh tế do được đổi mới công nghệ - thiết bị. Tăng nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách cho hoạt động khoa học và công nghệ thông qua hoạt động đầu tư của doanh nghiệp cho đổi mới công nghệ - thiết bị. Khai thác và sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm hơn năng lượng và nguồn tài nguyên thông qua việc thay thế công nghệ cũ tiêu tốn năng lượng, tài nguyên bằng công nghệ mới sử dụng tiết kiệm năng lượng, tiêu tốn ít tài nguyên hơn.

- Về xã hội: Giúp doanh nghiệp cải tiến công nghệ, duy trì và phát triển sản xuất kinh doanh, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động. Người lao động trong doanh nghiệp được nâng cao trình độ, kỹ năng lao động thông qua việc vận hành các máy móc, thiết bị tiên tiến.

1.5 Hỗ trợ nhận chuyển giao kỹ thuật cao trong chẩn đoán và điều trị

1.5.1 Sự cần thiết

Hiện nay nhu cầu khám chữa bệnh tại Thanh Hóa ngày càng tăng, đặc biệt là nhu cầu sử dụng các dịch vụ khám chữa bệnh chất lượng cao. Để tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân, một trong những giải pháp có tính đột phá là đẩy mạnh tiếp nhận, ứng dụng công nghệ, kỹ thuật cao vào công tác khám, chữa bệnh.

1.5.2 Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:

a) Đối tượng

- Các bệnh viện tư nhân đăng ký hoạt động trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
- Các bệnh viện công lập sẽ được xem xét hỗ trợ theo từng dự án cụ thể khi nhận chuyển giao một trong các công nghệ, kỹ thuật: *Ghép tạng; Ứng dụng tế bào gốc trong điều trị; Phẫu thuật bằng robot.*

b) Điều kiện

Bắt đầu thực hiện và hoàn thành việc nhận chuyển giao một trong các kỹ thuật sau đây trong khoảng thời gian từ 01/01/2018 đến 31/12/2020:

- Chụp cộng hưởng từ (MRI) 3.0 Tesla.
- Gia tốc tuyến tính xạ trị ung thư (xạ trị điều biến liều IMRT).
- Chạy thận nhân tạo (AK 98).
- Phẫu thuật nội soi Full HD.

1.5.3. Nội dung, mức hỗ trợ

Hỗ trợ 30% chi phí nhận chuyển giao kỹ thuật (Chi thuê chuyên gia; Chi mua sắm, nhập khẩu trang thiết bị chuyên dụng phục vụ trực tiếp cho việc triển khai thực hiện kỹ thuật; Chi đào tạo, tập huấn cán bộ kỹ thuật; Chi phí kiểm tra,

phân tích các kết quả trong quá trình ứng dụng kỹ thuật). Mức hỗ trợ tối đa 2 tỷ đồng cho một kỹ thuật.

1.5.4. Thời điểm hỗ trợ

Sau khi hoàn thành việc nhận chuyển giao kỹ thuật.

1.5.5 Cơ sở xác định mức hỗ trợ

Mức hỗ trợ 30%: áp dụng mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước cho dự án sản xuất thử nghiệm được quy định tại khoản 2, Điều 2 Thông tư 22/2011/TT-BKHCN-BTC của Bộ Tài chính và Bộ KH&CN về việc Hướng dẫn quản lý tài chính đối với các dự án sản xuất thử nghiệm²⁴.

1.5.6. Thủ tục hỗ trợ

a) Bệnh viện nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Sở KH&CN; gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ.
- Dự án chuyển giao kỹ thuật.
- Hợp đồng và Bản thanh lý hợp đồng chuyển giao kỹ thuật; hoặc Hợp đồng và Bản thanh lý hợp đồng mua sắm máy móc, thiết bị kèm theo chuyển giao kỹ thuật.
- Báo cáo kết quả thực hiện dự án chuyển giao kỹ thuật
- Bản kê chi phí; các chứng từ tài chính.

b) Sở KH&CN chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế, các cơ quan có liên quan tiến hành đánh giá kết quả đã thực hiện, thẩm định chi phí, xác định kinh phí hỗ trợ; trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định. Kinh phí đánh giá kết quả, thẩm định chi phí được áp dụng theo mức chi cho hoạt động đánh giá nghiệm thu, thẩm định tài chính nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; được bố trí từ nguồn SNKH hằng năm về Sở KH&CN để thực hiện.

1.5.7 Dự kiến kinh phí để thực hiện chính sách

4 kỹ thuật x 2 tỷ đồng: 8 tỷ đồng

1.5.8 Dự kiến hiệu quả của chính sách

- Nâng cao doanh thu từ dịch vụ, đẩy mạnh được hoạt động xã hội hóa trong y tế triển khai thực hiện một trong những giải pháp hiệu quả nhằm huy động các thành phần kinh tế ngoài nhà nước đầu tư vào lĩnh vực y tế, qua đó nâng cao hiệu quả, năng lực chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Việc ứng dụng thành công kỹ thuật sẽ góp phần nâng cao chất lượng trong việc chẩn đoán, điều trị bệnh nhân, từng bước hiện đại hoá ngành Y Thanh Hóa.

- Giảm, tiết kiệm kinh phí cho người bệnh và gia đình người bệnh. Giúp người nghèo có cơ hội được tiếp cận với y học hiện đại mà không phải chuyển tuyến.

²⁴ “2. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước

Ngân sách nhà nước hỗ trợ:

- Tối đa đến 30% tổng mức kinh phí đầu tư mới cần thiết để thực hiện dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (không tính giá trị còn lại hoặc chi phí khấu hao trang thiết bị, nhà xưởng đã có vào tổng mức kinh phí đầu tư thực hiện dự án)”

1.6. Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao trong bảo quản hải sản đánh bắt xa bờ

1.6.1. Sự cần thiết

Hiện nay Thanh Hóa có 7.412 tàu khai thác hải sản, trong đó gần 200 tàu khai thác có công suất 400CV trở lên, gần 50 tàu dịch vụ hậu cần nghề cá có công suất 800CV trở lên.

Những năm qua, tỷ lệ tổn thất sau thu hoạch trong khai thác hải sản của ngư dân lên đến 30%. Nguyên nhân chính là do hầm bảo quản sản phẩm hải sản đánh bắt được làm bằng Styropore (xốp trắng). Hầu hết các tàu có hầm bảo quản làm bằng vật liệu này thì sau 3 ngày lượng đá tiêu hao mất 30%, 7 ngày tiêu hao 50 - 60%, đến khoảng 10 ngày thì lượng nước đá mang theo trên tàu hầu như tan chảy hết.

Hầm bảo quản bằng vật liệu *Polyurethane foam* sẽ tăng thời gian bảo quản lên hơn 20 ngày do chậm tiêu hao đá (20 ngày, lượng đá hao hụt dưới 50%). Nhờ vậy, sản phẩm được bảo quản tốt hơn; khi về đến bờ cá vẫn tươi, giá bán cao hơn cá bảo quản trong hầm bằng vật liệu Styropore từ 5.000 - 20.000 đồng/kg. Do đó, việc ứng dụng công nghệ cao là rất cần thiết để giảm tổn thất sau thu hoạch đối với hải sản đánh bắt xa bờ.

1.6.2. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

a) Đối tượng

Chủ tàu khai thác hải sản có công suất máy chính từ 400 CV trở lên; Chủ tàu dịch vụ hậu cần nghề cá có công suất máy chính từ 800 CV trở lên.

b) Điều kiện

- Bắt đầu thực hiện và hoàn thành nâng cấp, làm mới hầm bảo quản hải sản trên tàu khai thác (có công suất 400CV trở lên), tàu dịch vụ hậu cần nghề cá (có công suất 800CV trở lên) bằng vật liệu *Polyurethane foam* trong khoảng thời gian từ 01/01/2018 đến 31/12/2020.

- Có giấy chứng nhận đăng ký tàu cá; giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá; giấy phép khai thác thủy sản; giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm tàu cá còn thời hạn.

1.6.3. Nội dung, mức hỗ trợ

Hỗ trợ 30% kinh phí nâng cấp, làm mới hầm bảo quản hải sản bằng vật liệu *Polyurethane foam*. Mức hỗ trợ tối đa 200 triệu đồng/tàu.

1.6.4. Thời điểm hỗ trợ

Sau khi tàu đã được hoàn thành hầm bảo quản và hoạt động được ít nhất 3 chuyến đi đánh bắt hoặc vận chuyển.

1.6.5. Cơ sở xác định mức hỗ trợ

Mức hỗ trợ 30%: áp dụng mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước cho dự án sản xuất thử nghiệm được quy định tại khoản 2, Điều 2 Thông tư 22/2011/TT-BKH&CN của Bộ Tài chính và Bộ KH&CN về việc Hướng dẫn quản lý tài chính đối với các dự án sản xuất thử nghiệm.

1.6.6. Thủ tục hỗ trợ

a) Chủ tàu nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Sở KH&CN; gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ

- Hợp đồng và Biên bản thanh lý hợp đồng nâng cấp, làm mới hầm bảo quản bằng vật liệu *Polyurethane foam*.

- Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá; giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, giấy phép khai thác thủy sản, giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm tàu cá còn thời hạn.

- Bản kê chi phí; các chứng từ tài chính.

b) Sở KH&CN chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở NN&PTNT, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các cơ quan có liên quan tiến hành đánh giá kết quả đã thực hiện, thẩm định chi phí, xác định kinh phí hỗ trợ; trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định. Kinh phí đánh giá kết quả, thẩm định chi phí được áp dụng theo mức chi cho hoạt động đánh giá nghiệm thu, thẩm định tài chính nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; được bố trí từ nguồn SNKH hằng năm về Sở KH&CN để thực hiện.

1.6.7 Dự kiến kinh phí thực hiện

100 tàu x 200 triệu/tàu = 20 tỷ đồng

1.6.8. Dự kiến hiệu quả của chính sách

- Nâng cao chất lượng, giá trị của sản phẩm hải sản đánh bắt xa bờ.

- Tạo điều kiện để ngư dân đánh bắt xa bờ dài ngày, góp phần vào bảo vệ nguồn lợi thủy sản; khẳng định chủ quyền trên biển.

2. Hỗ trợ phát triển sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ cao, theo chuỗi giá trị, trên quy mô lớn

2.1. Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong sản xuất lúa gạo chất lượng cao theo chuỗi giá trị trên quy mô lớn

2.1.1 Sự cần thiết

Thanh Hóa đã có vùng lúa thâm canh năng suất, chất lượng, hiệu quả cao. Trên địa bàn tỉnh đã có mô hình liên kết sản xuất lúa theo hướng hữu cơ (SRI và SRI2) ở quy mô lớn của Công ty CP Mía đường Lam Sơn. Tuy nhiên, diện tích sản xuất lúa chất lượng cao ở quy mô lớn, theo công nghệ cao, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, gắn với xây dựng thương hiệu, công bố tiêu chuẩn chất lượng, truy xuất nguồn gốc chưa nhiều, cần được hỗ trợ, khuyến khích mở rộng.

2.1.2. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

a) Đối tượng

Các tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), hộ gia đình, cá nhân.

b) Điều kiện

Đầu tư sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ lúa gạo chất lượng cao, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, trong khoảng thời gian từ 01/01/2018 đến 31/12/2020, đáp ứng các yêu cầu sau:

- Diện tích canh tác tập trung: từ 100 ha trở lên.
- Giống lúa đưa vào sản xuất là giống có chất lượng cao (Bắc Thịnh; Bắc Xuyên; Lam Sơn 8; Bắc Thơm số 7; TBR 225; VT 404; Nghi Hương 2308; Thái Xuyên 111; DQ 11; Hương ưu 98).
- Ứng dụng công nghệ cao (thuộc danh mục công nghệ cao ứng dụng trong nông nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 738/QĐ-BNN-KHCN ngày 14/3/2017 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT) trong sản xuất.
- Áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP hoặc GlobalGAP).
- Sản phẩm gạo được công bố tiêu chuẩn chất lượng, có nhãn hàng hóa, có tem truy xuất nguồn gốc.

2.1.3. Nội dung, mức hỗ trợ

Hỗ trợ một lần 30%: giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ (gồm cả máy móc, thiết bị kèm theo, nếu có) hoặc hợp đồng hỗ trợ ứng dụng công nghệ (gồm cả máy móc, thiết bị kèm theo, nếu có); chi phí xây dựng nhãn hàng hóa; chi phí đầu tư để được công nhận VietGAP hoặc GlobalGAP; chi phí xây dựng và công bố tiêu chuẩn cho sản phẩm; chi phí dán tem truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm của 1 vụ sản xuất. Sau khi đã được hỗ trợ mà tiếp tục mở rộng diện tích thì cứ tăng thêm 100 ha sẽ được hỗ trợ bằng 50% mức hỗ trợ lần đầu. Tổng hỗ trợ tối đa không quá 3 tỷ đồng/dự án.

2.1.4. Thời điểm hỗ trợ

Đã sản xuất được ít nhất 1 vụ.

2.1.5. Cơ sở xác định mức hỗ trợ

Mức hỗ trợ 30%: áp dụng điểm c, Khoản 1, Điều 9 Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn²⁵.

2.1.6. Trình tự thủ tục hỗ trợ

- a) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Sở KH&CN; gồm:
- Đơn đề nghị hỗ trợ
 - Báo cáo kết quả sản xuất; kết quả ứng dụng công nghệ cao, công bố tiêu chuẩn chất lượng, dán nhãn hàng hóa, dán tem truy xuất nguồn gốc.
 - Hồ sơ theo dõi quá trình sản xuất theo quy định của tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP.

²⁵ c) Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu tạo ra công nghệ mới do doanh nghiệp chủ trì thực hiện nhằm thực hiện dự án, hoặc doanh nghiệp mua bản quyền công nghệ thực hiện dự án; được hỗ trợ 30% tổng kinh phí đầu tư mới để thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm.

- Hợp đồng và Biên bản thanh lý hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc hợp đồng hỗ trợ ứng dụng công nghệ; Giấy chứng nhận cơ sở sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP hoặc GlobalGAP; Bản công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm; Nhãn hàng hóa; Hợp đồng và Biên bản thanh lý hợp đồng dán tem truy xuất nguồn gốc.

- Bản kê chi phí; chứng từ tài chính.

b) Sở KH&CN chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở NN&PTNT, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn triển khai dự án, các cơ quan có liên quan tiến hành đánh giá kết quả đã thực hiện, thẩm định chi phí, xác định kinh phí hỗ trợ; trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định. Kinh phí đánh giá kết quả, thẩm định chi phí được áp dụng theo mức chi cho hoạt động đánh giá nghiệm thu, thẩm định tài chính nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; được bố trí từ nguồn SNKH hằng năm về Sở KH&CN để thực hiện.

2.1.7 Dự kiến kinh phí

5 dự án x 3 tỷ đồng/dự án = 15 tỷ đồng.

2.1.8. Dự kiến hiệu quả của chính sách

- Tạo được các vùng sản xuất lúa chất lượng cao ở quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt; sản phẩm gạo có tiêu chuẩn chất lượng, có nhãn hiệu, có truy xuất nguồn gốc.

- Góp phần chuyển đổi sản xuất lúa gạo ở Thanh Hóa theo hướng sản xuất theo chuỗi giá trị với quy mô lớn.

2.2. Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong sản xuất cam, bưởi theo chuỗi giá trị trên quy mô lớn

2.2.1. Sự cần thiết

Đề án tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, tầm nhìn 2025 xác định cây ăn quả có múi là một trong những nhóm sản phẩm có tính cạnh tranh. Toàn tỉnh phấn đấu đến năm 2020 sẽ mở rộng diện tích lên khoảng 7.000 ha (trong đó có cam, bưởi, chuối, dứa). Để đạt được mục tiêu đã đề ra và định hướng phát triển vùng cây ăn quả một cách bền vững, theo hướng an toàn, xây dựng thương hiệu thì cần có chính sách khuyến khích, hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong sản xuất cam, bưởi theo chuỗi giá trị ở quy mô lớn.

2.2.2. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

a) Đối tượng

Các tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), hộ gia đình, cá nhân.

b) Điều kiện

Đầu tư sản xuất cam, bưởi gắn với tiêu thụ sản phẩm, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, trong khoảng thời gian từ 01/01/2018 đến trước 31/12/2020, đáp ứng các yêu cầu sau:

- Diện tích trồng tập trung: từ 50 ha trở lên;

- Ứng dụng công nghệ cao (thuộc danh mục công nghệ cao ứng dụng trong nông nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 738/QĐ-BNN-KHCN ngày 14/3/2017 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT) trong sản xuất.

- Áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP hoặc GlobalGAP).

- Sản phẩm được công bố tiêu chuẩn chất lượng, có nhãn hàng hóa, có tem truy xuất nguồn gốc.

2.2.3 Nội dung, mức hỗ trợ

Hỗ trợ một lần 30%: giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ (gồm cả máy móc, thiết bị kèm theo, nếu có) hoặc hợp đồng hỗ trợ ứng dụng công nghệ (gồm cả máy móc, thiết bị kèm theo, nếu có); chi phí xây dựng nhãn hàng hóa; chi phí đầu tư để được công nhận VietGAP hoặc GlobalGAP; chi phí xây dựng và công bố tiêu chuẩn cho sản phẩm; chi phí dán tem truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm của 1 vụ sản xuất. Sau khi đã được hỗ trợ mà tiếp tục mở rộng diện tích thì cứ tăng thêm 50 ha sẽ được hỗ trợ bằng 50% mức hỗ trợ lần đầu. Tổng hỗ trợ tối đa không quá 6 tỷ đồng/dự án.

2.2.4 Thời điểm hỗ trợ

Sau khi dự án có sản phẩm thu hoạch và được tiêu thụ.

2.2.5 Cơ sở xác định mức hỗ trợ

Mức hỗ trợ 30%: vận dụng điểm c, Khoản 1, Điều 9 Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

2.2.6 Thủ tục hỗ trợ

a) Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ về Sở KH&CN, gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ

- Báo cáo kết quả sản xuất; kết quả ứng dụng công nghệ cao, công bố tiêu chuẩn chất lượng, dán nhãn hàng hóa, dán tem truy xuất nguồn gốc.

- Hồ sơ theo dõi quá trình sản xuất theo quy định của tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP.

- Hợp đồng và Biên bản thanh lý hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc hợp đồng hỗ trợ ứng dụng công nghệ; Giấy chứng nhận cơ sở sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP/ GlobalGAP; Bản công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm; Nhãn hàng hóa; Hợp đồng và Biên bản thanh lý hợp đồng dán tem truy xuất nguồn gốc.

- Bản kê chi phí; chứng từ tài chính.

b) Sở KH&CN chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở NN&PTNT, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn triển khai dự án, các cơ quan có liên quan tiến hành đánh giá kết quả đã thực hiện, thẩm định chi phí, xác định kinh phí hỗ trợ; trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định. Kinh phí đánh giá kết quả, thẩm định chi phí được áp dụng theo mức chi cho hoạt động đánh giá nghiệm

thu, thẩm định tài chính nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; được bố trí từ nguồn SNKH hằng năm về Sở KH&CN để thực hiện.

2.2.7 Dự kiến kinh phí

5 dự án x 6 tỷ đồng/dự án = 30 tỷ đồng.

2.2.8. Dự kiến hiệu quả của chính sách

- Tạo được vùng sản xuất cam, bưởi quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, tiêu chuẩn tiên tiến; sản phẩm có tiêu chuẩn chất lượng, có nhãn hiệu, có truy xuất nguồn gốc.

- Góp phần chuyển đổi sản xuất cây ăn quả ở Thanh Hóa theo hướng sản xuất công nghệ cao, quy mô lớn.

2.3. Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nuôi tôm chân trắng nước mặn theo chuỗi giá trị trên quy mô lớn

2.3.1. Sự cần thiết

Tôm chân trắng là đối tượng chủ lực trong phát triển nuôi trồng thủy sản ở Thanh Hóa. Tỉnh đặt ra mục tiêu đến năm 2020 đạt 500 ha, sản lượng 7,5 nghìn tấn. Tuy nhiên, điều kiện khí hậu (mùa hè nắng nóng kéo dài, mùa đông nhiệt độ xuống thấp) đang gây nhiều khó khăn cho việc phát triển nuôi tôm chân trắng. Để hạn chế những rủi ro, khắc nghiệt do khí hậu gây ra trong nuôi tôm chân trắng cần áp dụng công nghệ cao (như nuôi tôm trong nhà bạt vào mùa đông và màng che nắng vào mùa hè; nuôi tôm siêu thâm canh trong nhà kính ...). Tuy nhiên, chi phí áp dụng công nghệ cao rất tốn kém. Vì vậy, cần có chính sách để hỗ trợ, khuyến khích người nuôi tôm áp dụng công nghệ cao và quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt.

2.3.2 Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

a) Đối tượng

Tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), hộ gia đình, cá nhân.

b) Điều kiện

Đầu tư sản xuất tôm chân trắng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, trong khoảng thời gian từ 01/01/2018 đến 31/12/2020, đáp ứng các yêu cầu sau:

- Diện tích nuôi: từ 1,0 ha trở lên.

- Nuôi thâm canh công nghệ cao trong nhà bạt, hoặc nhà màng, hoặc nhà kính.

- Áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP hoặc GlobalGAP).

2.3.3 Nội dung, mức hỗ trợ

Hỗ trợ một lần 30%: giá trị hợp đồng chuyên giao công nghệ (gồm cả máy móc, thiết bị kèm theo, nếu có) hoặc hợp đồng hỗ trợ ứng dụng công nghệ (gồm cả máy móc, thiết bị kèm theo, nếu có); chi phí đầu tư để được công nhận VietGAP hoặc GlobalGAP). Sau khi đã được hỗ trợ mà tiếp tục mở rộng diện

tích thì cứ tăng thêm 1 ha sẽ được hỗ trợ bằng 50% mức hỗ trợ lần đầu. Tổng hỗ trợ tối đa không quá 3 tỷ đồng/dự án.

2.3.4 Thời điểm hỗ trợ

Sau khi đã sản xuất được ít nhất 1 vụ.

2.3.5. Cơ sở xác định mức hỗ trợ

Mức hỗ trợ 30%: áp dụng điểm c, Khoản 1, Điều 9 Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

2.3.6. Thủ tục hỗ trợ

a) Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị hỗ trợ về Sở KH&CN, gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ.
- Báo cáo kết quả sản xuất; kết quả ứng dụng công nghệ cao, áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt.
- Hồ sơ theo dõi quá trình sản xuất theo quy định của tiêu chuẩn VietGAP hoặc GlobalGAP.
- Hợp đồng và Biên bản thanh lý hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc hợp đồng hỗ trợ ứng dụng công nghệ; Giấy chứng nhận cơ sở sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP hoặc GlobalGAP.

- Bản kê chi phí; chứng từ tài chính.

b) Sở KH&CN chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở NN&PTNT, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn triển khai dự án, các cơ quan có liên quan tiến hành đánh giá kết quả đã thực hiện, thẩm định chi phí, xác định kinh phí hỗ trợ; trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định. Kinh phí đánh giá kết quả, thẩm định chi phí được áp dụng theo mức chi cho hoạt động đánh giá nghiệm thu, thẩm định tài chính nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; được bố trí từ nguồn SNKH hằng năm về Sở KH&CN để thực hiện.

2.3.7 Dự kiến kinh phí

~ 10 dự án x 3 tỷ đồng/dự án = 30 tỷ đồng

2.3.8. Dự kiến hiệu quả của chính sách

- Góp phần chuyển đổi nuôi tôm chân trắng sang nuôi theo công nghệ cao, áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt ở quy mô lớn.
- Chủ động mùa vụ nuôi, đáp ứng nhu cầu thị trường.

2.4. Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao trong giết mổ, chế biến gia súc, gia cầm gắn với phát triển chăn nuôi theo chuỗi giá trị trên quy mô lớn

2.4.1 Sự cần thiết của chính sách

Hiện nay Thanh Hóa đã có các khu giết mổ, chế biến gia súc, gia cầm tập trung nhưng chỉ đáp ứng một phần sản lượng sản phẩm chăn nuôi và chủ yếu đáp ứng nhu cầu tại chỗ. Vì vậy cần thiết có các nhà máy, cơ sở giết mổ, chế biến gia súc gia cầm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu và quy mô lớn để kết nối chuỗi

trong quá trình sản xuất: Thức ăn - chăn nuôi – chế biến, gia tăng giá trị sản phẩm ngành chăn nuôi.

2.4.2 Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

a) Đối tượng

Các tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), hộ gia đình, cá nhân.

b) Điều kiện

Đầu tư dự án giết mổ, chế biến gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, trong khoảng thời gian từ 01/01/2018 đến 31/12/2020, đáp ứng các yêu cầu sau:

- Địa điểm thực hiện dự án nằm trong khu quy hoạch giết mổ đã được quy hoạch hoặc được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư.

- Về công nghệ:

+ Dây chuyền giết mổ, chế biến tự động hóa; sản phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

+ Máy móc, thiết bị kèm theo công nghệ (nếu có) phải mới 100%.

+ Công suất tối thiểu: 200 con gia súc/ngày hoặc 2.000 con gia cầm/ngày.

- Có cơ sở chăn nuôi hoặc liên kết với cơ sở chăn nuôi tại Thanh Hóa đạt cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh.

- Bảo đảm vệ sinh thú y, an toàn phòng chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường.

2.4.3. Nội dung, mức hỗ trợ

Hỗ trợ 30% giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ (gồm cả máy móc, thiết bị kèm theo, nếu có). Mức hỗ trợ tối đa 5 tỷ đồng/dự án.

2.4.4. Thời điểm hỗ trợ

Sau khi đã xuất xưởng lô sản phẩm đầu tiên.

2.4.5 Cơ sở xác định mức hỗ trợ

Mức hỗ trợ 30%: áp dụng điểm c, Khoản 1, Điều 9 Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

2.4.6 Thủ tục hỗ trợ

a) Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Sở KH&CN; gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ

- Dự án đầu tư nhà máy, cơ sở giết mổ, chế biến được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

- Hợp đồng và Biên bản thanh lý hợp đồng chuyển giao công nghệ; hoặc Hợp đồng và Biên bản thanh lý hợp đồng mua sắm máy móc, thiết bị kèm theo chuyển giao công nghệ.

- Báo cáo kết quả thực hiện dự án đầu tư.

- Bản kê chi phí; chứng từ tài chính.

b) Sở KH&CN chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở NN&PTNT, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn triển khai dự án, các cơ quan có liên quan tiên hành đánh giá kết quả đã thực hiện, thẩm định chi phí, xác định kinh phí hỗ trợ; trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định. Kinh phí đánh giá kết quả, thẩm định chi phí được áp dụng theo mức chi cho hoạt động đánh giá nghiệm thu, thẩm định tài chính nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; được bố trí từ nguồn SNKH hằng năm về Sở KH&CN để thực hiện.

2.4.7 Dự kiến kinh phí

3 doanh nghiệp x 5 tỷ đồng = 15 tỷ đồng

2.4.8 Dự kiến hiệu quả của chính sách

- Về kinh tế: Gia tăng giá trị sản phẩm chăn nuôi. Tháo gỡ nút thắt trong phát triển ngành chăn nuôi, phát triển chăn nuôi hiệu quả, bền vững.

- Về xã hội: Giúp doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động.

3. Hỗ trợ nâng cao năng lực của các phòng thí nghiệm, phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm sản phẩm trực thuộc doanh nghiệp

3.1 Hỗ trợ đầu tư trang thiết bị kỹ thuật cho phòng thí nghiệm, phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm sản phẩm trực thuộc doanh nghiệp

3.1.1 Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

a) Đối tượng

Doanh nghiệp có trụ sở chính tại Thanh Hóa

b) Điều kiện

Đầu tư mua sắm trang thiết bị kỹ thuật cho phòng thí nghiệm, phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm sản phẩm trực thuộc doanh nghiệp, trong khoảng thời gian từ 01/01/2018 đến 31/12/2020, đáp ứng các yêu cầu sau:

- Trang thiết bị kỹ thuật được mua phải hiện đại, mới 100%.

- Phòng thí nghiệm, phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm sản phẩm phải nằm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Sau khi được đầu tư, phòng thí nghiệm, phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phải đạt chuẩn *ISO/IEC 17025*²⁶.

- Doanh nghiệp cam kết sử dụng trang thiết bị tại phòng thí nghiệm, phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm trong thời gian ít nhất là 3 năm.

3.1.2 Nội dung, mức hỗ trợ

²⁶ Đây là tiêu chuẩn về hệ thống quản lý chất lượng áp dụng chuyên biệt cho phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn, do tổ chức quốc tế về tiêu chuẩn hóa ISO (*International Organization for Standardization*) ban hành. Việt Nam đang sử dụng tiêu chuẩn này để công nhận các phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc gia VILAS. Hiện nay Thanh Hóa mới có 3 doanh nghiệp có phòng thí nghiệm, thử nghiệm đạt chuẩn ISO/IEC 17025 là Công ty TNHH một thành viên sữa Lam Sơn, Công ty CP Nông nghiệp Tiến Nông, Công ty CP Xi măng Bim Sơn.

- Doanh nghiệp sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp để chi trả kinh phí mua sắm trang thiết bị kỹ thuật.

- Trong trường hợp đã chi trả bằng toàn bộ số vốn của Quỹ phát triển KH&CN mà vẫn còn thiếu, thì được hỗ trợ 20% phần còn thiếu; mức hỗ trợ tối đa không quá 1 tỷ đồng.

3.1.3. Thời điểm hỗ trợ

Sau khi phòng thí nghiệm, phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm được công nhận đạt chuẩn ISO/IEC 17025.

3.1.4 Cơ sở xác định mức hỗ trợ

- *Mức hỗ trợ 20%*: là bằng mức Nhà nước hỗ trợ cho doanh nghiệp thông qua thực hiện cơ chế Quỹ phát triển KH&CN trong doanh nghiệp (doanh nghiệp không phải nộp thuế thu nhập DN đối với số tiền trích lập Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp²⁷. Vì thuế thu nhập DN hiện nay là 20%, nên như vậy Nhà nước đã "hỗ trợ" doanh nghiệp 20% số tiền trích lập Quỹ).

3.1.5 Thủ tục hỗ trợ

a) Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Sở KH&CN; gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ và cam kết thời gian sử dụng trang thiết bị kỹ thuật.
- Hợp đồng và Biên bản thanh lý hợp đồng mua sắm trang thiết bị kỹ thuật.

- Giấy chứng nhận đạt chuẩn ISO/IEC 17025.

- Báo cáo về hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp.

- Bản kê chi phí; chứng từ tài chính.

b) Sở KH&CN chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, UBND cấp huyện, UBND cấp xã nơi có phòng thí nghiệm, phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, các cơ quan có liên quan tiến hành đánh giá kết quả đã thực hiện, thẩm định chi phí, xác định kinh phí hỗ trợ; trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định. Kinh phí đánh giá kết quả, thẩm định chi phí được áp dụng theo mức chi cho hoạt động đánh giá nghiệm thu, thẩm định tài chính nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; được bố trí từ nguồn SNKH hằng năm về Sở KH&CN để thực hiện.

3.1.6 Dự kiến kinh phí

30 doanh nghiệp x 1 tỷ đồng/doanh nghiệp = 30 tỷ đồng

III. THỜI GIAN, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

1. Thời gian

Thời gian thực hiện chính sách: Từ 01/01/2018 - 31/12/2020

2. Kinh phí

2.1. Tổng nhu cầu kinh phí

²⁷ Khoản 2 Điều 9 Nghị định 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ về cơ chế đầu tư và tài chính cho KH&CN: "Doanh nghiệp ngoài nhà nước được quyền trích từ thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp một tỷ lệ hợp lý, tối đa 10% để lập Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp."

Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách tạm tính là 273 tỷ đồng (Hai trăm bảy mươi ba tỷ đồng). Phân kỳ kế hoạch như sau:

- Năm 2018: 60 tỷ đồng

- Năm 2019: 98 tỷ đồng

- Năm 2020: 115 tỷ đồng

Cụ thể:

* Chính sách hỗ trợ nghiên cứu, sản xuất giống cây trồng vật nuôi mới; sản xuất sản phẩm mới; đổi mới công nghệ - thiết bị.

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Kinh phí	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng
Chính sách cụ thể				
Hỗ trợ nghiên cứu, sản xuất giống cây trồng, vật nuôi (17 giống; 2 tỷ đồng/giống)	8	12	14	34
Hỗ trợ nghiên cứu sản xuất dược phẩm mới, thực phẩm chức năng mới từ dược liệu được trồng trên địa bàn tỉnh (16 sản phẩm; 0,25-0,5 tỷ đồng/sản phẩm)	1	1	4	6
Hỗ trợ nghiên cứu sản xuất phần mềm ứng dụng (software) (10 phần mềm; 1 tỷ đồng/phần mềm)	2	3	5	10
Hỗ trợ đổi mới công nghệ sản xuất một số sản phẩm công nghiệp có khả năng cạnh tranh tốt (15 dự án; 5 tỷ đồng/dự án)	20	25	30	75
Hỗ trợ nhận chuyên gia kỹ thuật cao trong chẩn đoán và điều trị (4 kỹ thuật; 2 tỷ đồng/kỹ thuật)	4	4	0	8
Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao trong bảo quản hải sản đánh bắt xa bờ (100 tàu; 200 triệu đồng/tàu)	6	8	6	20
Cộng	41	53	59	153

* Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ cao, theo chuỗi giá trị, trên quy mô lớn.

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Kinh phí	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng
Chính sách cụ thể				
Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong sản xuất lúa gạo chất lượng cao theo chuỗi giá trị trên quy mô lớn (5 dự án; 3 tỷ đồng/dự án)	3	6	6	15
Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong sản xuất cam, bưởi theo chuỗi giá trị trên quy mô lớn (5 dự án; 6 tỷ đồng/dự án)	0	12	18	30
Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nuôi tôm chân trắng nước mặn theo chuỗi giá trị trên quy mô lớn (10 dự án; 3 tỷ đồng/dự án)	6	12	12	30
Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao trong giết mổ, chế biến gia súc, gia cầm gắn với phát triển chăn nuôi theo chuỗi giá trị trên quy mô lớn (3 dự án; 5 tỷ đồng/dự án)	5	5	5	15
Cộng	14	35	41	90

* Chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực các phòng thí nghiệm, phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm sản phẩm trực thuộc doanh nghiệp.

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Kinh phí	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng
Chính sách cụ thể				
Hỗ trợ đầu tư trang thiết bị kỹ thuật nhằm nâng cao năng lực hoạt động KH&CN của doanh nghiệp (30 doanh nghiệp; 1 tỷ đồng/doanh nghiệp)	5	10	15	30
Cộng	5	10	15	30

2.2 Nguồn kinh phí: Ngân sách tỉnh

Phần thứ ba

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CẤP, CÁC NGÀNH

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện tổ chức phổ biến, truyền về chính sách đến các đối tượng thụ hưởng chính sách.

- Chủ trì xây dựng dự toán kinh phí thực hiện chính sách cho từng năm, gửi sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ, tổ chức đánh giá, thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

2. Sở Tài chính

- Hằng năm thẩm định dự toán kinh phí do Sở KH&CN lập, trình UBND tỉnh, HĐND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện chính sách.

- Phối hợp với Sở KH&CN trong đánh giá, thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

3. Các sở, ban, ngành liên quan, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Thanh Hóa phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ trong việc phổ biến chính sách; tham gia đánh giá, thẩm định hồ sơ hỗ trợ khi được Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị.

4. Đài Phát thanh - Truyền hình, Báo Thanh Hóa, các cơ quan thông tin đại chúng, các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng để các địa phương, đơn vị, nhân dân biết, tổ chức có hiệu quả chính sách.

II. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THUỘC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HỖ TRỢ

Lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ khi có đủ điều kiện theo quy định. Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ. Có trách nhiệm bổ sung, giải trình, làm rõ nội dung hồ sơ khi được yêu cầu. Phải hoàn trả kinh phí đã nhận hỗ trợ khi bị phát hiện có gian dối trong hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

Có trách nhiệm tiếp tục mở rộng, phát triển sản xuất, kinh doanh sau khi đã được hỗ trợ.

III. GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ PHÁT SINH

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các sở, ban, ngành, các nhà đầu tư và các đơn vị có liên quan kịp thời báo cáo bằng văn bản về các Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./

Phụ lục
HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG KH&CN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
GIẢI ĐOẠN 2011 - 2016

1. Lĩnh vực nông nghiệp

1.1 Kết quả

Trong giai đoạn 2011 - 2016 đã có 109 nhiệm vụ KH&CN được triển khai thực hiện trong lĩnh vực nông nghiệp với tổng vốn 210 tỷ đồng (trong đó vốn sự nghiệp khoa học là 89 tỷ đồng). Đây là lĩnh vực có số nhiệm vụ KH&CN và kinh phí đầu tư cao nhất. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN đã góp phần quan trọng cơ cấu nông nghiệp theo hướng khai thác tốt hơn tiềm năng, lợi thế của tỉnh, nâng cao hiệu quả và gắn với nhu cầu thị trường; giá trị trên một đơn vị diện tích tăng lên, cụ thể:

- Trong trồng trọt, đã ứng dụng thành công quy trình công nghệ để sản xuất và đưa vào sử dụng nhiều giống cây mới cho năng suất cao, chất lượng cao.

Giống lúa: Các giống lúa cũ, dài ngày, dễ nhiễm sâu bệnh, năng suất không ổn định được thay thế bằng các giống mới có năng suất cao, chất lượng tốt hơn. Đã công nhận sản xuất thử và công nhận chính thức được 9 giống lúa: Thanh Ưu 3, Thanh Ưu 4, Thuần Việt 1, Thuần Việt 2, Thuần Việt 7, Thanh Hoa 1, Hồng Đức 9, Lam Sơn 8, nếp Hạt cau. Tuyển chọn được nhiều giống lúa có năng suất, chất lượng cao, phù hợp với điều kiện tỉnh Thanh Hóa: giống lúa Nếp 98, HT9; Gia Lộc 102, Hồng Đức 9, TH3-5; giống lúa phù hợp đất nhiễm mặn DT68, Hương ưu 98; Bảo tồn và phát triển một số giống lúa địa phương như giống lúa Nếp Cẩm, giống lúa nếp cái hạt cau...Giống ngô: tuyển chọn được giống ngô NK4300. Giống lạc: tuyển chọn được giống lạc L19, L26. Giống khoai tây: tuyển chọn giống khoai tây Solada, Aladin, Atlantit. Giống đậu: tuyển chọn được giống đậu xanh ĐX208, ĐX 16. Ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô để nhân giống hoa đồng tiền, hoa lan...²⁸.

Đối với sản xuất Mía, nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học để chủ động hơn trong việc sản xuất và cung ứng giống mía năng suất, chất lượng phục vụ cho vùng nguyên liệu mía của tỉnh; nghiên cứu các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại, các yếu tố hạn chế về đất và đặc biệt là nguồn dinh dưỡng cung cấp cho cây mía để nâng cao hiệu quả trong sản xuất và thâm canh. “Phục tráng giống mía tím (*Saccharum officinarum*) Kim Tân, Thạch Thành, Thanh Hóa”.

Từng bước đưa cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đã góp phần tích cực chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn; nâng cao giá trị hàng hóa nông sản thực phẩm và lợi nhuận trên mỗi đơn vị diện tích đất canh tác. Đối với cây lúa, cơ giới hóa khâu làm đất đạt 90%, khâu gieo cấy 15%, thu hoạch 23%. Đối với cây ngô và một số loại rau màu khác, cơ giới hoá khâu làm đất khoảng 80%. Đối với cây mía, cơ giới hóa khâu làm đất khoảng 70%; chăm sóc 25%; vận chuyển 100%. Công ty TNHH MTV sữa Lam Sơn đã áp dụng 100% vắt sữa bò bằng máy, tăng sản lượng sữa mỗi lần vắt, chất lượng sữa

²⁸ Đề án Phát triển Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2016-2020.

tốt hơn, không nhiễm vi sinh vật, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Sản xuất lâm nghiệp, từng bước các khâu làm đất, khai hoang, chế biến lâm sản được thực hiện cơ giới hoá. Việc áp dụng cơ giới hóa trong thủy sản còn nhiều hạn chế, chủ yếu áp dụng trong nuôi trồng thủy sản thâm canh.

- *Trong chăn nuôi*, đã ứng dụng công nghệ thụ tinh nhân tạo bằng tinh phân giới tính cho bò sữa, thụ tinh nhân tạo nâng cao tầm vóc đàn bò; nghiên cứu đánh giá, tuyển chọn bò đực giống tại Moncada để sản xuất tinh đông lạnh phục vụ công tác giống bò Việt Nam và sử dụng giống mới nên năng suất, chất lượng sản phẩm thịt, trứng, sữa được nâng cao, trọng lượng lợn hơi xuất chuồng tăng lên. Xây dựng mô hình chăn nuôi an toàn theo hướng VietGAPH, mô hình chăn nuôi trên đệm lót sinh học cho lợn và gia cầm; mô hình sản xuất trang trại sinh thái nông nghiệp.

- *Trong thủy sản*, đã đưa vào sản xuất một số loài thủy sản có giá trị kinh tế cao; đã tiếp nhận các công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm: Cua Xanh, ngao Bến Tre, cá lăng chấm, cá dóc, cá bống bớp, ốc hương... Tiếp nhận kỹ thuật và nuôi thương phẩm cá Hồi vân, cá Tầm Nga. Ngoài ra còn thử nghiệm sản xuất giống Phi tiên vua, Nuôi thử Tôm hùm, Cá giò tại vùng đảo Mê cũng đang bắt đầu được triển khai thực hiện.

- *Trong lâm nghiệp*, đã du nhập và sản xuất được khoảng 30 triệu cây giống keo tai tượng Úc có năng suất chất lượng cao, năng suất rừng trồng đã đạt 15 - 20 m³/ha/năm.

- *Chế biến sau thu hoạch*: Công nghệ bảo quản, chế biến trong nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh đã có bước phát triển và gắn với phát triển các vùng nguyên liệu: Chế biến mía, sắn, cao su, rau quả, gỗ, sữa bò, lợn sữa, thủy sản.

- *Kết quả công tác bảo tồn nguồn gen*: Thực hiện Chương trình Quỹ gen, từ 2014 đến 2016, đã có 5 nhiệm vụ bảo tồn, phát triển nguồn gen được phê duyệt và đang triển khai, gồm 2 nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen cấp nhà nước (Khai thác và phát triển nguồn gen Khôi tía (*Ardisia gigantifolia* Stapf) làm nguyên liệu sản xuất thuốc; Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen dược liệu lan gấm (*Anoetochilus formosanus* Hayata) tại Thanh Hóa và một số tỉnh Bắc Trung Bộ) và 3 nhiệm vụ cấp tỉnh: (Bảo tồn, lưu giữ giống Mía Kim Tân tại Thanh Hóa; Bảo tồn, lưu giữ và phát triển Lúa nếp hạt cau; Xây dựng, phát triển vùng nuôi bò vàng Thanh Hóa để bảo tồn nguồn gen bò vàng địa phương). Kết quả bước đầu đã bảo tồn và phát triển được nguồn gen một số cây trồng, vật nuôi của địa phương.

1.2 Hạn chế, nguyên nhân

1.2.1 Hạn chế

- Việc nghiên cứu, chọn tạo, du nhập, phục tráng giống còn chưa đáp ứng được nhu cầu: việc phục tráng các giống cây ăn quả đặc sản (Quýt vôi Ngọc Lặc, Quýt hôi Bá Thước, Cam Vân Du...) còn chậm; nhiều giống thủy sản chưa sản xuất được hoặc chưa tự sản xuất được để đáp ứng nhu cầu sản xuất như Phi, Cá Chiên, cá Nheo, cá Ngạnh sông...; nhiều cây lâm nghiệp chưa sản xuất bằng phương pháp nuôi cấy mô trên địa bàn tỉnh...

- Nông nghiệp phát triển chưa bền vững; diện tích và quy mô sản xuất vẫn còn manh mún, nhỏ lẻ; chưa tạo ra được sản phẩm hàng hoá lớn, có năng suất, chất lượng, giá trị và khả năng cạnh tranh cao.

- Sản phẩm nông nghiệp chủ yếu là sản phẩm thô; các khâu chế biến, bảo quản, đảm bảo an toàn thực phẩm chưa được quản lý chặt chẽ; giá trị sản phẩm chiếm tỷ trọng thấp trong chuỗi giá trị.

1.2.3 Nguyên nhân

- Thiếu chính sách khuyến khích hỗ trợ trong khâu nghiên cứu sản xuất giống (mới chỉ có chính sách khuyến khích hỗ trợ sản xuất giống mía, giống lúa, giống ngô).

- Việc ứng dụng công nghệ cao, tiêu chuẩn cao, xây dựng thương hiệu trong sản xuất nông nghiệp trên quy mô lớn còn ít.

1.3. Sản phẩm, công nghệ và tiêu chuẩn cần được khuyến khích áp dụng để tạo đột phá trong sản xuất nông nghiệp

1.3.1 Các sản phẩm nông nghiệp cần được khuyến khích ứng dụng công nghệ cao, tiêu chuẩn cao để tạo đột phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả

Là những sản phẩm có khả năng cạnh tranh tốt, có hàm lượng KH&CN cao đã được xác định trong Đề án tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến 2025 (ban hành kèm theo Quyết định 4292/QĐ-UBND ngày 05/12/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh); cụ thể là:

- Trong trồng trọt: lúa năng suất, chất lượng cao; ngô thâm canh, mía thâm canh; rau an toàn tập trung; cây ăn quả (cam, bưởi, chuối, dứa); hoa cây cảnh.

- Trong chăn nuôi: bò sữa, bò thịt chất lượng cao, lợn hướng nạc, gà thịt lông màu, con nuôi đặc sản.

- Trong lâm nghiệp: rừng gỗ lớn; luồng thâm canh; quế; cây dược liệu

- Trong thủy sản: tôm sú; tôm chân trắng; ngao; sản phẩm khai thác xa bờ

1.3.2 Các công nghệ cần được khuyến khích nghiên cứu, ứng dụng trong sản xuất nông nghiệp để tạo đột phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả

Công nghệ cần được khuyến khích nghiên cứu, ứng dụng: là công nghệ, kỹ thuật canh tác, nuôi trồng, bảo quản thuộc Danh mục công nghệ cao ứng dụng trong nông nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 738/QĐ-BNN-KHCN ngày 14/3/2017 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT.

1.3.3 Các tiêu chuẩn cần được khuyến khích ứng dụng trong sản xuất nông nghiệp để tạo đột phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả

Tiêu chuẩn cần được khuyến khích áp dụng: VietGap, GlobalGAP ... được quy định tại điểm đ, Khoản 3, Điều 3, Quyết định số 738/QĐ-BNN-KHCN ngày 14/3/2017 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT.

2. Lĩnh vực công nghiệp, công nghệ thông tin

2.1 Kết quả

2.1.1 Công nghiệp

Trong giai đoạn 2011-2016, qua khảo sát tại 500 doanh nghiệp sản xuất trong tỉnh cho thấy các doanh nghiệp đã đầu tư cho hoạt động nghiên cứu ứng dụng khoảng 270 tỷ đồng; đầu tư đổi mới công nghệ thiết bị khoảng 770 tỷ đồng. Đầu tư của doanh nghiệp cho hoạt động KHCN chủ yếu tập trung ở một số doanh nghiệp lớn và vừa hoạt động trong lĩnh vực phân bón, đá ốp lát, bia, may mặc, da giày²⁹...Hiện nay, chỉ số công nghệ (T)³⁰ của toàn tỉnh ở mức trung bình là 0,538 (Kết quả điều tra, khảo sát³¹ tại 265 doanh nghiệp thuộc 8 nhóm ngành nghề³²).

Ngoài hoạt động tự nghiên cứu, ứng dụng của các doanh nghiệp, giai đoạn 2011 - 2016 trên địa bàn tỉnh đã triển khai thực hiện 19 nhiệm vụ KHCN (1 nhiệm vụ cấp nhà nước 18 nhiệm vụ cấp tỉnh) thuộc lĩnh vực công nghiệp với tổng kinh phí là 74,9 tỷ. Trong đó kinh phí chi từ nguồn ngân sách tỉnh là 13,8 tỷ; huy động nguồn vốn từ trung ương là 2,68 tỷ, nguồn từ các đơn vị thực hiện nhiệm vụ là 58,4 tỷ. Qua đó đã hỗ trợ hoàn thiện máy chế bản chân không, khuôn đúc đồng sử dụng nhiều lần; sản xuất máy gặt đập, máy dẹt chiếu; sản xuất gạch không nung từ bột đá thải, sản xuất ống nhựa thoát nước thải từ rác thải màng co PVC...Nghiên cứu, áp dụng thành công công nghệ pin năng lượng mặt trời để chiếu sáng đô thị vào ban đêm; công nghệ khai thác nguồn năng lượng tại chỗ phục vụ hoạt động của bộ đội đảo Mê Thanh Hóa; Ống phóng búng nhùng lưới...Nghiên cứu các giải pháp phát triển ngành nghề TTCN; giải pháp hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thanh Hoá; xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ khai thác năng lượng gió và năng lượng mặt trời tại Thanh Hóa ...

2.1.2 Công nghệ thông tin

Tính đến năm 2016 đã có hơn 400 doanh nghiệp tham gia hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin, trong đó: DN cung cấp, phân phối các sản phẩm điện tử, thiết bị máy tính, thiết bị viễn thông chiếm 68,8%; DN sản xuất gia công cung cấp dịch vụ phần mềm chiếm 3%; Doanh nghiệp sản xuất gia công nội dung số chiếm 3,2%, Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ CNTT chiếm tỷ trọng 6,9%. Một số doanh nghiệp phần mềm trong tỉnh đã có sản phẩm CNTT trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế...được ứng dụng ở nhiều đơn vị trong và ngoài tỉnh như: Viễn thông Thanh Hóa (Hệ thống Vnedu; Nội dung thông tin số 1080,

²⁹ Báo cáo số 19/BC-UBND ngày 31/3/2016 của UBND tỉnh về hiệu quả chính sách pháp luật về phát triển khoa học và công nghệ nhằm thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

³⁰ Giá trị của chỉ số T được tính dựa vào các 9 yếu tố: Tính đồng bộ của dây chuyền công nghệ; Xuất xứ thiết bị/công nghệ; Thế hệ công nghệ; Mức độ tinh xảo, hiện đại của dây chuyền công nghệ; Tình trạng hiện tại của dây chuyền công nghệ; Mức độ ô nhiễm, an toàn lao động; Mức độ sử dụng, tầm quan trọng thông tin công nghệ; Năng lực vận hành công nghệ; Năng lực nghiên cứu, phát triển.

³¹ Do Hiệp hội Doanh nghiệp Thanh Hóa chủ trì thực hiện trong khuôn khổ đề tài KH&CN cấp tỉnh: "Thực trạng và giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thanh Hóa".

³² Gồm: Sản xuất chế biến nông lâm sản, thực phẩm; Thương mại; Dịch vụ; Sản xuất vật liệu xây dựng; Dệt May; Cơ khí chế tạo máy; Dịch vụ thông tin truyền thông; Xây dựng.

phần mềm hỗ trợ phát triển chính quyền điện tử bao gồm Cổng thông tin điện tử vnPortal, một cửa điện tử VNPT iGate, quản lý văn bản và điều hành VNPT-iOffice, phần mềm quản lý bệnh viện VNPT-HIS, phần mềm quản lý Hồ sơ khám sức khỏe ban đầu cho người dân, phần mềm thu thập thông tin dư luận); Công ty TNHH Minh Lộ (Phần mềm quản lý bệnh viện Minh Lộ BV; Phần mềm điều hành hỗ trợ xếp hàng tự động và phân luồng bệnh nhân Minh Lộ QMS) ...

Trong giai đoạn từ năm 2011-2016, Thanh Hóa đã triển khai thực hiện 19 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trong lĩnh vực công nghệ thông tin và phần mềm và nội dung số, với tổng kinh phí thực hiện đầu tư 20,392 tỷ đồng, trong đó ngân sách SNKH hỗ trợ hơn 15 tỷ đồng. Qua đó, đã nghiên cứu xây dựng được: hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý và đào tạo tại Trường Đại học Hồng Đức và Trường chuyên Lam Sơn, hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý Nhà nước về KH&CN và hỗ trợ ứng dụng, chuyên gia công nghệ, Atlas điện tử Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa; CSDL hỗ trợ chỉ huy điều hành công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho Công an tỉnh Thanh Hoá...; CSDL phục vụ quản lý và quảng bá một số loài cây cổ thụ quý hiếm ở khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên; Phần mềm quản lý Hệ thống giống lợn; quản lý Quy hoạch xây dựng tỉnh Thanh Hoá; nghiên cứu giải pháp bảo mật tích hợp, đa tầng đảm bảo an ninh mạng và an toàn dữ liệu cho các cơ quan Nhà nước tỉnh Thanh Hóa... Nhiều cơ quan trong tỉnh cũng đã đưa vào ứng dụng các phần mềm chuyên ngành để phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của đơn vị; 100% các bệnh viện từ tuyến tỉnh đến tuyến huyện đã triển khai các phần mềm quản lý bệnh viện, bảo hiểm y tế;

- Về ứng dụng sản phẩm phần mềm và nội dung số phục vụ người dân và doanh nghiệp: Trên cổng thông tin điện tử của tỉnh (<http://www.thanhhoa.gov.vn>) đã cung cấp dịch vụ công để phục vụ người dân và doanh nghiệp. Cổng thông tin thương mại doanh nghiệp Thanh Hóa (<http://www.thanhhoaportal.vn>) hỗ trợ các doanh nghiệp theo mô hình doanh nghiệp với doanh nghiệp (B2B) và doanh nghiệp với người dân (B2P).

Kết quả hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và phát triển sản phẩm phần mềm và nội dung số trên địa bàn tỉnh đã góp phần nâng cao công tác cải cách hành chính của tỉnh, là điều kiện tiên đề hướng tới mục tiêu xây dựng chính quyền điện tử trong thời gian tới.

2.2 Hạn chế và nguyên nhân

2.2.1 Hạn chế

- Trình độ công nghệ của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh phần lớn ở mức trung bình trở xuống. Tỷ lệ dây chuyền sản xuất có công nghệ hiện đại chiếm tỷ lệ thấp (khoảng 15,6%). Tỷ lệ thiết bị đã được tự động hóa trở lên còn thấp (17,6%). Trình độ công nghệ chưa cao nên chưa tạo ra được sự đột phá về năng suất, chất lượng của sản phẩm.

- Thị trường CNTT của Thanh Hóa đã hình thành nhưng chưa phát triển cả về quy mô lẫn chiều sâu. Số lượng sản phẩm phần mềm, nội dung số phục vụ sản xuất nông nghiệp, du lịch, y tế, thương mại điện tử còn ít.

2.2.2 Nguyên nhân

Hoạt động đổi mới công nghệ - thiết bị trong doanh nghiệp diễn ra chậm chạp. Trừ một số doanh nghiệp có tiềm lực tài chính tương đối mạnh, phần lớn các doanh nghiệp gặp khó khăn về vốn để đổi mới công nghệ - thiết bị.

2.3 Định hướng đổi mới công nghệ - thiết bị, sản xuất phần mềm, nội dung số để tạo đột phá trong sản xuất công nghiệp, công nghệ thông tin

2.3.1 Trong lĩnh vực Công nghiệp

a/ Sản phẩm trong lĩnh vực công nghiệp cần được khuyến khích ứng dụng công nghệ cao, tiêu chuẩn cao để tạo đột phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả

Là các sản phẩm công nghiệp có khả năng cạnh tranh tốt bao gồm: đá ốp lát xây dựng; cát xây dựng; chế biến thủy sản; thức ăn gia súc; bao bì.

b/ Công nghệ cần được khuyến khích ứng dụng:

+ Công nghệ - thiết bị khai thác đá “cắt dây”, công nghệ - thiết bị cắt đá CNC (đối với khai thác, chế biến đá ốp lát xây dựng).

+ Công nghệ - thiết bị hút chân không băng tải (đối với chế biến thủy sản).

+ Công nghệ - thiết bị dệt 8 thoi (đối với sản xuất bao bì).

+ Công nghệ - thiết bị sản xuất tự động hóa (đối với sản xuất thức ăn gia súc).

+ Công nghệ - thiết bị sản xuất cát nhân tạo (đối với sản xuất cát xây dựng).

+ Các công nghệ cao khác (theo danh mục công nghệ cao, danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao quy định tại Quyết định 66/2014/QĐ-TTg ngày 25/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển; Quyết định 13/2017/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển; Nghị định 120/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao).

2.3.2 Trong lĩnh vực công nghệ thông tin

Tập trung nghiên cứu, sản xuất phần mềm, nội dung số nhằm: Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao (tự động tính toán, điều hành nhu cầu nước, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật...); phát triển thương mại điện tử, du lịch, y tế.

3. Lĩnh vực y, dược

3.1 Kết quả

3.1.1 Lĩnh vực y tế

Thanh Hóa hiện có 12 bệnh viện công lập tuyến tỉnh (bao gồm 03 bệnh viện đa khoa, 09 bệnh viện chuyên khoa), 10 Bệnh viện tư nhân (bao gồm 7 bệnh viện đa khoa và 03 bệnh viện chuyên khoa), 25 bệnh viện đa khoa tuyến

huyện³³. Toàn ngành hiện có 07 tiến sỹ (01 tiến sỹ YTCC), 160 thạc sỹ (05 thạc sỹ YTCC), 02 bác sỹ nội trú, 105 bác sỹ chuyên khoa II, 559 bác sỹ chuyên khoa I, 1.519 bác sỹ.

Từ năm 2011 đến nay đã có 23 nhiệm vụ chuyển giao các công nghệ, kỹ thuật tiên bộ trong chẩn đoán và điều trị với tổng kinh phí sự nghiệp Khoa học hỗ trợ là 7,596 tỷ đồng, trung bình 458,397 triệu đồng/1 nhiệm vụ. Ngoài ra còn có các nhiệm vụ KH&CN cấp ngành đã được triển khai thực hiện góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu triển khai đồng thời nâng cao năng lực khám, chữa bệnh cho cán bộ y tế các cấp với kinh phí 2 tỷ đồng từ nguồn ngân sách nhà nước.

Ngành y tế đã có những đột phá, sáng tạo trong phát triển dịch vụ y tế..., nhiều kỹ thuật mới, chuyên sâu được ứng dụng trong khám chữa bệnh. Tuy nhiên, đội ngũ bác sỹ vẫn còn ít, tỷ lệ bác sỹ/vạn dân còn thấp (6,9 bác sỹ/1 vạn dân), so với bình quân chung của cả nước (8 bác sỹ/1 vạn dân)".

3.1.2 Lĩnh vực dược

Thanh Hóa có 714 loài cây thuốc thuộc 521 chi, 67 họ thực vật, trong đó có 529 loài cây mọc tự nhiên, 185 loài là cây trồng và 15 loài cây nhập nội đang trồng đại trà; có 03 đơn vị (Công ty Cổ phần Dược VTYT Thanh Hóa, Cơ sở sản xuất thuốc YHCT Bà Giàng, Hãng thuốc thể thao) sản xuất thuốc từ dược liệu. Các sản phẩm thuốc từ dược liệu hiện đang tiêu thụ tốt tại 37 bệnh viện đa khoa công lập và 10 bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tư nhân và trên thị trường cả nước. Ngoài ra còn có một số các doanh nghiệp đang phát triển các sản phẩm chức năng từ nguồn dược liệu trồng trong tỉnh như: viên nang curcuminoid của Công ty CP nghệ Việt, (Nông trường Thạch Quảng - Huyện Thạch Thành); dầu Hồng gấc của công ty CP Tinh chất thảo dược Việt Nam (Khu Công nghiệp Tây Bắc Ga - TP Thanh Hóa), Tảo xoắn tươi Spirulina TOT của Công ty Cp Long Phú (xã Quảng Thái - Huyện Quảng Xương).

Từ năm 2011-2017, có 11 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh về nghiên cứu và phát triển các đối tượng cây dược liệu và sản xuất thuốc từ cây dược liệu, với tổng kinh phí SNKH hỗ trợ là 10,002 tỷ đồng, trung bình 909,343 triệu đồng/1 nhiệm vụ.

3.2 Hạn chế và nguyên nhân

3.2.1 Hạn chế

- Nhiều công nghệ, kỹ thuật cao đã được ứng dụng tại các thành phố lớn trong cả nước nhưng chưa được triển khai ứng dụng ở Thanh Hóa, đặc biệt là công nghệ, kỹ thuật cao mang tính đột phá để tạo chuyển biến mạnh mẽ chất lượng và hiệu quả công tác khám, chữa bệnh và y tế dự phòng, thúc đẩy nhanh các dịch vụ y tế có hàm lượng khoa học và công nghệ cao.

³³ BV công lập tuyến tỉnh: BVĐK tỉnh, BVĐK Ngọc Lạc, BVĐK Tĩnh Gia, BV Phú sản, BV Nhi, BV Phôi, BV Da liễu, BV Mắt, BV Tâm thần, BV Nội tiết, BV điều dưỡng và phục hồi chức năng. BV tư nhân tuyến tỉnh: BVĐK Hợp Lực, BVĐK Phúc Thịnh. Bệnh viện công lập tuyến huyện: BVĐK 25 huyện, thị xã, TP. BV tư nhân tuyến huyện: BVĐK Thanh Hà, BVĐK Hàm Rồng, BVĐK Trí Đức Thành, BVĐK ACA Bim Sơn, BVĐK Tâm Đức Cầu Quan, BV Mắt Bắc Trung Nam, BV Mắt Bình Tâm, BV Tâm An.

- Việc trồng dược liệu còn phát triển một cách tự phát, quy mô nhỏ, manh mún; năng suất, chất lượng dược liệu không cao. Chưa có nhiều sản phẩm thuốc từ dược liệu được nghiên cứu sản xuất tại Thanh Hóa.

3.2.2 Nguyên nhân

- Chưa chuyển giao được các kỹ thuật cao, chuyên sâu mang tính đột phá do không có nguồn kinh phí hỗ trợ của Trung ương và của tỉnh. Một số lĩnh vực điều trị hoặc can thiệp yêu cầu trang thiết bị đắt tiền và khả năng thu hồi vốn chậm, tính rủi ro cao thì rất khó mời gọi các nhà đầu tư tham gia liên doanh, liên kết.

- Ngành Y tế đã có những sự cố gắng, phát triển, liên kết với các đơn vị có tiềm lực lớn, cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu trong và ngoài nước, nhưng các kỹ thuật cao đều cần có trang thiết bị chuyên sâu hiện đại, đắt tiền trong khi kinh phí đối ứng hạn hẹp nên chưa đáp ứng được nhu cầu.

- Các cơ sở sản xuất thuốc hoặc thực phẩm chức năng từ vùng dược liệu sản xuất trong tỉnh còn ít. Lĩnh vực này chưa được quan tâm khuyến khích hỗ trợ để phát triển.

3.3 Các công nghệ, kỹ thuật, sản phẩm cần được nghiên cứu, tiếp nhận, làm chủ để tạo đột phá trong lĩnh vực y- dược

3.3.1 Trong lĩnh vực y tế³⁴:

- + Chụp cộng hưởng từ (MRI) 3.0 Tesla.
- + Xạ trị gia tốc tuyến tính (xạ trị điều biến liều IMRT)
- + Chạy thận nhân tạo (AK 98)
- + Phẫu thuật nội soi Full HD

3.3.2 Trong lĩnh vực dược:

- Trồng dược liệu theo GACP-WHO;

- Nghiên cứu sản xuất thuốc mới, thực phẩm chức năng từ dược liệu trồng trên địa bàn tỉnh: quế, cà gai leo, gừng, nghệ, giảo cổ lam, gấc, hà thủ ô, ngũ gia bì, sâm cau, ích mẫu, đinh lăng, sa nhân, đương quy, mã tiền, thổ phục linh, nấm linh chi, lan gấm, sâm báo.

4. Lĩnh vực bảo vệ môi trường

4.1 Kết quả

Trong giai đoạn 2011 - 2015 đã có 10 nhiệm vụ KH&CN với tổng số vốn 11,5 tỷ đồng; trong đó vốn sự nghiệp khoa học là 7,1 tỷ đồng, cụ thể là:

Đã nghiên cứu giải pháp khai thác và đưa vào sử dụng có hiệu quả nguồn năng lượng tái tạo phục vụ đời sống và bảo vệ môi trường. Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ khai thác năng lượng gió và năng lượng mặt trời, đánh giá vị trí và quy mô các khu vực có khả năng khai thác năng lượng gió, năng lượng mặt trời ở Thanh Hóa và khuyến cáo một số công nghệ phù hợp cho khai thác năng lượng gió, năng lượng mặt trời. Xây dựng mô hình thí điểm sử dụng năng

³⁴ Được xác định trên cơ sở khảo sát nhu cầu ứng dụng các kỹ thuật cao của các bệnh viện tư trên toàn tỉnh Thanh Hóa

lượng mặt trời, năng lượng gió để phát điện chiếu sáng đường phố tại thành phố Thanh Hóa; Xây dựng mô hình khai thác năng lượng mặt trời và sức gió để tạo ra nguồn điện tại chỗ cung cấp cho bộ đội Đảo Mê. Đã nghiên cứu xác định được nguyên nhân sụt lún đất, khoanh vùng nguy cơ sụt lún đất tại Thanh Hóa (là Hà Trung - Hậu Lộc, Tĩnh Gia và Thường Xuân) đồng thời đưa ra các giải pháp phòng chống và giảm nhẹ thiệt hại do sụt lún đất. Nghiên cứu các giải pháp thích ứng, biện pháp ứng phó nhằm giảm thiểu tác hại của các tai biến thiên nhiên liên quan đến biến đổi khí hậu ở Thanh Hóa. Ứng dụng KHCN xây dựng mô hình giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại trang trại chăn nuôi lợn tỉnh Thanh Hóa. Điều tra đánh giá hiện trạng nguồn nước thải trong nông nghiệp, công nghiệp và đề xuất các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước sông Mã, sông Chu.

Các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực này đã triển khai nghiên cứu, đánh giá, dự báo được một số các ảnh hưởng của thiên tai, biến đổi khí hậu; đánh giá một nguồn phát thải; xây dựng được một số mô hình sử dụng năng lượng tái tạo, mô hình tiết kiệm năng lượng; triển khai một số mô hình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường.

Về thẩm định công nghệ dự án đầu tư: Hàng năm, có từ 30-40 dự án đầu tư được xem xét, thẩm tra về công nghệ thuộc lĩnh vực môi trường như: xử lý nước cấp, xử lý nước thải y tế, rác thải y tế, rác thải sinh hoạt, nước thải sinh hoạt, xử lý triệt để ô nhiễm môi trường diêm tòn lưu hóa chất bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh... Việc tổ chức, thẩm tra, thẩm định công nghệ cho các dự án đầu tư, đã giúp các chủ đầu tư lựa chọn và hoàn thiện được những công nghệ, những giải pháp xử lý ô nhiễm môi trường khả thi và hiệu quả hơn, góp phần nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

4.2 Hạn chế và nguyên nhân

4.2.1 Hạn chế

- Xử lý chất thải rắn chủ yếu sử dụng công nghệ đốt; xử lý nước thải, nhất là nước thải sản xuất còn khó khăn, phức tạp.
- Việc ứng dụng các chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải còn hạn chế.

4.2.2 Nguyên nhân

- Việc nghiên cứu tái chế, tạo ra sản phẩm mới từ chất thải sinh hoạt, chất thải sản xuất chưa được quan tâm.
- Việc nghiên cứu, tạo ra các chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải chưa được hỗ trợ, khuyến khích.

4.3 Công nghệ, kỹ thuật cần được nghiên cứu, ứng dụng để tạo đột phá trong bảo vệ môi trường

- Công nghệ sản xuất sản phẩm mới từ chất thải sinh hoạt, chất thải sản xuất.
- Chế phẩm sinh học xử lý môi trường./.

BÁO CÁO

Kết quả chỉ đạo sửa chữa, bổ sung nội dung Đề án "Chính sách khuyến khích phát triển công nghệ trở thành đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020"

Thực hiện ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc giao chỉ đạo Sở KH&CN sửa chữa, bổ sung một số nội dung Đề án "*Chính sách khuyến khích phát triển để khoa học và công nghệ trở thành đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020*". Sau Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã tổ chức làm việc và chỉ đạo trực tiếp Giám đốc Sở KH&CN thực hiện sửa chữa, bổ sung các nội dung Đề án theo Kết luận cụ thể của Ban Thường vụ (tại cuộc họp ngày 26/10/2017), với kết quả đã sửa chữa, bổ sung và giải trình các nội dung sau:

1. Về tên đề án: Tên "*Chính sách khuyến khích phát triển khoa học và công nghệ trở thành đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020*" là phù hợp với mục tiêu và nội dung của Đề án.

2. Về bố cục: Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã kiểm tra và thống nhất kết cấu Đề án, gồm 3 phần sau:

- *Phần mở đầu:* (1) Sự cần thiết xây dựng Đề án; (2) Căn cứ để xây dựng đề án.

- *Phần thứ nhất:* Thực trạng chính sách phát triển KH&CN trên địa bàn tỉnh, gồm: (1) Đánh giá các chính sách hiện hành về phát triển KH&CN; (2) Nhận xét và đề xuất các chính sách cần ban hành.

- *Phần thứ hai:* Chính sách phát triển KH&CN trở thành đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020, gồm: (1) Mục tiêu; (2) Các chính sách cụ thể; (3) Thời gian và kinh phí thực hiện.

Phần thứ ba: Tổ chức thực hiện, gồm: (1) Trách nhiệm của các cấp, các ngành; (2) Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh được nhà nước hỗ trợ; (3) Giải quyết các vấn đề phát sinh.

Phần phụ lục của Đề án có Báo cáo về hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KH&CN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011 – 2016.

3. Về nội dung của Đề án

3.1 Đề án đề xuất 3 nhóm chính sách là:

Trên cơ sở nghiên cứu Đề án về việc phân tích kết quả thực hiện các chính sách về KH&CN của Nhà nước đã ban hành trên địa bàn tỉnh. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã kiểm tra, rà soát và thống nhất lý giải về sự cần thiết về ban hành 3 nhóm chính sách đã sửa chữa bổ sung trong Đề án, như sau:

- **Nhóm thứ nhất:** chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, sản xuất giống cây trồng, vật nuôi; sản xuất các sản phẩm mới; đổi mới công nghệ - thiết bị.

Nhóm này gồm các chính sách cụ thể: (1) Hỗ trợ nghiên cứu, sản xuất giống cây trồng, vật nuôi; (2) Hỗ trợ nghiên cứu sản xuất dược phẩm mới, thực phẩm chức năng mới từ dược liệu được trồng trên địa bàn tỉnh; (3) Hỗ trợ nghiên cứu sản xuất phần mềm ứng dụng (software); (4) Hỗ trợ đổi mới công nghệ - thiết bị sản xuất một số sản phẩm công nghiệp có khả năng cạnh tranh tốt; (5) Hỗ trợ nhận chuyển giao kỹ thuật cao trong chẩn đoán và điều trị; (6) Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao trong bảo quản hải sản đánh bắt xa bờ

- **Nhóm thứ hai:** Chính sách hỗ trợ sản xuất các sản phẩm bằng ứng dụng công nghệ cao, theo chuỗi giá trị, trên quy mô lớn.

Nhóm này gồm các chính sách cụ thể: (1) Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong sản xuất lúa gạo chất lượng cao theo chuỗi giá trị trên quy mô lớn; (2) Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong sản xuất cam, bưởi theo chuỗi giá trị trên quy mô lớn; (3) Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nuôi tôm chân trắng nước mặn theo chuỗi giá trị trên quy mô lớn; (4) Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao trong giết mổ, chế biến gia súc, gia cầm gắn với phát triển chăn nuôi theo chuỗi giá trị trên quy mô lớn;

- **Nhóm thứ ba:** Chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực của các phòng thí nghiệm, phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm sản phẩm trực thuộc doanh nghiệp, tổ chức KH&CN ngoài công lập.

Nhóm này có 1 chính sách cụ thể là: (1) Hỗ trợ đầu tư trang thiết bị kỹ thuật nhằm nâng cao năng lực hoạt động khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

Mỗi chính sách cụ thể được trình bày theo kết cấu: (1) Sự cần thiết; (2) Đối tượng và điều kiện hỗ trợ; (3) Nội dung và mức hỗ trợ; (4) Thời điểm hỗ trợ; (5) Cơ sở xác định mức hỗ trợ; (6) Trình tự thủ tục; (7) Dự kiến kinh phí; (8) Dự kiến hiệu quả của chính sách.

Nhận xét: Ba nhóm chính sách và các chính sách cụ thể mà Đề án đề xuất là phù hợp với kết quả đánh giá và nhận xét các chính sách phát triển KH&CN đã được nêu ở Phần thứ nhất “Thực trạng chính sách phát triển KH&CN trên địa bàn tỉnh”.

3.2 Kinh phí thực hiện Đề án: Tổng kinh phí thực hiện đề án là 273 tỷ đồng trong 3 năm (2018 – 2020), trong đó: năm 2018 là 70 tỷ đồng; năm 2019 là 95 tỷ đồng; năm 2020 là 108 tỷ đồng.

4. Về kết quả sửa chữa theo ý kiến kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

4.1. Đối với nhóm chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, sản xuất giống cây trồng, vật nuôi; sản xuất các sản phẩm mới; đổi mới công nghệ - thiết bị:

4.1.1 Đối với giống cây nông nghiệp:

- *Kết luận:* Bổ nội dung khuyến khích nghiên cứu tạo giống cây trồng mới do tính khả thi không cao (do thời gian thực hiện đề án có 3 năm, năng lực cán bộ KH&CN chưa đủ điều kiện thực hiện) ; Bổ sung nội dung khuyến khích du nhập, khảo nghiệm, sản xuất giống cây trồng mới; nâng tỷ lệ tăng năng suất hoặc hiệu quả kinh tế cao hơn so với Đề án đề xuất để với những giống du nhập.

- *Thực hiện:* Khuyến khích du nhập, khảo nghiệm, sản xuất giống cây trồng mới (gồm 6 giống): cam, bưởi, dưa, khoai tây, lạc, đậu tương; bổ sung điều kiện để hưởng chính sách: đã điều chỉnh tỷ lệ tăng năng suất hoặc có hiệu quả kinh tế từ 10% lên hơn 15% so với giống sản xuất đại trà.

4.1.2 Đối với giống cây ăn quả đặc sản:

- *Kết luận:* Bổ sung nội dung khuyến khích phục tráng, sản xuất giống cây ăn quả đặc sản Thanh Hóa (cam Vân Du, quýt hôi Bá Thước, quýt vôi Ngọc Lặc).

- *Thực hiện:* Khuyến khích phục tráng, sản xuất giống cây ăn quả đặc sản (gồm 3 giống): cam Vân Du, quýt hôi Bá Thước, quýt vôi Ngọc Lặc.

4.1.3. Đối với giống cây lâm nghiệp:

- *Kết luận:* Hỗ trợ đối với sản xuất giống bằng phương pháp nuôi cấy mô đối với 4 giống: Keo lai, Xoan chịu hạn, Quế Ngọc, Giổi ăn hạt. Tăng quy mô diện tích và mức hỗ trợ.

- *Thực hiện:* Hỗ trợ sản xuất giống cây lâm nghiệp bằng phương pháp nuôi cấy mô đối với 4 giống: Keo lai, Xoan chịu hạn, Quế Ngọc, Giổi ăn hạt. Diện tích rừng trồng bằng cây giống được sản xuất theo phương pháp nuôi cấy mô ít nhất là 30 ha. Mức hỗ trợ tối đa không quá 2 tỷ đồng/giống.

4.1.4. Đối với giống thủy sản:

- *Kết luận:* Tăng diện tích sử dụng giống; Tăng mức hỗ trợ

- *Thực hiện:*

+ Phi tiến vua: tối thiểu 10.000.000 con/diện tích nuôi 10 ha.

+ Cá Chiên, cá Ngạnh sông: tối thiểu 300.000 con/diện tích nuôi 30 ha).

+ Cá Nheo: tối thiểu 600.000 con/diện tích nuôi tối thiểu 30ha.

Mức hỗ trợ tối đa không quá 2 tỷ đồng.

4.1.4. Đối với dược phẩm mới, thực phẩm chức năng mới từ dược liệu trồng tại Thanh Hóa:

- *Kết luận:* Bổ sung thêm các dược liệu trồng tại Thanh Hóa; không để dấu (...) sau danh mục các dược liệu.

- *Đã sửa thành:* Bổ sung các dược liệu trồng trên địa bàn tỉnh (tổng cộng có 17 dược liệu): quế, cà gai leo, gừng, nghệ, giảo cổ lam, gấc, hà thủ ô, ngũ gia bì, sâm cau, ích mẫu, đinh lăng, sa nhân, đương quy, mã tiên, thổ phục linh, nấm linh chi, lan gấm

4.1.5. Đối với phần mềm ứng dụng (software) :

- *Kết luận:* Nghiên cứu bổ sung nội dung chính sách khuyến khích ứng dụng phần mềm.

- Giải trình Kết luận: Cơ quan soạn thảo đề nghị không bổ sung nội dung khuyến khích ứng dụng phần mềm, vì các lý do sau:

+ Chương trình ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước đã được ban hành (Kế hoạch 22/KH-UBND ngày 15/2/2016 của UBND tỉnh) với tổng kinh phí thực hiện 123,9 tỷ đồng) nên không cần ban hành chính sách mới khuyến khích ứng dụng phần mềm.

+ Bản thân các phần mềm được sản xuất theo chính sách này để được hưởng chính sách thì phải đáp ứng điều kiện: phải được các tổ chức, cá nhân ứng dụng (ít nhất 5 cơ quan, đơn vị nhà nước; hoặc 10 tổ chức, doanh nghiệp; hoặc 1.000 cá nhân). Như vậy, chính sách hỗ trợ sản xuất phần mềm ứng dụng theo Đề án này đã là chính sách “kép”: vừa hỗ trợ sản xuất, vừa khuyến khích ứng dụng.

Trưởng Ban Tuyên giáo thấy đề nghị của cơ quan soạn thảo là hợp lý nên thống nhất đề nghị không bổ sung nội dung khuyến khích ứng dụng phần mềm vào chính sách này.

4.1.6. Đối với sản phẩm công nghiệp:

- Kết luận: Chỉ hỗ trợ đối với các công nghệ thực hiện đổi mới toàn bộ dây chuyền – thiết bị công nghệ. Bổ sung sản xuất “cát nhân tạo” vào danh sách các sản phẩm công nghiệp cần được khuyến khích, hỗ trợ. Nghiên cứu bổ sung chính sách khuyến khích sản xuất năng lượng tái tạo (điện mặt trời, điện gió...) để thay thế năng lượng hóa thạch.

- Thực hiện:

+ Đã bổ sung vào điều kiện để được hưởng hỗ trợ là phải đổi mới toàn bộ dây chuyền công nghệ- thiết bị. Bổ sung hỗ trợ đổi mới công nghệ - thiết bị sản xuất cát nhân tạo trong sản xuất cát xây dựng.

+ Cơ quan soạn thảo đề nghị không bổ sung chính sách này khuyến khích sản xuất năng lượng tái tạo (điện mặt trời, điện gió...) với lý do: Việc sản xuất điện mặt trời đã có một số dự án đang xúc tiến triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh. Việc sản xuất điện gió chưa có đủ cơ sở khoa học để triển khai ở Thanh Hóa. Đề nghị được tiếp tục nghiên cứu để bổ sung khi có điều kiện.

Trưởng Ban Tuyên giáo nhận thấy đề nghị của cơ quan soạn thảo là phù hợp; thống nhất chưa đưa vào chính sách này nội dung khuyến khích sản xuất năng lượng tái tạo.

4.1.7. Đối với các thiết bị y tế:

- Kết luận: Bỏ kỹ thuật “siêu âm màu 4D”; còn lại 4 kỹ thuật sẽ hỗ trợ cho các bệnh viện tư nhân là: Chụp cộng hưởng từ; Xạ trị gia tốc tuyến tính; Chạy thận nhân tạo; Phẫu thuật nội soi. Chỉ hỗ trợ tiếp nhận các kỹ thuật có mức độ hiện đại cao hơn kỹ thuật đang áp dụng đại trà trên địa bàn tỉnh. Bổ sung nội dung: “Đối với các bệnh viện công lập, sẽ xem xét hỗ trợ theo từng dự án cụ thể đối với việc tiếp nhận các kỹ thuật: Ghép tạng; Tế bào gốc trong điều trị bệnh; Phẫu thuật nội soi robot”. Bổ sung nội dung chính sách đối với các cơ sở y tế công lập.

- Thực hiện: Đã bỏ “siêu âm màu 4D”. Các kỹ thuật được hưởng hỗ trợ là: Chụp cộng hưởng từ (MRI) 3.0 Tesla; Gia tốc tuyến tính xạ trị ung thư (xạ trị điều biến liều IMRT); Chạy thận nhân tạo (AK 98); Phẫu thuật nội soi Full HD”. Bổ sung nội

dung: “Các bệnh viện công lập sẽ được xem xét hỗ trợ theo từng dự án cụ thể khi nhận chuyển giao 1 trong các công nghệ: Ghép tạng; Tế bào gốc trong điều trị bệnh; Phẫu thuật nội soi robot.”

4.1.8 Đối với bảo quản hải sản đánh bắt xa bờ:

- *Kết luận:* Tàu dịch vụ hậu cần phải có công suất máy chính từ 800 CV trở lên.
- *Thực hiện:* Thống nhất với ý kiến của UBND tỉnh về điều chỉnh đối tượng được hỗ trợ: Đề nghị cho bổ sung đối với chủ tàu khai thác hải sản (có công suất máy chính từ 400 CV trở lên); Chủ tàu dịch vụ hậu cần nghề cá (có công suất 800 CV trở lên)”.

4.2. Nhóm chính sách hỗ trợ sản xuất các sản phẩm bằng ứng dụng công nghệ cao, theo chuỗi giá trị, trên quy mô lớn

4.2.1. Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong sản xuất lúa chất lượng cao theo chuỗi giá trị trên quy mô lớn:

- *Kết luận:* Rà soát, hoàn thiện.
- *Thực hiện:* Đã rà soát, hoàn thiện như Đề án.

4.2.2. Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong sản xuất cam, bưởi theo chuỗi giá trị trên quy mô lớn:

- *Kết luận:* Tăng diện tích trồng tập trung tối thiểu lên 50 ha; Tăng mức hỗ trợ tối đa lên 6 tỷ đồng.
- *Thực hiện:* Đã điều chỉnh diện tích trồng tập trung: từ 50 ha trở lên. Đã điều chỉnh tổng hỗ trợ tối đa không quá 6 tỷ đồng/dự án.

4.2.3. Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nuôi tôm chân trắng nước mặn theo chuỗi giá trị trên quy mô lớn:

- *Kết luận:* Rà soát, hoàn thiện.
- *Thực hiện:* Đã rà soát, hoàn thiện như Đề án.

4.2.4 Chính sách khuyến khích ứng dụng công nghệ cao trong giết mổ, chế biến gia súc, gia cầm:

- *Kết luận:* Bổ sung thêm chính sách khuyến khích ứng dụng công nghệ cao đối với các dây chuyền công nghệ giết mổ, chế biến thịt gia súc, gia cầm.
- *Thực hiện:* Đã bổ sung chính sách hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao trong giết mổ, chế biến thịt gia súc, gia cầm gắn với phát triển chăn nuôi theo chuỗi giá trị trên quy mô lớn.

4.3. Nhóm chính sách Hỗ trợ nâng cao năng lực tổ chức KH&CN ngoài công lập:

- *Kết luận:* Xem xét lại nội dung chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực của tổ chức khoa học công nghệ ngoài công lập.
- *Thực hiện:* Đã rà soát và thấy rằng: Năng lực của tổ chức KH&CN bao gồm: đội ngũ, tài chính, trang thiết bị. Vì vậy, nội dung chính sách nâng cao năng lực đối với tổ chức KH&CN ngoài công lập chỉ đề xuất hỗ trợ đầu tư trang thiết bị kỹ thuật cho phòng thí nghiệm, phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm sản phẩm của tổ chức KH&CN ngoài công lập, các thành phần khác thuộc

về năng lực thì tổ chức KH&CN tự lo để đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

4.4. Bổ sung hiệu quả của các chính sách

- *Kết luận*: Rà soát lại dự kiến kết quả thực hiện chính sách.
- *Thực hiện*: Đã rà soát lại dự kiến hiệu quả của từng chính sách tại phần cuối của mỗi chính sách cụ thể.

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy kính trình Ban Thường vụ xem xét, thông qua Đề án.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Các đồng chí TV Tỉnh ủy;
- Lưu Văn phòng Ban.

TRƯỞNG BAN

The image shows a circular official stamp of the Provincial Propaganda Committee (Ban Tuyên Giáo Tỉnh Ủy). The stamp contains the text "ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM" at the top, "BAN TUYÊN GIÁO" in the center, and "TỈNH ỦY THỪA THIÊN HUỖN" at the bottom. A handwritten signature is written over the stamp.

Nguyễn Văn Phát

Thanh Hoá, ngày 17 tháng 11 năm 2017

BÁO CÁO

Tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung “Chính sách khuyến khích phát triển KH&CN trở thành đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020”

(Kèm theo Công văn số 172/BCS-UBND ngày 17/11/2017 của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh đề nghị thông qua Đề án chính sách phát triển KH&CN trở thành đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020)

Ngày 26/10/2017, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nghe UBND tỉnh báo cáo Đề án chính sách phát triển KH&CN trở thành đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020”.

Ban cán sự Đảng UBND tỉnh báo cáo kết quả tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung Đề án theo ý kiến kết luận của Bí thư Tỉnh ủy như sau:

T T	Nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung	Kết quả tiếp thu, bổ sung
I	Nhóm chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, sản xuất giống cây trồng, vật nuôi; sản xuất các sản phẩm mới; đổi mới công nghệ - thiết bị	
1	Đối với giống cây nông nghiệp - Bỏ nội dung khuyến khích nghiên cứu chọn tạo giống cây trồng mới (vì tính khả thi không cao).	Đã bỏ nội dung khuyến khích nghiên cứu chọn tạo giống cây trồng mới
	- Bổ sung nội dung khuyến khích du nhập, khảo nghiệm, sản xuất giống cây trồng mới đối với cam, bưởi, dưa, khoai tây, lạc, đậu tương;	- Đã bổ sung nội dung khuyến khích: “ - Đối với du nhập, khảo nghiệm, sản xuất giống cây trồng mới; gồm 6 giống: cam, bưởi, dưa, khoai tây, lạc, đậu tương” <i>(điểm b, Mục 1.1.2, trang 24 của Đề án)</i>
	- Bổ sung điều kiện về năng suất hoặc hiệu quả kinh tế của những giống du nhập (phải tăng năng suất hoặc có hiệu quả kinh tế cao hơn 15% so với giống sản xuất đại trà).	- Đã bổ sung điều kiện để hưởng chính sách: “+ Giống mới phải có năng suất cao hơn 15% hoặc có hiệu quả kinh tế cao hơn 15% so với giống sản xuất đại trà” <i>(Dòng 1 - 2, trang 25 của Đề án)</i>

T T	Nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung	Kết quả tiếp thu, bổ sung
2	Đối với giống cây ăn quả đặc sản	
	- Bổ sung nội dung khuyến khích phục tráng, sản xuất giống cây ăn quả đặc sản Thanh Hóa (cam Vân Du, quýt hôi Bá Thước, quýt vôi Ngọc Lặc)	- Đã bổ sung nội dung về khuyến khích phục tráng, sản xuất giống cây ăn quả đặc sản: “ - Đối với phục tráng, sản xuất giống cây ăn quả đặc sản; gồm 3 giống: cam Vân Du, quýt hôi Bá Thước, quýt vôi Ngọc Lặc” (Dòng 6 – 7, trang 25 của Đề án)
3	Đối với giống cây lâm nghiệp	
	- Hỗ trợ đối với sản xuất giống bằng phương pháp nuôi cấy mô	- Đã bổ sung nội dung hỗ trợ: “ - Đối với sản xuất giống cây lâm nghiệp bằng phương pháp nuôi cấy mô; gồm 4 giống: Keo lai, Xoan chịu hạn, Quế Ngọc, Giổi ăn hạt” (Dòng 12 – 13, trang 25 của Đề án)
	- Tăng quy mô diện tích và mức hỗ trợ	Đã sửa: - “Diện tích rừng trồng (bằng cây giống được sản xuất theo phương pháp nuôi cấy mô) ít nhất là 30 ha” (Dòng 17 – 18, trang 25 của Đề án) - Mức hỗ trợ tối đa không quá 2 tỷ đồng/giống. (Dòng 14 – 15 trang 26 của Đề án)
4	Đối với giống thủy sản	
	- Tăng diện tích sử dụng giống	Đã bổ sung, chỉnh sửa: “- Phi tiền vua: tối thiểu 10.000.000 con/diện tích nuôi tối thiểu 10 ha. - Cá Chiên, cá Ngạnh sông: tối thiểu 300.000 con/diện tích nuôi tối thiểu 30 ha). - Cá Nheo: tối thiểu 600.000 con/diện tích nuôi tối thiểu 30ha)” (Dòng 25 – 32 trang 25 của Đề án)
	- Tăng mức hỗ trợ	- Mức hỗ trợ tối đa không quá 2 tỷ đồng. (Dòng 20 – 21 trang 26 của Đề án)
5	Đối với dược phẩm mới, thực phẩm chức năng mới từ dược liệu trồng tại Thanh Hóa	
	Bổ sung thêm các dược liệu trồng tại Thanh Hóa; không để dấu (...) sau danh mục các dược liệu.	Đã bổ sung; chỉnh sửa: “1.2 Hỗ trợ nghiên cứu sản xuất dược phẩm mới, thực phẩm chức năng mới từ dược liệu được trồng trên địa bàn tỉnh; gồm 17 dược liệu:

T T	Nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung	Kết quả tiếp thu, bổ sung
		<p><i>quế, cà gai leo, gừng, nghệ, giảo cổ lam, gấc, hà thủ ô, ngũ gia bì, sâm cau, ích mẫu, đinh lăng, sa nhân, đương quy, mã tiền, thổ phục linh, nấm linh chi, lan gấm)</i></p> <p><i>(Mục 1.2 trang 27 của Đề án)</i></p>
6	Đối với phần mềm ứng dụng (software)	
	<p>- Nghiên cứu bổ sung nội dung khuyến khích ứng dụng phần mềm</p>	<p>Sau khi nghiên cứu, đề nghị không bổ sung nội dung khuyến khích ứng dụng phần mềm vì các lý do sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương trình ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước đã được ban hành (Kế hoạch 22/KH-UBND ngày 15/2/2016 của UBND tỉnh) với tổng kinh phí thực hiện 123,9 tỷ đồng) nên không cần ban hành chính sách mới khuyến khích ứng dụng phần mềm. - Bản thân các phần mềm được sản xuất theo chính sách này để được hưởng chính sách thì phải đáp ứng điều kiện: phải được các tổ chức, cá nhân ứng dụng (ít nhất 5 cơ quan, đơn vị nhà nước; hoặc 10 tổ chức, doanh nghiệp; hoặc 1.000 cá nhân). Như vậy, chính sách hỗ trợ sản xuất phần mềm ứng dụng theo Đề án này đã là chính sách “kép”: vừa hỗ trợ sản xuất, vừa khuyến khích ứng dụng.
7	Đối với sản phẩm công nghiệp	
	<p>Chỉ hỗ trợ đổi mới toàn bộ công nghệ.</p>	<p>Đã tiếp thu, bổ sung vào điều kiện để được hưởng hỗ trợ:</p> <p>“- Đã bắt đầu thực hiện và hoàn thành dự án đổi mới toàn bộ công nghệ ...”</p> <p><i>(Dòng 21, trang 31 của Đề án)</i></p>
	<p>Bổ sung sản xuất “cát nhân tạo” vào danh sách các sản phẩm công nghiệp cần được khuyến khích, hỗ trợ.</p>	<p>Đã bổ sung hỗ trợ đổi mới công nghệ:</p> <p>“Công nghệ - thiết bị sản xuất cát nhân tạo (đổi mới với sản xuất cát xây dựng)”</p> <p><i>(Dòng 30 – 31, trang 31 của Đề án)</i></p>
	<p>Nghiên cứu bổ sung chính sách khuyến khích sản xuất năng lượng tái tạo (điện mặt trời, điện gió...) để thay thế năng lượng hóa thạch</p>	<p>Sau khi nghiên cứu đề nghị không bổ sung chính sách này khuyến khích sản xuất năng lượng tái tạo (điện mặt trời, điện gió...) để thay thế năng lượng hóa thạch vì:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc sản xuất điện mặt trời: đã có một số dự án đang xúc tiến triển khai thực hiện trên địa bàn

T T	Nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung	Kết quả tiếp thu, bổ sung
		<p>tinh.</p> <p>- Việc sản xuất điện gió: chưa có đủ cơ sở khoa học để phát triển điện gió ở Thanh Hóa.</p> <p>Đề nghị được tiếp tục nghiên cứu để bổ sung khi có điều kiện.</p>
8	Đối với y tế	
	<p>- Bỏ kỹ thuật “siêu âm màu 4D”; còn lại 4 kỹ thuật sẽ hỗ trợ cho các bệnh viện tư nhân là: Chụp cộng hưởng từ; Xạ trị gia tốc tuyến tính; Chạy thận nhân tạo; Phẫu thuật nội soi.</p>	<p>Đã bỏ “siêu âm màu 4D”</p>
	<p>- Chỉ hỗ trợ tiếp nhận các kỹ thuật có mức độ hiện đại cao hơn kỹ thuật đang áp dụng đại trà trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>Đã tiếp thu, chỉnh sửa:</p> <p>“- Chụp cộng hưởng từ (MRI) 3.0 Tesla</p> <p>- Gia tốc tuyến tính xạ trị ung thư (xạ trị điều biến liều IMRT)</p> <p>- Chạy thận nhân tạo (AK 98)</p> <p>- Phẫu thuật nội soi Full HD”</p> <p><i>(Điểm b, Mục 1.5.2 trang 33 của Đề án)</i></p>
	<p>- Bổ sung nội dung: “Đối với các bệnh viện công lập, sẽ xem xét hỗ trợ theo từng dự án cụ thể đối với việc tiếp nhận các kỹ thuật: Ghép tạng; Tế bào gốc trong điều trị bệnh; Phẫu thuật nội soi robot”</p>	<p>Đã bổ sung:</p> <p>“Các bệnh viện công lập sẽ được xem xét hỗ trợ theo từng dự án cụ thể khi nhận chuyển giao 1 trong các công nghệ: Ghép tạng; Tế bào gốc trong điều trị bệnh; Phẫu thuật nội soi robot.”</p> <p><i>(Dòng 19 – 21 trang 33 của Đề án)</i></p>
9	Đối với bảo quản hải sản đánh bắt xa bờ	
	<p>Tàu dịch vụ hậu cần phải có công suất máy chính từ 800 CV trở lên</p>	<p>Đã chỉnh sửa:</p> <p>“Đối tượng: Chủ tàu khai thác hải sản (có công suất máy chính từ 400 CV trở lên); Chủ tàu dịch vụ hậu cần nghề cá (có công suất 800 CV trở lên)”</p> <p><i>(Điểm a, Mục 1.6.2, trang 35 của Đề án)</i></p>
II.	<p>Nhóm chính sách hỗ trợ sản xuất các sản phẩm bằng ứng dụng công nghệ cao, theo chuỗi giá trị, trên quy mô lớn</p>	
10	Hỗ trợ ứng dụng công nghệ	

T T	Nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung	Kết quả tiếp thu, bổ sung
	<i>cao, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong sản xuất lúa chất lượng cao theo chuỗi giá trị trên quy mô lớn</i>	
	Rà soát, hoàn thiện	Đã rà soát, hoàn thiện (Mục 2.1, trang 36 – 38 của Đề án)
11	<i>Chính sách hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong sản xuất cam, bưởi theo chuỗi giá trị trên quy mô lớn</i>	
	- Tăng diện tích trồng tập trung tối thiểu lên 50 ha	Đã điều chỉnh: “- Diện tích trồng tập trung: từ 50 ha trở lên” (Điểm b, Mục 2.2.2, trang 38 của Đề án)
	- Tăng mức hỗ trợ tối đa lên 6 tỷ đồng	Đã điều chỉnh: “ Tổng hỗ trợ tối đa không quá 6 tỷ đồng/dự án” (Dòng 6, trang 39 của Đề án)
12	<i>Chính sách hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nuôi tôm chân trắng nước mặn theo chuỗi giá trị trên quy mô lớn</i>	
	Rà soát, hoàn thiện	Đã rà soát, hoàn thiện (Mục 2.3 Trang 39 – 41 của Đề án)
13	<i>Bổ sung chính sách khuyến khích ứng dụng công nghệ cao trong giết mổ, chế biến gia súc, gia cầm</i>	Đã bổ sung: ”2.4. Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao trong giết mổ, chế biến gia súc, gia cầm gắn với phát triển chăn nuôi theo chuỗi giá trị trên quy mô lớn. 2.4.1 Sự cần thiết của chính sách Hiện nay Thanh Hóa đã có các khu giết mổ, chế biến gia súc, gia cầm tập trung nhưng chỉ đáp ứng một phần sản lượng sản phẩm chăn nuôi và chủ yếu đáp ứng nhu cầu tại chỗ. Vì vậy cần thiết có các nhà máy, cơ sở giết mổ, chế biến gia súc gia cầm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu và quy mô lớn để kết nối chuỗi trong quá trình sản xuất: Thức ăn - chăn nuôi – chế biến, gia tăng giá trị sản phẩm ngành chăn nuôi.

T T	Nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung	Kết quả tiếp thu, bổ sung
		<p><i>2.4.2 Đối tượng, điều kiện được hỗ trợ</i></p> <p>a) <i>Đối tượng:</i> Các tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), cá nhân.</p> <p>b) <i>Điều kiện:</i> đầu tư dự án giết mổ, chế biến gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa trong khoảng thời gian từ 01/01/2018 đến trước 31/12/2020 đáp ứng các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa điểm thực hiện dự án nằm trong khu quy hoạch giết mổ đã được quy hoạch hoặc được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư. - Về công nghệ: <ul style="list-style-type: none"> + Dây chuyền giết mổ, chế biến tự động hóa; sản phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu. + Thiết bị kèm theo công nghệ (nếu có) phải mới 100%. + Công suất tối thiểu: 200 con gia súc/ngày hoặc 2.000 con gia cầm/giờ. - Có cơ sở chăn nuôi hoặc liên kết với cơ sở chăn nuôi tại Thanh Hóa đạt cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh. - Bảo đảm vệ sinh thú y, an toàn phòng chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường. <p><i>2.4.3 Nội dung, mức hỗ trợ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ 30% giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ, mua sắm thiết bị giết mổ, chế biến; mức hỗ trợ tối đa 5 tỷ đồng/dự án. <p><i>2.4.4 Thời điểm hỗ trợ:</i></p> <p>Sau khi đã xuất xưởng lô sản phẩm đầu tiên.”</p> <p><i>(Mục 2.4, trang 41 – 42 của Đề án)</i></p>
III	Nhóm chính sách Hỗ trợ nâng cao năng lực của các phòng thí nghiệm, phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm sản phẩm trực thuộc doanh nghiệp, tổ chức KH&CN ngoài công lập	
14	<i>Hỗ trợ đầu tư trang thiết bị kỹ thuật cho phòng thí nghiệm, phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu</i>	

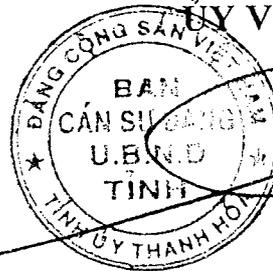
T T	Nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung	Kết quả tiếp thu, bổ sung
	<i>chuẩn, thử nghiệm sản phẩm trực thuộc doanh nghiệp, tổ chức KH&CN ngoài công lập</i>	
	Rà soát, hoàn thiện	Đã rà soát, hoàn thiện (Mục 31. trang 42- 44 của Đề án)
IV	Bổ sung hiệu quả của các chính sách	Đã nêu cụ thể hiệu quả dự kiến của từng chính sách (tại phần cuối của mỗi chính sách cụ thể)

Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh kính báo cáo Thường trực Tỉnh ủy/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các ủy viên BCS Đảng UBND tỉnh
- VP Tỉnh ủy; Sở KH&CN;
- Lưu: VT, PgNN

TM. BAN CÁN SỰ UBND TỈNH
ỦY VIÊN



Nguyễn Đức Quyền

Số: 142/BC-SKHCCN

Thanh Hoá, ngày 06 tháng 11 năm 2017

BÁO CÁO

Tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung “Chính sách khuyến khích phát triển KH&CN trở thành đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020”

Ngày 25/10/2017, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nghe UBND tỉnh báo cáo Đề án chính sách phát triển KH&CN trở thành đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020”.

Căn cứ Công văn số 13471/UBND-THKH ngày 03/11/2017 của UBND tỉnh V/v chuẩn bị các nội dung trình kỳ họp thứ 4 HĐND tỉnh khóa XVII, Sở KH&CN báo cáo UBND tỉnh kết quả tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung Đề án theo ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy như sau:

T	Nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung	Kết quả chỉnh sửa, bổ sung
I	Nhóm chính sách đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiên bộ khoa học kỹ thuật	
1	Đối với giống cây nông nghiệp - Bổ quy định khuyến khích nghiên cứu chọn tạo giống cây trồng mới (vì tính khả thi không cao).	Đã bỏ quy định khuyến khích nghiên cứu chọn tạo giống cây trồng mới
	- Bổ sung quy định khuyến khích du nhập, khảo nghiệm, sản xuất giống cây trồng mới (đối với <i>cam, bưởi, dưa, khoai tây, lạc, đậu tương</i>); những giống du nhập phải làm tăng năng suất từ 15% trở lên so với giống đang sản xuất đại trà.	Đã bổ sung quy định về khuyến khích du nhập, khảo nghiệm, sản xuất giống cây trồng mới (đối với <i>cam, bưởi, dưa, khoai tây, lạc, đậu tương</i>)
2	Đối với giống cây ăn quả - Bổ sung quy định khuyến khích phục tráng, sản xuất giống cây ăn quả đặc sản Thanh Hóa (<i>cam Vân Du, quýt hôi Bá Thước, quýt vôi Ngọc Lặc</i>)	Đã bổ sung quy định về khuyến khích phục tráng, sản xuất giống cây ăn quả đặc sản (<i>cam Vân Du, quýt hôi Bá Thước, quýt vôi Ngọc Lặc</i>).
3	Đối với giống cây lâm nghiệp - 4 giống cây lâm nghiệp được hưởng chính sách là: <i>Keo lai, Xoan</i>	Đã bổ sung, chỉnh sửa: - Quy mô: 30 ha

T T	Nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung	Kết quả chỉnh sửa, bổ sung
	<i>chịu hạn, Quế Ngọc, Giới ăn hạt.</i> - Tăng quy mô diện tích và mức hỗ trợ	- Mức hỗ trợ: tối đa 2 tỷ đồng
4	Đối với giống thủy sản	
	- Tăng diện tích sử dụng giống - Tăng mức hỗ trợ	Đã bổ sung, chỉnh sửa: - Phi tiến vua: tối thiểu 10.000.000 con (tương đương diện tích nuôi 10 ha); tỷ lệ sống từ 70% trở lên. - Cá Chiên, cá Ngạnh sông: tối thiểu 300.000 con/giống (tương đương diện tích nuôi 30 ha); tỷ lệ sống từ 80% trở lên. - Cá Nheo: tối thiểu 600.000 con (tương đương diện tích nuôi 30ha); tỷ lệ sống từ 80% trở lên. - Mức hỗ trợ: tối đa 2 tỷ đồng.
5	Đối với dược phẩm mới, thực phẩm chức năng mới từ dược liệu trồng tại Thanh Hóa	
	Bổ sung thêm các dược liệu trồng tại Thanh Hóa	Đã bổ sung: các dược liệu để sản xuất dược phẩm, thực phẩm chức năng là: <i>quế, cà gai leo, gừng, nghệ, giảo cổ lam, gấc, hà thủ ô, ngũ gia bì, sâm cau, ích mẫu, đinh lăng, sa nhân, đương quy, mã tiền, thổ phục linh, nấm linh chi, lan gấm</i>
6	Đối với phần mềm ứng dụng (software)	Đã rà soát, hoàn thiện.
7	Đối với sản phẩm công nghiệp	
	Bổ sung “ <i>cát xây dựng</i> ” vào danh sách các sản phẩm công nghiệp cần được khuyến khích, hỗ trợ đổi mới công nghệ.	Đã bổ sung; như vậy danh sách sản phẩm công nghiệp được khuyến khích, hỗ trợ đổi mới công nghệ - thiết bị gồm: “ <i>đá ốp lát xây dựng, cát xây dựng, chế biến thủy sản, thức ăn gia súc, bao bì</i> ”
8	Đối với y tế	
	- Bổ kỹ thuật “siêu âm màu 4D”; còn lại 4 kỹ thuật sẽ hỗ trợ cho các bệnh viện tư nhân là: Chụp cộng hưởng từ; Xạ trị gia tốc tuyến tính; Chạy thận nhân tạo; Phẫu thuật nội soi.	Đã chỉnh sửa
	- Cần làm rõ mức độ tiên tiến của	Đã chỉnh sửa

T T	Nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung	Kết quả chỉnh sửa, bổ sung
	kỹ thuật; chỉ hỗ trợ tiếp nhận các kỹ thuật có mức độ hiện đại cao hơn kỹ thuật đang áp dụng đại trà trên địa bàn tỉnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Chụp cộng hưởng từ (MRI) 1.5 hoặc 3.0 Tesla - Gia tốc tuyến tính xạ trị ung thư (xạ trị điều liều IMRT) - Chạy thận nhân tạo (AK 98) - Phẫu thuật nội soi Full HD
	- Bổ sung nội dung: “Đối với các bệnh viện công lập, sẽ xem xét hỗ trợ theo từng dự án cụ thể đối với việc tiếp nhận các kỹ thuật: Ghép tạng; Tế bào gốc trong điều trị bệnh; Phẫu thuật nội soi robot”	<p>Đã bổ sung:</p> <p>Đối với bệnh viện công lập, sẽ xem xét hỗ trợ theo từng dự án cụ thể đối với việc tiếp nhận các kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ghép tạng; - Tế bào gốc trong điều trị bệnh; - Phẫu thuật nội soi robot.
9	Đối với bảo quản hải sản đánh bắt xa bờ	
	Tàu dịch vụ hậu cần phải có công suất máy chính từ 800 CV trở lên	<p>Đã rà soát, chỉnh sửa:</p> <p>“Đối tượng: Chủ tàu khai thác hải sản có công suất máy chính từ 400 CV trở lên; tàu dịch vụ hậu cần có công suất máy chính từ 800 CV trở lên”</p>
II.	Nhóm chính sách khuyến khích sản xuất sản phẩm có hàm lượng KH&CN cao, tạo đột phá về ứng dụng KH&CN	
10	Chính sách hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong sản xuất lúa chất lượng cao theo chuỗi giá trị trên quy mô lớn	Đã rà soát, hoàn thiện.
11	Chính sách hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong sản xuất cam, bưởi theo chuỗi giá trị trên quy mô lớn	
	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng diện tích trồng tập trung tối thiểu - Tăng mức hỗ trợ. 	<p>Đã điều chỉnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích trồng tập trung tối thiểu: tăng từ 30 ha/cơ sở lên 50 ha/cơ sở. - Mức hỗ trợ tối đa: tăng từ 3 tỷ đồng lên 6 tỷ đồng.
12	Chính sách hỗ trợ ứng dụng	Đã rà soát, hoàn thiện.

T T	Nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung	Kết quả chỉnh sửa, bổ sung
	công nghệ cao, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nuôi tôm chân trắng nước mặn theo chuỗi giá trị trên quy mô lớn	
13	Bổ sung chính sách khuyến khích ứng dụng công nghệ cao trong giết mổ, chế biến gia súc, gia cầm	<p>Đã bổ sung:</p> <p>2.4. Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao trong giết mổ, chế biến gia súc, gia cầm gắn với phát triển chăn nuôi theo chuỗi giá trị trên quy mô lớn.</p> <p>2.4.1 Đối tượng, điều kiện được hỗ trợ</p> <p>a) <i>Đối tượng:</i> Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có dự án đầu tư nhà máy, cơ sở giết mổ, chế biến gia súc, gia cầm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.</p> <p>b) <i>Điều kiện:</i> Đảm bảo đủ các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có dự án đầu tư nằm trong khu quy hoạch giết mổ đã được quy hoạch hoặc được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư. - Về công nghệ: <ul style="list-style-type: none"> + Dây chuyền giết mổ, chế biến tự động hóa. + Thiết bị kèm theo công nghệ phải mới 100%. + Công suất tối thiểu: 200 con gia súc/ngày hoặc 2.000 con gia cầm/giờ. - Có cơ sở chăn nuôi hoặc liên kết với cơ sở chăn nuôi tại Thanh Hóa đạt cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh. - Bảo đảm vệ sinh thú y, an toàn phòng chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường. <p>2.4.2 Nội dung, mức hỗ trợ và thời điểm hỗ trợ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ 1 lần 30% giá trị công nghệ - thiết bị giết mổ, chế biến được đầu tư mới; mức hỗ trợ tối đa 5 tỷ đồng. - Thời điểm hỗ trợ: sau khi đã xuất khẩu lô sản phẩm đầu tiên.
14	Nhóm chính sách nâng cao năng lực hoạt động KH&CN	

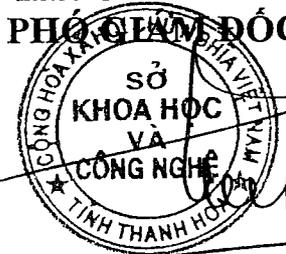
T T	Nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung	Kết quả chỉnh sửa, bổ sung
	Chính sách hỗ trợ đầu tư trang thiết bị kỹ thuật nhằm nâng cao năng lực hoạt động KH&CN của doanh nghiệp	Đã rà soát, hoàn thiện.

Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo, kính trình UBND tỉnh Đề án đã được tiếp thu, chỉnh sửa./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Đình Xứng (b/c)
- PCT Thường trực UBND tỉnh Nguyễn Đức Quyền (b/c)
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Ngọc Túy

Số: 116/BC-SKHCN

Thanh Hoá, ngày 25 tháng 09 năm 2017

BÁO CÁO

Tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung “Chính sách khuyến khích phát triển KH&CN để KH&CN trở thành đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020”

Thực hiện Công văn số 1104-CV/BTGTU ngày 15/9/2017 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy V/v chỉnh sửa, bổ sung Đề án “Chính sách khuyến khích phát triển KH&CN”, Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với các Sở, ngành liên quan để chỉnh sửa, bổ sung đề án. Ngày 21/9/2017 Sở KH&CN đã có báo cáo giải trình về “Chính sách khuyến khích phát triển KH&CN để KH&CN trở thành đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020”. Tiếp theo đó, trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của đ/c Nguyễn Văn Phát, Ủy viên ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Trưởng ban Văn hóa xã hội HĐND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ đã tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung Đề án.

Sở KH&CN báo cáo kết quả tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung như sau:

T T	Nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung	Kết quả chỉnh sửa, bổ sung
1.	Tên: Đổi tên Đề án thành “Chính sách khuyến khích phát triển khoa học và công nghệ trở thành đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020”	Đã chỉnh sửa
2.	Phần mở đầu: Cấu trúc lại phần mở đầu với các mục: 1. Sự cần thiết xây dựng Đề án 2. Những căn cứ xây dựng đề án	Đã chỉnh sửa
3.	Căn cứ xây dựng Đề án: - Bổ sung: Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh ..; Kế hoạch 169/KH-UBND...; các văn bản có liên quan trực tiếp đến Đề án. - Bỏ bớt các văn bản ít liên quan đến Đề án	Đã chỉnh sửa, bổ sung

T T	Nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung	Kết quả chỉnh sửa, bổ sung
4.	Phần thứ nhất: Không đưa kết quả chung của KH&CN. Phần này chỉ nên đề cập đến những ưu điểm và hạn chế của chính sách khuyến khích phát triển KH&CN trên địa bàn tỉnh	Đã chuyển phần đánh giá kết quả hoạt động KH&CN về Phụ lục
5.	<p>Chính sách khuyến khích, hỗ trợ nghiên cứu sản phẩm mới:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cần xác định sản phẩm thực sự cần thiết cho phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với chiến lược, định hướng phát triển KH&CN của tỉnh đến 2020 - Cần xác định tiêu chí để đánh giá sản phẩm mới - Mức hỗ trợ tối đa cần xác định theo từng nhóm sản phẩm 	<p>Đã phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Sở Y tế, Sở Thông tin và truyền thông, Sở Tài nguyên môi trường tiến hành rà soát. Kết quả đã xác định:</p> <p><i>1. Các sản phẩm mới gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giống cây trồng mới: Cam, bưởi, dứa, khoai tây, lạc, đậu tương. - Cây giống lâm nghiệp (sản xuất bằng phương pháp nuôi cấy mô): Keo lai, Xoan chịu hạn, Quế Ngọc, Giỏi ăn hạt. - Con giống thủy sản (được sản xuất trên địa bàn tỉnh): Phi, cá Chiên, cá Nheo, cá Ngạnh sông. - Dược phẩm mới, thực phẩm chức năng mới (được sản xuất từ dược liệu trồng tại Thanh Hóa, như: quế, cà gai leo, gừng, nghệ, giảo cổ lam, gấc...). - Phần mềm mới gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Phần mềm phục vụ thương mại điện tử giúp quảng cáo, phân phối và bán các sản phẩm truyền thống của Thanh Hóa qua mạng: có chức năng kết nối website TMDT, ứng dụng TMDT trên mobile với các làng nghề truyền thống giúp quảng cáo, phân phối và bán các sản phẩm truyền thống của địa phương cho khách hàng trong và ngoài tỉnh. + Phần mềm phục vụ công tác quản lý giám sát từ xa mức độ ô nhiễm môi trường: có chức năng thu thập tự động các số liệu đo mức độ ô nhiễm của các khu vực có nguy cơ ô nhiễm ở phạm vi rộng. + Phần mềm phục vụ du lịch Thanh Hóa: có chức năng thanh toán các dịch vụ du

T T	Nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung	Kết quả chỉnh sửa, bổ sung
		<p>lịch trên địa bàn tỉnh một cách có kiểm soát, hạn chế việc “chặt chém” du khách.</p> <p>+ Phần mềm phục vụ sản xuất, chế biến, phân phối thuộc lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao (nông nghiệp thông minh, nông nghiệp sạch): có chức năng điều khiển tự động quá trình sản xuất, theo dõi quá trình sản xuất, phân phối và tiêu thụ sản phẩm, hỗ trợ việc xây dựng nông nghiệp sạch, an toàn thực phẩm.</p> <p>+ Phần mềm quản lý hồ sơ sức khỏe cá nhân: có chức năng liên thông từ các trạm Y tế, phòng khám bác sĩ gia đình đến các bệnh viện để trao đổi về lịch sử khám, điều trị ... của bệnh nhân giúp cập nhật, theo dõi, điều trị kịp thời cho các bệnh nhân tại các cơ sở khám chữa bệnh.</p> <p>2. Tiêu chí, điều kiện để được hỗ trợ:</p> <p>a/ Giống cây trồng mới (Cam, bưởi, dứa, khoai tây, lạc, đậu tương):</p> <ul style="list-style-type: none"> . Được Bộ NN&PTNT công nhận chính thức ít nhất tại khu vực Bắc Trung Bộ; được bảo hộ độc quyền. . Diện tích sản xuất tối thiểu trên địa bàn tỉnh sau khi được công nhận: cam, bưởi, dứa phải đạt từ 30 ha trở lên; sinh trưởng phát triển tốt; khoai tây, lạc, đậu tương phải đạt từ 100 ha trở lên, năng suất, hiệu quả kinh tế cao hơn ít nhất 10% so với sản xuất đại trà. . Chi phí nghiên cứu để tạo ra được giống cây trồng mới chưa được hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước. <p>b/ Con giống thủy sản (Phi, cá Chiên, cá Nheo, cá Ngạnh sông):</p> <ul style="list-style-type: none"> . Toàn bộ quy trình sản xuất giống (từ bố mẹ đến con giống) được thực hiện tại Thanh Hóa. . Có ít nhất 100.000 con giống trở lên được đưa vào nuôi thương phẩm, đạt hiệu quả kinh tế tương đương hoặc cao hơn so với con giống mua từ ngoài tỉnh.

T T	Nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung	Kết quả chỉnh sửa, bổ sung
		<p>. Chi phí nghiên cứu, tiếp nhận quy trình sản xuất con giống chưa được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.</p> <p>c/ Cây giống lâm nghiệp (Keo lai, Xoan chịu hạn, Quế Ngọc, Giỏi ăn hạt).</p> <p>. Cây giống được sản xuất bằng công nghệ nuôi cấy mô; toàn bộ quy trình sản xuất được thực hiện trên địa bàn tỉnh.</p> <p>. Cây giống đã được trồng ít nhất 30 ha; cây sinh trưởng phát triển tốt.</p> <p>. Chi phí để sản xuất cây giống chưa được hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước.</p> <p>d/ Dược phẩm mới, thực phẩm chức năng mới được sản xuất từ dược liệu trồng tại Thanh Hóa: quế, cà gai leo, gừng, nghệ, giảo cô lam, gấc.</p> <p>. Toàn bộ dược liệu (là nguyên liệu để sản xuất dược phẩm, thực phẩm chức năng) được trồng tại Thanh Hóa.</p> <p>. Sản phẩm được cơ quan có thẩm quyền cho phép sản xuất; có hợp đồng hoặc phương án tiêu thụ sản phẩm.</p> <p>. Chi phí để nghiên cứu tạo ra sản phẩm mới chưa được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.</p> <p>e) Phần mềm (<i>software</i>) mới (Phục vụ sản xuất, chế biến, phân phối thuộc lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao; Phục vụ thương mại điện tử; Phục vụ công tác quản lý giám sát từ xa mức độ ô nhiễm môi trường; Phục vụ du lịch Thanh Hóa; Quản lý hồ sơ sức khỏe cá nhân):</p> <p>. Có ít nhất 2 cơ quan nhà nước; hoặc 5 tổ chức, doanh nghiệp; hoặc 500 cá nhân đang sử dụng sản phẩm.</p> <p>. Chi phí để tạo ra phần mềm chưa được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.</p> <p>3. Mức hỗ trợ:</p> <p>Hỗ trợ 30% chi phí tạo ra sản phẩm mới; nhưng tối đa không quá:</p> <p>- 700 triệu đồng đối với giống cây trồng mới, con giống thủy sản, cây giống lâm</p>

T T	Nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung	Kết quả chỉnh sửa, bổ sung
		nghiệp. - 500 triệu đồng đối với dược phẩm mới, thực phẩm chức năng mới. - 1 tỷ đồng đối với phần mềm mới.
6.	<p>Chính sách khuyến khích hỗ trợ đổi mới công nghệ - thiết bị để sản xuất một số sản phẩm công nghiệp có khả năng cạnh tranh tốt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cần xác định sản phẩm thực sự cần thiết phải được đổi mới để nâng cao năng suất, chất lượng - Cần xác định công nghệ ứng dụng cho từng sản phẩm phù hợp với chiến lược, định hướng phát triển KH&CN của tỉnh đến 2020 	<p>Đã phối hợp với Sở Công Thương rà soát, xác định 4 sản phẩm cần được khuyến khích hỗ trợ, đổi mới công nghệ - thiết bị là: <i>đá ốp lát xây dựng; thức ăn gia súc; bao bì; chế biến thủy sản.</i></p> <p>1. Đối với các doanh nghiệp khai thác đá ốp lát xây dựng:</p> <p>Hiện nay trên địa bàn tỉnh có khoảng 250 doanh nghiệp đang khai thác và chế biến đá ốp lát xây dựng, nhưng có một bộ phận không nhỏ doanh nghiệp đang sử dụng công nghệ khai thác đá thủ công là nổ mìn, máy nén khí phương pháp khai thác này có nhược điểm rất lớn là lãng phí tài nguyên do khả năng thu hồi tài nguyên thấp, ô nhiễm môi trường và mất an toàn lao động cao.</p> <p>Chính sách này hỗ trợ các doanh nghiệp khai thác đá ốp lát xây dựng đổi mới công nghệ sang công nghệ khai thác đá “cắt dây” để thay thế công nghệ khai thác bằng nổ mìn nhằm khắc phục được những nhược điểm của công nghệ khai thác thủ công.</p> <p>2. Đối với các doanh nghiệp chế biến đá ốp lát xây dựng:</p> <p>Hiện nay các doanh nghiệp chế biến đá ốp lát trên địa bàn tỉnh đang sử dụng công nghệ cắt đá bằng máy cơ. Công nghệ này có nhược điểm là phải sử dụng nhiều lao động, độ chính xác chưa cao dẫn đến lãng phí nhiều vật liệu,...</p> <p>Chính sách này hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ sang công nghệ cắt đá bằng máy CNC (lập trình quá trình cắt trên máy vi tính) để khắc phục nhược điểm của công nghệ cắt đá hiện nay.</p> <p>3. Đối với các doanh nghiệp sản xuất thức</p>

T T	Nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung	Kết quả chỉnh sửa, bổ sung
		<p>ăn gia súc:</p> <p>Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 03 doanh nghiệp đang sản xuất chế biến thức ăn gia súc; các doanh nghiệp đang sử dụng công nghệ của Trung Quốc với giá thành rẻ, công nghệ này còn phải phải sử dụng tương đối nhiều lao động vì chưa tự động hóa hoàn toàn, năng suất chưa thực sự cao, vẫn còn khả năng gây ô nhiễm môi trường, chất lượng sản phẩm chưa thể sánh được với các công nghệ nhập từ Thái Lan và các nước Châu Âu.</p> <p>Chính sách này hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất chế biến thức ăn gia súc từ công nghệ hiện có sang sử dụng máy móc và công nghệ tiên tiến nhập khẩu từ các nước Châu Âu để khắc phục các nhược điểm trên.</p> <p>4. Đối với các doanh nghiệp sản xuất bao bì:</p> <p>Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 06 doanh nghiệp đang sản xuất bao bì; các doanh nghiệp đang sử dụng công nghệ 6 thời vì giá thành rẻ. Công nghệ này phải sử dụng nhiều lao động, năng suất chưa thực sự cao, vẫn còn khả năng gây ô nhiễm môi trường, chất lượng sản phẩm chưa thể sánh được với các công nghệ 8 thời,...</p> <p>Chính sách này hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất bao bì đổi mới công nghệ từ công nghệ 6 thời sang sử dụng công nghệ 8 thời để khắc phục các hạn chế trên.</p> <p>5. Đối với các doanh nghiệp chế biến thủy sản:</p> <p>Hiện nay trên địa bàn tỉnh có khoảng 10 doanh nghiệp đang sản xuất chế biến thủy sản. Các doanh nghiệp đang sử dụng công nghệ máy hút chân không nâng tay vì giá thành máy móc, công nghệ rẻ. Công nghệ này phải sử dụng nhiều lao động, năng suất chưa thực sự cao, độ đồng đều và chất lượng sản phẩm chưa thể sánh được với các công nghệ máy hút chân không băng tải.</p>

T T	Nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung	Kết quả chỉnh sửa, bổ sung
		<p>Đề nghị hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất chế biến thủy sản sang sử dụng công nghệ máy hút chân không băng tải để khắc phục nhược điểm của công nghệ máy hút chân không nâng tay.</p> <p><i>Ngoài các công nghệ cụ thể đã nêu trên, nếu các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm trên mà tiếp nhận công nghệ cao (thuộc danh mục công nghệ cao do pháp luật quy định) thì vẫn được hưởng chính sách</i></p>
7.	<p>Chính sách hỗ trợ tiếp nhận kỹ thuật cao trong chẩn đoán và điều trị:</p> <p>Xác định công nghệ, kỹ thuật cao mà các bệnh viện tư nhân có khả năng tiếp nhận, làm chủ</p>	<p>Đã phối hợp với Sở Y tế xác định các kỹ thuật cao mà bệnh viện tư nhân có khả năng tiếp nhận được đến năm 2020 là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chụp cộng hưởng từ (MRI) 1.5 Tesla. - Xạ trị gia tốc tuyến tính - Siêu âm màu 4D - Chạy thận nhân tạo - Phẫu thuật nội soi
8.	<p>Các chính sách khuyến khích sản xuất sản phẩm có hàm lượng KH&CN cao, tạo đột phá trong ứng dụng KH&CN: cần xem lại tên nhóm chính sách này cho phù hợp với các chính sách cụ thể trong nhóm</p>	<p>Đã chuyển chính sách “2.4 Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao trong bảo quản hải sản đánh bắt xa bờ” vào nhóm chính sách 1.</p> <p>Sau khi chuyển, nhóm chính sách “Khuyến khích sản xuất sản phẩm có hàm lượng KH&CN cao, tạo đột phá trong ứng dụng KH&CN” có 3 chính sách cụ thể là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong sản xuất lúa chất lượng cao theo chuỗi giá trị trên quy mô lớn - Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong sản xuất cam, bưởi theo chuỗi giá trị trên quy mô lớn - Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nuôi tôm chân trắng nước mặn theo chuỗi giá trị trên quy mô lớn. <p>Như vậy, các chính sách cụ thể này đã phù hợp với tên của nhóm chính sách.</p>

T T	Nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung	Kết quả chỉnh sửa, bổ sung
9.	Chính sách nâng cao năng lực KH&CN: cần làm rõ tiêu chí mà các phòng thí nghiệm, thử nghiệm cần đạt được sau khi được đầu tư.	Đã bổ sung điều kiện tiêu chuẩn phòng thí nghiệm, thử nghiệm của doanh nghiệp được hỗ trợ theo chính sách là: <i>Tiêu chuẩn ISO IEC 17025</i> . Đây là tiêu chuẩn về hệ thống quản lý chất lượng áp dụng chuyên biệt cho phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn, do tổ chức quốc tế về tiêu chuẩn hóa ISO (<i>International Organization for Standardization</i>) ban hành. Việt Nam hiện nay đang sử dụng tiêu chuẩn này để công nhận các phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc gia VILAS.

Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo và kính mong nhận được sự quan tâm của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

(Gửi kèm theo Báo cáo này:

- Đề án chính sách phát triển khoa học và công nghệ trở thành đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020;
- Công văn số 2194/SCT-KHTH ngày 18/9/2017 của Sở Công Thương V/v cung cấp thông tin phục vụ hoàn thiện chính sách phát triển khoa học và công nghệ;
- Công văn số 2851/SNN&PTNT-VP ngày 19/9/2017 của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V/v tham gia hoàn thiện đề án "Chính sách khuyến khích phát triển khoa học và công nghệ để công nghệ trở thành đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội;
- Công văn số 5004/STNMT-BVMT ngày 19/9/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường V/v cung cấp thông tin về tình hình quản lý môi trường trên địa bàn tỉnh.
- Công văn số 1229/STTTT-CNTT ngày 20/9/2017 của Sở Thông tin và Truyền thông V/v cung cấp thông tin phục vụ hoàn thiện chính sách phát triển KH&CN;
- Công văn số 2052/SYT-KHTC ngày 20/9/2017 của Sở Y tế V/v Cung cấp thông tin phục vụ chính sách phát triển KH&CN).

Nơi nhận:

- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, QLKH.

GIÁM ĐỐC



Lê Minh Thông

Thanh Hóa, ngày 25 tháng 8 năm 2017

BẢNG TỔNG HỢP, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý
Chính sách khuyến khích phát triển KH&CN để KH&CN trở thành đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020

STT	Tên cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu của cơ quan soạn thảo
1.	Bộ KH&CN	. Tên gọi: Đề án chủ yếu tập trung xem xét chính sách cho một số lĩnh vực phục vụ trực tiếp cho phát triển kinh tế - xã hội nên đề nghị đặt tên là “Một số chính sách.....” sẽ phù hợp hơn với yêu cầu đặt ra.	Đề nghị giữ như dự thảo
		Căn cứ xây dựng Đề án: Đề nghị rà soát lựa chọn và sắp xếp bố cục theo trình tự trong việc liệt kê các văn bản liên quan: Luật - Nghị định - Quyết định của Chính phủ - Thông tư - Quyết định của Bộ trưởng...; nên sắp xếp theo trình tự về thời điểm ban hành văn bản quy phạm. Trong đó, Luật chuyển giao công nghệ đã được xem xét sửa đổi và thông qua tại kỳ họp Quốc hội.....	Đã tiếp thu
		Nên xem xét, tách riêng nội dung đánh giá lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin và cần có đánh giá sâu ở trong các ngành, lĩnh vực bởi đây là một trong những nội dung liên quan đến các lĩnh vực và cần được đặc biệt quan tâm, nhất là hiện đang tập trung triển khai cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (I4.0)	Đã tiếp thu
		- Điều kiện hỗ trợ đề nghị nên quy định theo nội dung, không nên quy định quá chi tiết, có thể sẽ không phù hợp khi có công nghệ mới thích hợp hơn mang lại hiệu quả cao hơn mà lại không được hỗ trợ.	Đã tiếp thu
		Nội dung hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao trong bảo quản hải sản đánh bắt xa bờ (2.4): Chính sách chỉ hướng đến việc nâng cấp hầm bảo quản bằng vật liệu Polyurethan (PU), trong khi về công nghệ bảo quản hải sản đánh bắt xa bờ có khá nhiều công nghệ mới có thể ứng dụng (bảo quản bằng vật liệu PPC; công nghệ bảo quản bằng đá được làm từ nước biển, công nghệ làm đá ngay trên tàu....);	Đã bổ sung

S T T	Tên cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu của cơ quan soạn thảo
		- Về thời gian thực hiện Đề án: Đề nghị xem xét thêm vì đề chính sách đi vào thực tiễn cần phải có thời gian đủ dài, vì vậy nên xem xét ban hành chính sách tối thiểu là 5 năm. (Dự thảo đang quy định thực tế chỉ áp dụng từ 01/10/2018 đến 31/12/2020 là quá ngắn).	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo; sau đó nếu thấy chính sách hiệu quả thì sẽ tiếp tục cho kéo dài thời gian thực hiện
		Cần được làm rõ hơn về nguồn lực để Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết.	Đã tiếp thu
		Trình tự, thủ tục: Nên quy định về nguyên tắc là Hồ sơ đề nghị hỗ trợ cần phải được cơ quan quản lý nhà nước thẩm định các điều kiện trước khi quyết định chấp thuận và thực hiện; sau khi thực hiện xong thì tổ chức chủ trì có báo cáo với cơ quan quản lý để kiểm tra và quyết định cấp kinh phí hỗ trợ.	Đã tiếp thu
2.	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	Mục 1.3.1 (trang 13): Đề nghị viết rõ những sản phẩm có khả năng cạnh tranh tốt, những sản phẩm có hàm lượng KH&CN cao gồm những sản phẩm nào theo Quyết định 4292/QĐ-UBND ngày 05/12/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh	Đã tiếp thu
		Mục 3 (trang 17) Lĩnh vực y dược. Đề nghị sửa "27 bệnh viện tuyến huyện" thành 25 vì bệnh viện tuyến huyện gồm 25 bệnh viện công và 8 bệnh viện tư	Đã tiếp thu
		Mục 1.2.6 nêu trong 4 năm (2018, 2019, 2020, 2021) x 50 tỷ = 200 tỷ đồng. Tuy nhiên tại mục 1 (trang 58) lại nêu thời gian thực hiện chính sách là 3 năm (01/10/2018 – 31/12/2020).	Đã chỉnh sửa
		Mục 2 (trang 37): sửa 30% tàu cá thành 100 tàu để thống nhất với mục 2.4.6 (trang 51)	Đã tiếp thu
		Mục 3.1.5 (trang 54) nêu "có 30 doanh nghiệp X 1 tỷ đồng/doanh nghiệp = 30 tỷ đồng. Tuy nhiên tại mục 2 (trang 38) lại nêu: "Có ít nhất 20 doanh nghiệp đầu tư mới trang, thiết bị kỹ thuật cho tổ chức KH&CN trực thuộc, các phòng thí nghiệm, thử nghiệm.	Đã chỉnh sửa
3.	Liên hiệp các Hội KHKT tỉnh	Bổ sung thời hiệu (thời gian) bắt đầu và kết thúc Đề án; nghiên cứu việc Chính sách KH&CN mà chỉ trong thời gian ngắn (đến năm 2020) sẽ chưa đánh giá hết hiệu quả và tác động không tốt tới các đối tượng có chiến lược đầu tư dài hạn.	- Đã bổ sung thời gian: đến năm 2020 - Thời gian ngắn: đến 2020 sẽ đánh giá, nếu chính sách phát huy hiệu quả sẽ đề nghị cho tiếp tục thực hiện.

S T T	Tên cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu của cơ quan soạn thảo
		Cấu trúc lại phần mở đầu của Đề án	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo để khỏi trùng lặp với phần sự cần thiết
		- Tại trang 5 có đề cập đến cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, nhưng cần bổ sung cho rõ thêm: “Là cuộc cách mạng về sản xuất thông minh dựa trên các thành tựu đột phá trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ nano...với nền tảng là các đột phá của công nghệ số”.	Đã tiếp thu
		Bổ sung một số văn bản vào phần Căn cứ để xây dựng Đề án	Đã tiếp thu
		- Các văn bản đều có cơ quan ban hành, riêng Nghị định số 08/2014/NĐ-CP (trang 6) và nghị định 19/2015/NĐ-CP (trang 7) không có cơ quan ban hành, đề nghị bổ sung.	
		Sửa tên của phần thứ nhất là “Thực trạng nghiên cứu, ứng dụng KH&CN và các chính sách phát triển KH&CN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2016”	Đã tiếp thu
		Cần nêu rõ tổng số nhiệm vụ KH&CN, trong đó số nhiệm vụ cấp nhà nước, cấp tỉnh; tổng kinh phí, trong đó số kinh phí từ nguồn nhà nước, các nguồn khác	Đã tiếp thu
		Tiểu mục 1. Lĩnh vực nông nghiệp: Trong trồng trọt nên trình bày theo từng loại cây trồng, giống cây trồng cụ thể: Giống lúa, giống ngô, giống đậu tương. Nên sắp xếp theo thứ tự: Trồng trọt; Chăn nuôi; Thủy sản; Lâm nghiệp; trong chế biến sau thu hoạch.	Đã tiếp thu
		Cần bổ sung thêm, làm rõ nguyên nhân: các nhiệm vụ KH&CN vẫn còn dàn trải, chưa có tính đột phá, kết quả chậm được triển khai ứng dụng.	
		- Sản xuất nông nghiệp tốt - chăn nuôi: Tại trang 12 và trang 52 chưa chính xác, đề nghị sửa lại là: “VietGAPH”	Đã tiếp thu
		Cần nghiên cứu lại việc bố cục mục 1.3, 2.3, 3.3, 4.3 ở mục I	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo để thấy rõ hiện trạng và nhu cầu, từ đó làm cơ sở để đánh giá, nhận xét chính sách hiện hành và xây

S T T	Tên cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu của cơ quan soạn thảo
			dụng chính sách mới
		Tại trang 16, khổ chữ đầu tiên từ trên xuống, đoạn "...mô hình doanh nghiệp với doanh nghiệp (B2B – Business To Business) và" đề nghị xem xét chỉnh sửa lại.	Đã tiếp thu: " sửa "doanh nghiệp với người dân (B2B)" thành "doanh nghiệp với người dân (B2P)"
		tiêu mục 3.1.1. Về chuẩn đoán và điều trị (trang 17) đề nghị nên thay đề mục bằng tiêu đề "Hệ thống y tế Thanh Hoá và các nghiên cứu ứng dụng KH&CN trong lĩnh vực y, dược"	Đã thay bằng "Về lĩnh vực y tế"
		Sửa lại số liệu kinh phí sự nghiệp khoa học hỗ trợ 45 nhiệm vụ trong y dược từ năm 2011-207 là 7.596,543 tỷ đồng là quá lớn. Số liệu này có nhiều sai khác với khổ thứ 4, khổ 5 (trang 28) đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa.	Đã tiếp thu, chỉnh sửa
		+ Tại dòng cuối cùng trang 19, đề nghị dùng đúng thuật ngữ "Cấy ghép Implant nha khoa".	Đã tiếp thu
		Tại tiêu mục 1.1. Trong lĩnh vực nông nghiệp (trang 21-25), Đề án đã đề cập các Chính sách hỗ trợ giảm tổn thất sau thu hoạch; Chính sách phát triển thủy sản; Chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ. Tuy nhiên, đây là chính sách hỗ trợ mua sắm vật tư, công cụ sản xuất, không có tính chất rõ rệt của áp dụng tiến bộ KH&CN, không đặc trưng là chính sách KH&CN, đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa. Tương tự, trong mục II có đề cập Quyết định 5643/2015/QĐ-UBND về cơ chế, chính sách khuyến khích thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 – 2020. Nội dung chủ yếu là hỗ trợ mua sắm máy móc (không phải công nghệ), không phải hoạt động KH&CN, do vậy cũng không cần đề cập trong Đề án này.	Đã xác định rõ những nội dung về KH&CN trong các chính sách này. - Việc sử dụng máy móc, thiết bị về bản chất cũng là ứng dụng công nghệ, kỹ thuật (được thực hiện thông qua máy móc, thiết bị).
		- Trong lĩnh vực nông nghiệp (trang 22) có đoạn: Hiện nay, Nghị định 210/2013/NĐ-CP đang chuẩn bị được sửa đổi. "Theo dự thảo thì sẽ hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, áp dụng khoa học công nghệ sẽ được hỗ trợ đặc biệt: (1) Hỗ trợ đến 90% đối với: Mua bản quyền công nghệ; Mua công nghệ hoặc mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; Thuê chuyên gia; Thực hiện đề tài nghiên cứu nhằm	Tiếp thu, đưa xuống phần chú thích

S T T	Tên cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu của cơ quan soạn thảo
		tạo ra sản phẩm mới, cải tiến công nghệ... (2) Mức hỗ trợ đến 70% dự án; tối đa là 5 tỷ đồng đối với thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm sản phẩm mới, áp dụng công nghệ mới (3) Hỗ trợ 80%, tối đa 5 tỷ đồng đối với Dự án nhân giống cây trồng bằng công nghệ nuôi cấy mô. (4) Hỗ trợ 70%, tối đa 3 tỷ đồng đối với Dự án sản xuất thử nghiệm giống cây trồng vật nuôi mới có giá trị cao". Đề nghị nên bỏ đoạn này vì đây mới chỉ là dự thảo sửa đổi.	
		Tiêu mục 1.1.2. Chính sách của tỉnh (trang 25) có nhận xét: "Không cần ban hành chính sách mới về KH&CN trong lĩnh vực nông nghiệp mà vẫn có thể thực hiện được nội dung đầy mạnh nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao tiến bộ KHKT trong nông nghiệp đã nêu tại khoản 1.1, mục 1, Phần II của Kế hoạch 169/KH-UBND nếu thực hiện được các giải pháp (trong đề án). Nhận xét này là không hợp lý, vì trong nông nghiệp luôn cần các chính sách có tính đột phá, như: đột phá về tổ chức sản xuất; đột phá về ứng dụng tiến bộ KH&CN; đột phá về chất lượng sản phẩm; đột phá về đầu tư vào nông nghiệp nông thôn, trong đó trọng tâm là đầu tư của các doanh nghiệp.	Đã bổ sung: "Trong điều kiện ngân sách còn hạn hẹp..."
		- Tại tiêu mục 1.2. Trong lĩnh vực y, dược (trang 25): đề nghị bổ sung nhận xét: "Ngành y tế đã có những đột phá, sáng tạo trong phát triển dịch vụ y tế..., nhiều kỹ thuật mới, chuyên sâu được ứng dụng trong khám chữa bệnh. Tuy nhiên, đội ngũ bác sĩ vẫn còn ít, tỷ lệ bác sĩ/vạn dân còn thấp(6,9 bác sĩ/1 vạn dân), so với bình quân chung của cả nước (8 bác sĩ/1 vạn dân)";	Đã bổ sung vào phân kết quả trong lĩnh vực y tế
		Đề án đã đề cập đến chính sách luân chuyển cán bộ, liên doanh mua sắm vật tư, thiết bị, bệnh viện vệ tinh. Đây là chính sách y tế, ít liên quan đến chính sách KH&CN cho nên cũng không nhất thiết đề cập đến trong Đề án, có chăng chỉ các khía cạnh liên quan chặt với chính sách KH&CN thì để lại. Đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa	Thông qua các chính sách này đã chuyển giao được các kỹ thuật từ TW về tỉnh và từ tỉnh xuống huyện. Vì vậy cần có sự đánh giá các chính sách này.
		Tại dòng cuối cùng khổ 1, trang 27 đề nghị bỏ từ "lượt" để được "Năm 2013 tại Thanh Hoá..... đã tiến hành chuyển giao 9 kỹ thuật".	Đã tiếp thu

S T T	Tên cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu của cơ quan soạn thảo
		<p>Tại tiêu mục 1.4. Lĩnh vực bảo vệ môi trường (trang 30-32), việc đề cập đến vấn đề xây dựng cơ sở vật chất xử lý chất thải của tỉnh thì đó là chính sách môi trường, không có nội dung liên quan đến chính sách KH&CN nên có thể không cần đề cập trong Đề án.</p>	<p>Đã tiếp thu</p>
		<p>- Tại tiêu mục.2 (trang 32), phần đề xuất cần nhấn mạnh đến chính sách khuyến khích các doanh nghiệp tiến hành các hoạt động nghiên cứu và phát triển, thành lập các cơ chức KH&CN của mình và phát triển đội ngũ nhân lực KH&CN làm công tác nghiên cứu, ứng dụng KH&CN.</p>	<p>Đã tiếp thu</p>
		<p>d. Tiêu mục III. Nhận xét và đề xuất các chính sách cần ban hành (trang 35): Chỉ cần nói rõ các chính sách cần ban hành; còn những vấn đề không cần ban hành chính sách thì không nên đề cập vào phần này, ví dụ: Không ban hành chính sách riêng cho các dự án đầu tư sản phẩm công nghệ cao.</p>	<p>Đề nghị giữ như dự thảo để thấy tổng quát về các chính sách trong lĩnh vực KH&CN.</p>
		<p>- Mục tiêu chung: Đề nghị chuyển cụm từ: "Nâng cao năng lực KH&CN" lên đầu câu, như vậy mục tiêu chung là: "Nâng cao năng lực KH&CN, đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật; thu hút các dự án sản xuất, kinh doanh sản phẩm có hàm lượng khoa học và công nghệ cao, tạo đột phá về ứng dụng KH&CN".</p>	<p>Đề nghị giữ như dự thảo để phù hợp với thứ tự của 3 nhóm chính sách</p>
		<p>Mục tiêu cụ thể: Đề nghị bám sát Kế hoạch hành động số 169/KH-UBND ngày 09/11/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa, theo đó Mục tiêu cụ thể là: 2.1. Về nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng KH&CN: Thông qua yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) hoạt động KH&CN đóng góp khoảng 30-35% tăng trưởng kinh tế. Tỷ trọng sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao trong tổng GRDP đạt 30% trở lên. Có ít nhất 50 sản phẩm địa phương được xây dựng tiêu chuẩn và được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. 100% các dự án đầu tư mới trên địa bàn tỉnh được thẩm định công nghệ.</p>	<p>Đề nghị giữ như dự thảo vì chính sách này chỉ làm một trong những giải pháp để thực hiện được các mục tiêu lớn của kế hoạch 169/KH-UBND. Ví dụ mục tiêu 100% các dự án đầu tư mới trên địa bàn tỉnh được thẩm định công nghệ sẽ được thực hiện thông qua hoạt động quản lý của Sở KH&CN mà</p>

S T T	Tên cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu của cơ quan soạn thảo
			không cần có chính sách này.
		Đề nghị bỏ các tiêu mục: "Sự cần thiết của chính sách" hoặc "Sự cần thiết" ở tất cả các lĩnh vực được hưởng chính sách.	Đề nghị giữ như dự thảo
		Đề nghị bổ sung: "Dự kiến tác động, hiệu quả của chính sách" trong tất cả các lĩnh vực, đối tượng hưởng chính sách.	Đã tiếp thu
		Đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa, bổ sung một số đối tượng được thụ hưởng chính sách một cách công bằng, khách quan.	Đã tiếp thu
		Không nên đưa ra chính sách Khuyến khích, hỗ trợ nghiên cứu tạo ra sản phẩm mới, mà nên theo hình thức đặt hàng.	Đề nghị giữ như dự thảo vì nếu đặt hàng sẽ bị giới hạn bởi số lượng nhiệm vụ KH&CN
		Tại tiêu mục 1.2 Khuyến khích, hỗ trợ đổi mới công nghệ sản xuất một số sản phẩm công nghiệp chủ lực có khả năng cạnh tranh tốt (trang 40): Về đối tượng, đề nghị bổ sung các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện dự án đầu tư đổi mới công nghệ - thiết bị để sản xuất một trong các sản phẩm..., là các doanh nghiệp hiện đã có dây chuyền công nghệ, thiết bị, cần được đầu tư đổi mới.	Đã tiếp thu
		Tại *Đối với bệnh viện công lập tuyến huyện (trang 43) có 2 kỹ thuật "cắt ghép Implant" (dòng thứ 11 từ trên xuống) và "Cắm ghép Implant nha khoa" (dòng thứ 11 từ trên xuống) đều là 1 kỹ thuật Implant nha khoa, đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa.	Đã tiếp thu
		Tại tiêu mục 2. Chính sách khuyến khích sản xuất sản phẩm có hàm lượng KH&CN cao, tạo đột phá về ứng dụng KH&CN (trang 44): Đề nghị có chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, thành lập doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;	Đã có chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP
		Tiểu mục 3.2. Hỗ trợ thuê chuyên gia KH&CN hoặc tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ của doanh nghiệp (trang 54): Đề nghị bổ sung: Có chính sách xây dựng được 4-5 nhóm chuyên gia KH&CN trên các lĩnh vực KH&CN ưu tiên của tỉnh (nông nghiệp; công nghệ sinh học; y dược; công nghệ thông tin); hỗ trợ chuyên gia	Việc hình thành các nhóm chuyên gia KH&CN nên được thực hiện thông qua các nhiệm vụ KH&CN cụ thể, không thuộc nội dung của chính

S T T	Tên cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu của cơ quan soạn thảo
		KH&CN (không nên thuê tổ chức khoa học và công nghệ).	sách này. - Tiếp thu việc không thuê tổ chức KH&CN
		Bổ sung chính sách hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ đối với các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Lam Sơn - Sao Vàng...	Chính sách này nằm trong chính sách chung về khuyến khích đầu tư vào khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
		- Về quy trình thủ tục đề được hưởng chính sách, đề nghị không nên đưa vào đề án; sau khi chính sách được phê duyệt, đề nghị UBND tỉnh giao cho các sở ngành có liên quan hướng dẫn cụ thể	Đề lại trong dự thảo đề án để thấy được cơ chế vận hành của chính sách.
		Tại tiêu mục 1. Thời gian thực hiện chính sách từ 01/10/2018 – 31/12/2020, đề nghị nghiên cứu có hợp lý không đối với 01 chính sách.	Đã giải trình
		Tại tiêu mục 2. Kinh phí thực hiện chính sách: Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách: 445,2 tỷ đồng; ngân sách tỉnh 100%; đề nghị nghiên cứu tính toán tổng các nguồn kinh phí (Nhà nước, doanh nghiệp, người dân, các nguồn khác); đồng thời đối với từng chính sách đề nghị phải huy động từ các nguồn, xã hội hóa đầu tư cho KH&CN mới có tính khả thi.	Đã tiếp thu
		Cần nghiên cứu, tính toán và đưa ra các đối tượng, điều kiện và tiêu chí được hưởng chính sách khuyến khích, hỗ trợ cho hợp lý, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của tỉnh.	Đã tiếp thu
		Đề nghị cân lý giải tại sao trong Đề án tại Phần thứ nhất chỉ đánh giá có 4 lĩnh vực và tại Phần thứ hai chỉ đề xuất có 3 nhóm chính sách	Phần thứ nhất đánh giá lĩnh vực tương ứng với 5 lĩnh vực được xác định là đột phá trong Kế hoạch 169/KH-UBND - Phần thứ 2 đề xuất 3 nhóm chính sách tương ứng với 3 nội dung trong Kế hoạch 169/KH-UBND
		3. Dự thảo Đề án còn có lỗi in ấn, chính tả,	Đã tiếp thu, chỉnh

S T T	Tên cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu của cơ quan soạn thảo
		trùng lặp chữ viết; số liệu chưa chính xác... đề nghị xem xét, chỉnh sửa lại.	Sửa
		Đề nghị bổ sung danh mục các từ viết tắt của Đề án.	Đã bổ sung
4.	Sở Tư pháp	Đối với mỗi chính sách cụ thể (ở phần II), dự thảo nêu “sự cần thiết của chính sách” là chưa phù hợp. Đề nghị nêu sự cần thiết tại phần I của dự thảo.	Đề nghị giữ như dự thảo để thấy sự cần thiết của mỗi chính sách cụ thể
		<i>Trang trại</i> không phải là đối tượng hỗ trợ	Đã tiếp thu
		Bỏ nội dung kinh phí thực hiện chính sách (khoản 2, mục III, phần II)	Đã tiếp thu, sửa mục này thành tổng kinh phí để thực hiện chính sách
		Bỏ phần III. Tổ chức thực hiện	Đề nghị được giữ lại
5.	Sở NN&PTN T	Mục tiêu cụ thể (trang 37), nên bổ sung giới hạn về thời gian	Đã tiếp thu
		Mục 2.1.2. Đối tượng và điều kiện hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao, quy trình sản xuất nông nghiệp tốt trong sản xuất cam, bưởi theo chuỗi giá trị quy mô lớn (trang 45) sửa cụm từ : Áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP, GlobalGAP) thành “Áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP, GlobalGAP) và được chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền”.	Đã tiếp thu
		Mục 2.1.5. Trình tự, thủ tục hỗ trợ (trang 46): Bổ sung thêm “Có hồ sơ theo dõi quá trình sản xuất theo quy định của tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP”.	Đã tiếp thu
		Tại mục 2.2.2. Đối tượng và điều kiện hỗ trợ (trang 47) đề nghị sửa đổi như sau: + Quy mô diện tích: diện tích trồng tập trung tối thiểu 10 ha; + Áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP, GlobalGAP) và được chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền”.	Đã tiếp thu
		+ Mức hỗ trợ, đề nghị nâng từ 3 tỷ lên 5 đồng/ dự án (lý do, cây ăn quả đặc biệt là cam, bưởi đòi hỏi đầu tư cao, thời gian thiết kế cơ bản dài đồng nghĩa với thời gian cho sản phẩm muộn).	Đề nghị giữ mức 3 tỷ đồng
		- Mục 2.2.5. Trình tự, thủ tục hỗ trợ (trang 48): Bổ sung thêm “Có hồ sơ theo dõi quá trình sản	Đã tiếp thu

S T T	Tên cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu của cơ quan soạn thảo
		xuất theo quy định của tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP”	
		- Mục 2.3.2. Đối tượng và điều kiện hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nuôi tôm chân trắng theo chuỗi giá trị cao: nên bỏ yêu cầu “Sản phẩm được công bố TCCL có nhãn hàng hóa và tem truy xuất nguồn gốc cũng như nội dung liên quan đến tem truy xuất nguồn gốc như chỉ phí dán tem, hợp đồng dán tem”, vì thực tế sản phẩm tôm nuôi hiện nay tại Thanh Hóa chủ yếu được bán theo hình thức tươi sống, việc gắn nhãn hàng hóa và tem truy xuất là không khả thi.	Đã tiếp thu
		- Đề nghị thêm “Mục IV. Hiệu quả chính sách”, theo đó dự kiến kết quả chính sách mang lại về các lĩnh vực: Hiệu quả kinh tế; hiệu quả xã hội và hiệu quả về môi trường.	Đã đánh giá hiệu quả của từng chính sách
6.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Nghiên cứu lại sản phẩm lựa chọn hỗ trợ đổi mới công nghệ sản xuất đối với một số sản phẩm (chế biến tinh bột sắn, đường kết tinh, giấy, chiếu cói) chưa sử dụng hết công suất sản xuất, thiếu nguyên liệu sản xuất và không mang lại giá trị kinh tế lớn.	Đã tiếp thu, bỏ các sản phẩm: chế biến tinh bột sắn, đường kết tinh, giấy, chiếu cói
		Nghiên cứu lại mức hỗ trợ 70% và mức hỗ trợ tối đa 3 tỷ đồng theo Điều 9 Nghị định 210/2013/NĐ-CP được áp dụng đối với hỗ trợ sản xuất lúa chất lượng cao, cam, bưởi, tôm chân trắng theo quy mô lớn.	Mức hỗ trợ 70% áp dụng theo Điểm c, khoản 1, Điều 9: “c) Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu tạo ra công nghệ mới do doanh nghiệp chủ trì thực hiện nhằm thực hiện dự án, hoặc doanh nghiệp mua bản quyền công nghệ thực hiện dự án”. Mức hỗ trợ tối đa 3 tỷ đồng áp dụng theo khoản 3 Điều 9: “3. Các khoản hỗ trợ đối với các dự án được cấp có

S T T	Tên cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu của cơ quan soạn thảo
			thẩm quyền phê duyệt quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này được lấy từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia và Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các bộ, tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương và từ nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo Nghị định này, mức hỗ trợ tối đa không quá 3 tỷ đồng/dự án.”
		Nghiên cứu xây dựng dự toán kinh phí thực hiện đảm bảo tính khả thi trong điều kiện ngân sách tỉnh còn hạn hẹp	Đã tiếp thu
7.	Sở Tài chính	1. Về kinh phí thực hiện: Tổng kinh phí thực hiện chính sách 445,2 tỷ đồng là quá lớn so với khả năng ngân sách	Đã tiếp thu, giảm dự toán
		2. Tổ chức thực hiện: đề nghị sửa lại: a) Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ: a. Chủ trì, phối hợp với sở Tài chính ... cho đối tượng hỗ trợ b. Hàng năm, tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ, xây dựng dự toán kinh phí, gửi sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện b) Trách nhiệm của Sở Tài chính: c) Sau khi Đề án được phê duyệt, hàng năm Sở Tài chính thẩm định dự toán kinh phí do Sở KH&CN lập, trình UBND tỉnh, HĐND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện đề án.	Đã tiếp thu
8.	Sở Công Thương	Điều kiện được hưởng hỗ trợ đối với việc tạo ra giống con nuôi đặc sản: bổ sung điều kiện phải được cơ quan có thẩm quyền công nhận	Đã tiếp thu
		Thủ tục hỗ trợ: bổ sung giấy chứng nhận sản	Đã tiếp thu

S T T	Tên cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu của cơ quan soạn thảo
		phẩm hợp quy đối với các sản phẩm mới	
		Bỏ sản phẩm ván ép khỏi đối tượng thụ hưởng chính sách; bổ sung sản phẩm đá ốp lát xây dựng	Đã tiếp thu
		Điều kiện hỗ trợ đổi mới công nghệ, thiết bị: nên áp dụng đối với tổng mức đầu tư công nghệ thiết bị trên 5 tỷ đồng	Đã tiếp thu
		Thủ tục hỗ trợ đổi mới công nghệ: bổ sung đơn đề nghị	Đã tiếp thu
		Thủ tục hỗ trợ mua sắm trang thiết bị kỹ thuật: bổ sung Hợp đồng mua sắm trang thiết bị	Đã tiếp thu
		Giao Sở KH&CN chủ trì, các sở, ngành liên quan phối hợp trong việc hướng dẫn lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ	Đã tiếp thu
9.	Sở Tài nguyên môi trường	<p>- Mục 1.4, trang 30, Lĩnh vực bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu: + Chính sách của Trung ương: Đề nghị bổ sung đánh giá việc triển khai thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ theo Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Nghị định số 04/2009/NĐ-CP ngày 14/01/2009 của Chính phủ về ưu đãi hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường; Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>+ Chính sách của tỉnh Thanh Hóa: Đề nghị bổ sung đánh giá việc triển khai thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ theo Nghị quyết số 23/2011/NQ-HĐND ngày 17/12/2011 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Thanh Hóa về một số chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 4294/2011/QĐ-UBND ngày 21/12/2011 của UBND tỉnh quy định một số chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.</p>	<p>- Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường: không có nội dung khuyến khích về KH&CN nên không đánh giá.</p> <p>- Nghị định số 04/2009/NĐ-CP ngày 14/01/2009 của Chính phủ về ưu đãi hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường: đã hết hiệu lực thi hành nên không đánh giá.</p> <p>- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ</p>

S T T	Tên cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu của cơ quan soạn thảo
			<p>môi trường: không quy định cụ thể về lĩnh vực KH&CN</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 23/2011/NQ-HĐND ngày 17/12/2011 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Thanh Hóa về một số chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa: không quy định nội dung về KH&CN trong môi trường. - Quyết định số 4294/2011/QĐ-UBND ngày 21/12/2011 của UBND tỉnh quy định một số chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa: không quy định nội dung về KH&CN trong môi trường
		Chính sách, đối tượng, điều kiện và mức hỗ trợ thuộc thẩm quyền quyết định ban hành của Hội đồng nhân dân tỉnh	- Tiếp thu (sau khi thông qua đề án thì sẽ xây dựng Nghị quyết của HĐND để ban hành)
		Nghiên cứu bổ sung chính sách khuyến khích trong ngành công nghiệp- xây dựng, dịch vụ	- Đã có chính sách hỗ trợ đổi mới công

S T T	Tên cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu của cơ quan soạn thảo
			nghệ - thiết bị (có sản phẩm của ngành công nghiệp – xây dựng). - Các ngành dịch vụ: đã có y tế, du lịch (chính sách hỗ trợ sản phẩm phần mềm mới phục vụ phát triển du lịch).
		Lựa chọn một vài sản phẩm nông nghiệp có tính chiến lược của tỉnh chưa có chính sách khuyến khích hỗ trợ của Trung ương để ban hành chính sách của tỉnh	Các sản phẩm nông nghiệp trong đề án đã được Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thống nhất lựa chọn.
		Áp dụng mức hỗ trợ tạo ra giống lúa mới tại Quyết định 5637/2015/QĐ-UBND để tính mức hỗ trợ trong ngành công nghiệp, công nghệ thông tin, y dược là không phù hợp	700 triệu đồng là mức hỗ trợ tối đa (do khả năng bố trí ngân sách của tỉnh); còn mức hỗ trợ là 30% chi phí tạo ra sản phẩm.
		Còn nhiều lỗi chính tả	Đã rà soát, chỉnh sửa
10.	Sở Y tế	Trong lĩnh vực công nghệ thông tin, bổ sung “tập trung nghiên cứu sản xuất phần mềm, nội dung số nhằm hỗ trợ phát triển y tế (ưu tiên phần mềm quản lý sức khỏe hộ gia đình, phần mềm quản lý các bệnh không lây nhiễm; phần mềm quản lý chất lượng bệnh viện, phần mềm ứng dụng quản lý VSATTP, quản lý thuốc, dược liệu và Y tế dự phòng”.	Đã tiếp thu
		Sửa “tiếp nhận 7 kỹ thuật cao tuyến trung ương vào bệnh viện tuyến tỉnh và tư nhân và 9 kỹ thuật cho các bệnh viện tuyến huyện” thành “có ít nhất 30% kỹ thuật cao tuyến trung ương được thực hiện tại bệnh viện tuyến tỉnh và tư nhân và 10% kỹ thuật cao tuyến tỉnh được thực hiện tại tuyến huyện”	Giữ như dự thảo vì đã có số lượng và danh mục kỹ thuật cụ thể
		Bổ sung thêm “Có ít nhất 2 bệnh viện tuyến tỉnh đầu tư mới”	Đầu tư bệnh viện không thuộc phạm vi của chính sách này

S T T	Tên cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu của cơ quan soạn thảo
11.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Việc sử dụng cụm từ “đột phá” ở tên của Đề án chưa rõ ý, và chưa tương xứng với nội dung của các chính sách đã đề ra. Có thể chỉnh sửa tên của Đề án thành: “Chính sách khuyến khích phát triển một số lĩnh vực khoa học và công nghệ góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế-xã hội” cho phù hợp hơn với nội dung của Đề án.	Đề nghị được giữ nguyên như dự thảo
		Đề nghị rà soát lại phân căn cứ xây dựng Đề án cho phù hợp hơn.	Đã tiếp thu
		Cần rà soát về thể thức văn bản theo đúng quy định tại Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ Nội vụ	Đã tiếp thu
12.	Cục Thống kê	Bổ sung nội dung việc thực hiện Quyết định số 2395/QĐ-TTg về Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ ở trong nước và ngoài nước bằng ngân sách nhà nước, để làm rõ kết quả thực hiện chính sách về phát triển nhân lực Khoa học và Công nghệ trên địa bàn tỉnh.	Đã tiếp thu
		Bổ sung Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư và được khuyến khích phát triển theo Quyết định số 66/2014/QĐ-TTg, ngày 25/11/2014, về việc phê duyệt Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư và phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển.	Đã tiếp thu
13.	Hiệp Hội doanh nghiệp Tỉnh Thanh Hóa	Nên minh họa bằng các bảng số liệu	Đã tiếp thu
		Cần nêu sự cần thiết trên cơ sở các nội dung: vai trò quan trọng của KH&CN trong phát triển kinh tế xã hội; tồn tại hạn chế trong phát triển KH&CN của tỉnh	Đã tiếp thu
		Sửa III. Nhận xét và đề xuất các chính sách cần ban hành” thành “Đánh giá và đề xuất các chính sách cần ban hành”	Đề nghị giữ nguyên vì nếu thay đổi như vậy sẽ trùng với mục II
		Nên trình bày theo logic: Đối tượng, điều kiện hỗ trợ Nội dung, mức hỗ trợ và thời điểm hỗ trợ Cơ sở xác định mức hỗ trợ - Trình tự, thủ tục hỗ trợ	Đã tiếp thu
		Sửa thời gian thực hiện chính sách	Đã tiếp thu

S T T	Tên cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu của cơ quan soạn thảo
14.	Trung tâm xúc tiến đầu tư thương mại và du lịch	Bổ sung chính sách hỗ trợ doanh nghiệp KH&CN giới thiệu, quảng bá các sản phẩm, xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường tiêu thụ (chi phí quảng cáo doanh nghiệp, chi phí tham gia triển lãm, hội chợ trong và ngoài nước)	Nội dung hỗ trợ này không thuộc lĩnh vực KH&CN
15.	Sở Lao động Thương binh và xã hội	Thông nhất dự thảo	
16.	Sở Văn hóa thể thao du lịch	Thông nhất dự thảo	
17.	Đài phát thanh truyền hình	Thông nhất dự thảo	
18.	Sở Giao thông Vận tải	Thông nhất dự thảo	
19.	Cục Thuế	Thông nhất dự thảo	
20.	Ban quản lý Khu Kinh tế Nghị Sơn	Thông nhất dự thảo	
21.	Sở Xây dựng	Thông nhất dự thảo	
22.	Sở Ngoại vụ	Thông nhất dự thảo	
23.	Sở Nội vụ	Thông nhất dự thảo	
24.	Sở Thông tin và truyền thông	Thông nhất dự thảo	
25.	Ban Dân tộc	Thông nhất dự thảo	

Số: 789 /BC-LHH

Thanh Hoá, ngày 17 tháng 7 năm 2017

BÁO CÁO TỔNG HỢP PHẢN BIỆN

Đề án Chính sách khuyến khích phát triển khoa học
và công nghệ để khoa học và công nghệ trở thành khâu đột phá trong
phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hoá

Thực hiện nhiệm vụ Chủ tịch UBND tỉnh giao tại Văn bản số 1820/UBND-NN ngày 24/2/2017 về việc giao nhiệm vụ phản biện các đề án, quy hoạch, chương trình năm 2017 cho Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hoá, trong đó có Đề án: "Chính sách khuyến khích phát triển khoa học và công nghệ để khoa học và công nghệ trở thành khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hoá" (sau đây viết tắt là Đề án).

Căn cứ Công văn số 658/SKHCN-TCKH ngày 06 tháng 07 năm 2017 của Sở Khoa học và Công nghệ kèm theo tài liệu (Dự thảo Đề án; Tổng hợp các ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành), Hội đồng khoa học phản biện, Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hoá đã họp, xin tổng hợp báo cáo kết quả phản biện Đề án như sau:

I. CÁC NỘI DUNG ĐẠT YÊU CẦU:

1. Đề án được đóng quyển, với tổng số 60 trang A4. Bộ cục gồm mở đầu và 3 phần, phần thứ nhất: Thực trạng nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ (KH&CN) trong phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) trên địa bàn tỉnh; Phần thứ hai: Chính sách khuyến khích phát triển KH&CN để KH&CN trở thành đột phá trong phát triển KT - XH; Phần thứ ba: Tổ chức thực hiện; trong đó có các đề mục và từng nội dung cụ thể; đặc biệt là Phần thứ nhất đã đánh giá thực trạng công tác nghiên cứu, ứng dụng KH&CN, những kết quả nổi bật của các chính sách khuyến khích phát triển KH&CN giai đoạn 2011-2016 và Phần thứ hai đã nêu ra được mục tiêu, nội dung, đối tượng, định mức và qui trình triển khai các chính sách khuyến khích, phát triển KH&CN để KH&CN trở thành đột phá trong phát triển KT-XH của tỉnh với những số liệu mới, rõ ràng và tin cậy. Nội dung Đề án có tính kế thừa, khoa học và khả thi.

2. Đề án đã tiếp thu các ý kiến của các sở, ngành, đơn vị có liên quan để chỉnh sửa, bổ sung. Tuy nhiên, vẫn còn một số vấn đề, nội dung cần chỉnh sửa, bổ

sung và hoàn thiện để Đề án có cơ sở khoa học, trình duyệt và khả thi khi triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

II. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN CHỈNH SỬA, BỔ SUNG:

1. Về tên đề án: Đề nghị bổ sung thời hiệu (thời gian) bắt đầu và kết thúc Đề án; đồng thời đề nghị nghiên cứu việc Chính sách KH&CN mà chỉ trong thời gian ngắn (đến năm 2020) sẽ chưa đánh giá hết hiệu quả và tác động không tốt tới các đối tượng có chiến lược đầu tư dài hạn.

2. Phần Mở đầu

- Đề nghị cấu trúc lại phần mở đầu của Đề án với các mục: (1) Sự cần thiết xây dựng đề án (lấy phần mở đầu: KH&CN có một vai trò quan trọng... đóng góp xứng đáng vào sự phát triển KT – XH của tỉnh). (2) Những căn cứ xây dựng đề án (chuyên các ý trong mục sự cần thiết: Nghị quyết Đại hội Đảng bộ; Kế hoạch hành động... vào mục này).

- Tại trang 5 có đề cập đến cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, nhưng cần bổ sung cho rõ thêm: “Là cuộc cách mạng về sản xuất thông minh dựa trên các thành tựu đột phá trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ nano...với nền tảng là các đột phá của công nghệ số”.

- Đề nghị khi nói về vai trò của KH&CN trong đóng góp cho GRDP cần nói rõ là chính sách KH&CN là nhằm nâng cao tỷ trọng đóng góp của KH&CN cho tăng trưởng GRDP cao hơn các yếu tố khác như vốn và lao động.

- Tại Mục II. Căn cứ để xây dựng Đề án (trang 6-10) đề nghị bổ sung các văn bản sau:

+ Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 31/10/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

+ Quyết định số 1342/QĐ-TTg, ngày 05/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia.

+ Quyết định số 2457/QĐ-TTg, ngày 31/12/2010 về việc phê duyệt Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020.

+ Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 21/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020”.

+ Quyết định 1062/QĐ-TTg, ngày 14/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020.

+ Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04/5/2017 của Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

+ Quyết định số 832/2017/QĐ-UBND ngày 21/3/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc qui định thực hiện chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, thủ công nghiệp và thương mại tỉnh Thanh Hóa theo Nghị quyết số 29/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Các văn bản đều có cơ quan ban hành, riêng Nghị định số 08/2014/NĐ-CP (trang 6) và nghị định 19/2015/NĐ-CP (trang 7) không thấy có cơ quan ban hành, đề nghị bổ sung.

3. Phần thứ nhất: Thực trạng nghiên cứu, ứng dụng KH&CN trong phát triển KT-XH trên địa bàn tỉnh (trang 11 – 36)

a. Về tên của phần thứ nhất: Đề nghị chỉnh sửa lại là “*Thực trạng nghiên cứu, ứng dụng KH&CN và các chính sách phát triển KH&CN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2016*” vì phần thứ nhất hiện có 02 mục, là: “I. Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KH&CN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2016” và “II. Đánh giá các chính sách hiện hành về phát triển KH&CN”.

b. *Tại Mục I (trang 11):* Cần nêu rõ tổng số nhiệm vụ KH&CN, trong đó số nhiệm vụ cấp nhà nước, cấp tỉnh; tổng kinh phí, trong đó số kinh phí từ nguồn nhà nước, các nguồn khác; giai đoạn này tổng kinh phí chi cho thực hiện các nhiệm vụ KH&CN chiếm bao nhiêu % chi ngân sách nhà nước....

- *Tiểu mục 1. Lĩnh vực nông nghiệp (trang 11):* Trong trồng trọt nên trình bày theo từng loại cây trồng, giống cây trồng cụ thể: Giống lúa, giống ngô, giống đậu tương ... (trong đề án trình bày không logic). Nên sắp xếp theo thứ tự: Trồng trọt; Chăn nuôi; Thủy sản; Lâm nghiệp; chế biến sau thu hoạch. Phần này kết quả các nhiệm vụ KH&CN nhiều, nhưng số liệu ít, đánh giá còn hạn chế; chưa tìm ra được kết quả nghiên cứu các nhiệm vụ KH&CN đã có tính đột phá chưa? cần bổ sung thêm, làm rõ nguyên nhân: các nhiệm vụ KH&CN vẫn còn dàn trải, chưa có tính đột phá, kết quả chậm được triển khai ứng dụng. Là cơ sở để đề ra chính sách có tính đột phá.

- Sản xuất nông nghiệp tốt - chăn nuôi: Tại trang 12 và trang 52 chưa chính xác, đề nghị sửa lại là: “VietGAP”

- *Tiểu mục 1.3. Sản phẩm, công nghệ và tiêu chuẩn cần được khuyến khích áp dụng để tạo đột phá trong sản xuất nông nghiệp (trang 13): Các sản phẩm nông nghiệp cần được khuyến khích ứng dụng công nghệ cao, tiêu chuẩn cao để tạo đột phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả:* Đưa ra 2 phương án (Phương án 1, gồm tất cả những sản phẩm có khả năng cạnh tranh tốt, có hàm lượng KH&CN cao...; Phương án 2, gồm một số sản phẩm có khả năng cạnh tranh tốt, có hàm lượng KH&CN cao; *Các công nghệ cần được khuyến khích nghiên cứu, ứng dụng trong sản xuất nông nghiệp để tạo đột phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả; Các tiêu*

chuẩn cần được khuyến khích ứng dụng trong sản xuất nông nghiệp để tạo đột phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả. Mục này bố trí ở phần này là không hợp lý, vì đây là phần Thực trạng..., phải chỉ ra được kết quả (mà không khuyến cáo là *cần*): Công nghệ cao, tiêu chuẩn cao đã áp dụng để tạo ra các sản phẩm có tính đột phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả. Vì vậy việc đưa ra các phương án để lựa chọn là không phù hợp (*lựa chọn phương án 2: gồm một số sản phẩm có khả năng cạnh tranh tốt, có hàm lượng KH&CN cao*).

- *Tiểu mục 2. Lĩnh vực công nghiệp, công nghệ thông tin (trang 14)*: Việc bố trí nội dung ở mục 2.3. Định hướng đổi mới công nghệ - thiết bị, sản xuất phần mềm, nội dung số để tạo đột phá trong sản xuất công nghiệp, công nghệ thông tin, gồm các tiểu mục:

+ *2.3.1 Trong lĩnh vực Công nghiệp* (a. Sản phẩm trong lĩnh vực công nghiệp cần được khuyến khích ứng dụng công nghệ cao, tiêu chuẩn cao để tạo đột phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả) và đưa ra 2 phương án (* Phương án 1: là *tất cả* các sản phẩm công nghiệp có khả năng cạnh tranh tốt; * Phương án 2: là *một số* sản phẩm công nghiệp có khả năng cạnh tranh tốt đã được xác định trong Đề án tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến 2025) để lựa chọn phương án 2;

+ *2.3.2 Trong lĩnh vực công nghệ thông tin* (tập trung nghiên cứu, sản xuất phần mềm, nội dung số nhằm: Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao (tự động tính toán, điều hành nhu cầu nước, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật...); phát triển thương mại điện tử, du lịch, y tế.

Cách bố cục này là không hợp lý (vì phần này đang trình bày hiện trạng). Tương tự cách bố cục đối với các tiểu mục 3.3 (trang 19) và tiểu mục 4.3 (trang 21), đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa.

- Tại trang 16, khổ chữ đầu tiên từ trên xuống, đoạn "...mô hình doanh nghiệp với doanh nghiệp (B2B – Business To Business) và doanh nghiệp với người dân (B2B)" đề nghị xem xét chỉnh sửa lại.

- Tại tiểu mục 3. Về lĩnh vực y, dược (trang 17-20):

+ Tại tiểu mục 3.1.1. Về chuẩn đoán và điều trị (trang 17) đề nghị nên thay đề mục bằng tiêu đề "Hệ thống y tế Thanh Hoá và các nghiên cứu ứng dụng KH&CN trong lĩnh vực y, dược" vì nội dung của tiểu mục này không đề cập đến việc chuẩn đoán và điều trị; đồng thời đề nghị bổ sung hệ thống y tế dự phòng (bao gồm các trung tâm tuyến tỉnh và tuyến huyện); bổ sung nhân lực ngành dược.

+ Đề nghị bổ sung thêm vào tiểu mục 3.3.1 về y học dự phòng, đây chính là việc nghiên cứu khống chế các bệnh dịch, chẩn đoán nhanh, phát hiện sớm các bệnh như: SAT, cúm A H5N1, các bệnh tay chân miệng... Ứng dụng các kỹ thuật xét

nghiệm, chẩn đoán sinh học phân tử, phân lập chính xác các chủng vi rút, vi khuẩn gây dịch, các phương pháp giúp giám sát phát hiện dịch chủ động, các kỹ thuật, thiết bị phục vụ kiểm dịch về vệ sinh môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm trước tác động ngày càng lớn của biến đổi khí hậu.

+ Tại khổ đầu (trang 18): Đề nghị xem sửa lại số liệu kinh phí sự nghiệp khoa học hỗ trợ 45 nhiệm vụ trong lịch vực y dược từ năm 2011-2017 là 7.596,543 tỷ đồng là quá lớn. Số liệu này có nhiều sai khác với khổ thứ 4, khổ 5 (trang 28) đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa.

+ Tại dòng cuối cùng trang 19, đề nghị dùng đúng thuật ngữ "Cấy ghép Implant nha khoa".

- Trong tiêu mục I đề nghị cần xem kỹ lại nội dung của Hạn chế và Nguyên nhân để tránh lẫn giữa 2 nội dung này với nhau. Cần rút ra nguyên nhân của thành công (đạt được kết quả thời gian qua) và rút ra nguyên nhân của sự hạn chế, không thành công vừa qua từ giác độ chính sách KH&CN đã triển khai thực hiện.

c. Tại mục II: Đánh giá các chính sách hiện hành về phát triển KH&CN (trang 21 – 35):

- Mục này chủ yếu mới chỉ liệt kê tình hình thực hiện các chính sách hiện hành là chủ yếu, cần đánh giá sâu thêm những bất cập trong các chính sách hiện hành, những khó khăn trong thực hiện chính sách, những tác động tích cực của chính sách.

- Tại tiêu mục 1.1. Trong lĩnh vực nông nghiệp (trang 21-25), Đề án đã đề cập các Chính sách hỗ trợ giảm tổn thất sau thu hoạch; Chính sách phát triển thủy sản; Chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ. Tuy nhiên, đây là chính sách hỗ trợ mua sắm vật tư, công cụ sản xuất, không có tính chất rõ rệt của áp dụng tiến bộ KH&CN, không đặc trưng là chính sách KH&CN, đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa. Tương tự, trong mục II có đề cập Quyết định 5643/2015/QĐ-UBND về cơ chế, chính sách khuyến khích thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 – 2020. Nội dung chủ yếu là hỗ trợ mua sắm máy móc (không phải công nghệ), không phải hoạt động KH&CN, do vậy cũng không cần đề cập trong Đề án này.

- Trong lĩnh vực nông nghiệp (trang 22) có đoạn: "Hiện nay, Nghị định 210/2013/NĐ-CP đang chuẩn bị được sửa đổi. Theo dự thảo thì sẽ hoạt động nghiên cứu, chuyên gia, áp dụng khoa học công nghệ sẽ được hỗ trợ đặc biệt: (1) Hỗ trợ đến 90% đối với: Mua bản quyền công nghệ; Mua công nghệ hoặc mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; Thuê chuyên gia; Thực hiện đề tài nghiên cứu nhằm tạo ra sản phẩm mới, cải tiến công nghệ... (2) Mức hỗ trợ đến 70% dự án; tối đa là 5 tỷ đồng đối với thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm sản

phẩm mới, áp dụng công nghệ mới (3) Hỗ trợ 80%, tối đa 5 tỷ đồng đối với Dự án nhân giống cây trồng bằng công nghệ nuôi cấy mô. (4) Hỗ trợ 70%, tối đa 3 tỷ đồng đối với Dự án sản xuất thử nghiệm giống cây trồng vật nuôi mới có giá trị cao". Đề nghị nên bỏ đoạn này vì đây mới chỉ là dự thảo sửa đổi.

- Tiêu mục 1.1.2. Chính sách của tỉnh (trang 25) có nhận xét: "Không cần ban hành chính sách mới về KH&CN trong lĩnh vực nông nghiệp mà vẫn có thể thực hiện được nội dung đầy mạnh nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao tiến bộ KHKT trong nông nghiệp đã nêu tại khoản 1.1, mục 1, Phần II của Kế hoạch 169/KH-UBND nếu thực hiện được các giải pháp (trong đề án). Nhận xét này là không hợp lý, vì trong nông nghiệp luôn cần các chính sách có tính đột phá, như: **đột phá về tổ chức sản xuất; đột phá về ứng dụng tiến bộ KH&CN; đột phá về chất lượng sản phẩm; đột phá về đầu tư vào nông nghiệp nông thôn, trong đó trọng tâm là đầu tư của các doanh nghiệp.**

- Tại tiêu mục 1.2. Trong lĩnh vực y, dược (trang 25): đề nghị bỏ sung nhận xét: "Ngành y tế đã có những đột phá, sáng tạo trong phát triển dịch vụ y tế..., nhiều kỹ thuật mới, chuyên sâu được ứng dụng trong khám chữa bệnh. Tuy nhiên, đội ngũ bác sĩ vẫn còn ít, tỷ lệ bác sĩ/vạn dân còn thấp (6,9 bác sĩ/1 vạn dân), so với bình quân chung của cả nước (8 bác sĩ/1 vạn dân)"; đồng thời trong tiêu mục này Đề án đã đề cập đến chính sách luân chuyển cán bộ, liên doanh mua sắm vật tư, thiết bị, bệnh viện vệ tinh. Đây là chính sách y tế, ít liên quan đến chính sách KH&CN cho nên cũng không nhất thiết đề cập đến trong Đề án, có chăng chỉ các khía cạnh liên quan chặt với chính sách KH&CN thì để lại. Đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa.

- Tại dòng cuối cùng khổ 1, trang 27 đề nghị bỏ từ "*lượt*" để được "Năm 2013 tại Thanh Hoá..... đã tiến hành chuyển giao 9 kỹ thuật".

- Tại tiêu mục 1.4. Lĩnh vực bảo vệ môi trường (trang 301-32), việc đề cập đến vấn đề xây dựng cơ sở vật chất xử lý chất thải của tỉnh thì đó là chính sách môi trường, không có nội dung liên quan đến chính sách KH&CN nên có thể không cần đề cập trong Đề án.

- Đề nghị bỏ mục 1.5 vì trên thực tế không có nội dung.

- Tại tiêu mục.2 (trang 32), phần đề xuất cần nhấn mạnh đến chính sách khuyến khích các doanh nghiệp tiến hành các hoạt động nghiên cứu và phát triển, thành lập các tổ chức KH&CN của mình và phát triển đội ngũ nhân lực làm công tác nghiên cứu, ứng dụng KH&CN.

d. Tiêu mục III. Nhận xét và đề xuất các chính sách cần ban hành (trang 35): Chỉ cần nói rõ các chính sách cần ban hành; còn những vấn đề không cần ban hành chính sách thì không nên đề cập vào phần này, ví dụ: Không ban hành chính sách riêng cho các dự án đầu tư sản phẩm công nghệ cao.

4. Phần thứ 2: Chính sách khuyến khích phát triển KH&CN để KH&CN trở thành đột phá trong phát triển KT-XH (trang 37-59).

a. Tại Mục I. Mục tiêu (trang 37-38):

- Mục tiêu chung: Đề nghị chuyển cụm từ: "Nâng cao năng lực KH&CN" lên đầu câu, như vậy mục tiêu chung là: "Nâng cao năng lực KH&CN, đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật; thu hút các dự án sản xuất, kinh doanh sản phẩm có hàm lượng khoa học và công nghệ cao, tạo đột phá về ứng dụng KH&CN".

- Mục tiêu cụ thể: Đề nghị bám sát Kế hoạch hành động số 169/KH-UBND ngày 09/11/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa, theo đó Mục tiêu cụ thể là:

2.1. Về nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng KH&CN:

- Thông qua yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) hoạt động KH&CN đóng góp khoảng 30-35% tăng trưởng kinh tế.

- Tỷ trọng sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao trong tổng GRDP đạt 30% trở lên.

- Có ít nhất 50 sản phẩm địa phương được xây dựng tiêu chuẩn và được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

- 100% các dự án đầu tư mới trên địa bàn tỉnh được thâm định công nghệ.

2.2. Về nâng cao năng lực KH&CN

Đầu tư cơ sở vật chất cho các tổ chức KH&CN công lập; Các phòng thí nghiệm, thử nghiệm...; Doanh nghiệp KH&CN; Các nhóm chuyên gia KH&CN; Xây dựng hạ tầng cho các Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao...

b. Tại mục II. Các chính sách cụ thể (trang 38-58)

- Đề nghị bỏ các tiêu mục: "Sự cần thiết của chính sách" hoặc "Sự cần thiết" ở tất cả các lĩnh vực được hưởng chính sách.

- Đề nghị bổ sung: "Dự kiến tác động, hiệu quả của chính sách" trong tất cả các lĩnh vực, đối tượng hưởng chính sách.

- Đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa, bổ sung một số đối tượng được thụ hưởng chính sách một cách công bằng, khách quan.

- Tại tiêu mục 1.1. Khuyến khích, hỗ trợ nghiên cứu tạo ra sản phẩm mới:

+ Trong lĩnh vực nông nghiệp, tập trung nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ mới tiến bộ khoa học kỹ thuật, phấn đấu đến năm 2020, tỷ lệ sản phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn đạt 100%, trong đó sản phẩm ứng dụng công nghệ cao đạt 30%.

+ Không nên đặt ra mức hỗ trợ để tạo ra các sản phẩm mới: Giống cây, con nuôi; dược phẩm mới; chế phẩm sinh học xử lý môi trường; phần mềm mới. Nên theo hình thức đặt hàng các nhiệm vụ KH&CN cho các cơ quan, đơn vị nghiên cứu, theo từng lĩnh vực.

- Tại tiêu mục 1.2 Khuyến khích, hỗ trợ đổi mới công nghệ sản xuất một số sản phẩm công nghiệp chủ lực có khả năng cạnh tranh tốt (trang 40): Về đối tượng, đề nghị bổ sung các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện dự án đầu tư đổi mới công nghệ - thiết bị để sản xuất một trong các sản phẩm..., là các doanh nghiệp hiện đã có dây chuyền công nghệ, thiết bị, cần được đầu tư đổi mới.

- Tại *Đối với bệnh viện công lập tuyến huyện (trang 43) có 2 kỹ thuật "cắt ghép Implant" (dòng thứ 11 từ trên xuống) và "Cắm ghép Implant nha khoa" (dòng thứ 15 từ trên xuống) đều là 1 kỹ thuật Implant nha khoa, đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa.

- Tại tiêu mục 2. Chính sách khuyến khích sản xuất sản phẩm có hàm lượng KH&CN cao, tạo đột phá về ứng dụng KH&CN (trang 44): Đề nghị có chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, thành lập doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; các doanh nghiệp này sẽ thực hiện các nội dung của chính sách ở các tiêu mục 2.1, 2.2, 2.5.

- Tiêu mục 3.2. Hỗ trợ thuê chuyên gia KH&CN hoặc tổ chức KH&CN để thực hiện các hoạt động KH&CN của doanh nghiệp (trang 54): Đề nghị bổ sung: Có chính sách xây dựng được 4-5 nhóm chuyên gia KH&CN trên các lĩnh vực KH&CN ưu tiên của tỉnh (nông nghiệp; công nghệ sinh học; y dược; công nghệ thông tin); hỗ trợ chuyên gia KH&CN (không nên thuê tổ chức KH&CN).

- Đề nghị bổ sung chính sách hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ đối với các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao như: Lam Sơn - Sao Vàng...

- Về quy trình thủ tục để được hưởng chính sách, đề nghị không nên đưa vào Đề án; sau khi chính sách được phê duyệt, đề nghị UBND tỉnh giao cho các sở ngành có liên quan hướng dẫn cụ thể.

c. Mục III. Thời gian, kinh phí thực hiện chính sách (trang 58-59)

- Tại tiêu mục 1. Thời gian thực hiện chính sách từ 01/10/2018 – 31/12/2020, đề nghị nghiên cứu sửa lại mốc thời gian là 01/01/2018 – 31/12/2020 để chính sách được sớm ban hành thực hiện.

- Tại tiêu mục 2. Kinh phí thực hiện chính sách: *Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách*: 445,2 tỷ đồng; ngân sách tỉnh 100%; đề nghị nghiên cứu tính toán tổng các nguồn kinh phí (Nhà nước, doanh nghiệp, người dân, các nguồn khác); đồng thời đối với từng chính sách đề nghị phải huy động từ các nguồn, xã hội hóa đầu tư cho KH&CN mới có tính khả thi.

III. CÁC VẤN ĐỀ KHÁC LIÊN QUAN

1. Cần nghiên cứu, tính toán và đưa ra các đối tượng, điều kiện và tiêu chí được hưởng chính sách khuyến khích, hỗ trợ cho hợp lý, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của tỉnh.

2. Đề nghị cần lý giải tại sao trong Đề án tại Phần thứ nhất chỉ đánh giá có 4 lĩnh vực và tại Phần thứ hai chỉ đề xuất có 3 nhóm chính sách và vài lĩnh vực được Ngân sách hỗ trợ khuyến khích phát triển.

3. Dự thảo Đề án còn có lỗi in ấn, chính tả, trùng lặp chữ viết; số liệu chưa chính xác... đề nghị xem xét, chỉnh sửa lại.

4. Đề nghị bổ sung danh mục các từ viết tắt của Đề án.

IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

1. Kết luận:

Đề án được đóng quyển gọn gàng; sắp xếp cơ bản hợp lý; nội dung rõ ràng; chất lượng tốt; nhiều số liệu được cập nhật mới, đáng tin cậy; trong đó đã đánh giá được thực trạng; đưa ra được những nội dung chính sách "cần"; đề xuất các phương án và phương án chọn với đối tượng, định mức, chính sách hỗ trợ khuyến khích cụ thể, có tính khoa học và khả thi, đó là những vấn đề, nội dung đạt tốt. Thông qua tài liệu cho thấy cơ quan soạn thảo đã nghiên cứu, xây dựng Đề án một cách nghiêm túc, trách nhiệm và đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận.

2. Đề nghị

Đề nghị cơ quan soạn thảo (Sở Khoa học và Công nghệ Thanh Hóa) nghiên cứu tiếp thu, chỉnh sửa hoàn chỉnh dự thảo Đề án: "Chính sách khuyến khích phát triển khoa học và công nghệ để khoa học và công nghệ trở thành khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hoá" trình cơ quan có thẩm quyền sớm xem xét, phê duyệt cho triển khai thực hiện.

Trên đây là những nội dung tổng hợp ý kiến của Hội đồng khoa học phản biện Đề án và ý kiến của các chuyên gia, Liên hiệp hội Thanh Hóa đã thống nhất, thông qua và báo cáo.

Kính trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT Thường trực UBND tỉnh Nguyễn Đức Quyền (để b/c);
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực LHH;
- Lưu VP.



Số: 2326 /BKHCN-ĐP

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2017

V/v ý kiến về Dự thảo Đề án chính sách
khuyến khích phát triển KH&CN để
KH&CN trở thành đột phá trong phát triển
kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THANH HÓA	
Số: 146.....	
ĐẾN Ngày: 19/7/2017	
Chuyên:.....	Phúc đáp
Lưu hồ sơ	Độc và Công nghệ Thanh Hóa

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ Thanh Hóa

Công văn số 658/SKHCN-TCKH ngày 06/7/2017 của Sở Khoa học và Công nghệ Thanh Hóa xin ý kiến về Dự thảo Đề án chính sách khuyến khích phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN) để KH&CN trở thành đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa (Đề án), sau khi nghiên cứu Dự thảo Đề án Bộ KH&CN có ý kiến như sau:

1. Bộ KH&CN đánh giá cao sự quan tâm của các cấp Lãnh đạo tỉnh Thanh Hóa trong việc lựa chọn KH&CN là một trong bốn khâu đột phá để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nêu trong Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XVIII và Kế hoạch hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XVIII (Kế hoạch số 169/KH-UBND ngày 09/11/2016). Bộ KH&CN cũng đánh giá cao việc xây dựng và ban hành các chính sách cụ thể để triển khai thực hiện có hiệu quả khâu đột phá đó.

Về cơ bản, Bộ KH&CN nhất trí với nội dung và cấu trúc của Dự thảo Đề án. Theo đó, đã đề xuất ban hành một số chính sách cụ thể để hỗ trợ (1) đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, (2) khuyến khích sản xuất các sản phẩm có hàm lượng KH&CN cao, tạo đột phá về ứng dụng KH&CN, (3) nâng cao năng lực KH&CN. Đặc biệt trong chính sách hỗ trợ đã đưa ra được các đối tượng, điều kiện được hưởng chính sách, mức hỗ trợ cụ thể và trình tự thủ tục để được hưởng chính sách. Việc cụ thể hóa này sẽ làm cho chính sách có tính khả thi cao.

2. Tuy nhiên, sau khi xem xét Bộ KH&CN có một số ý kiến góp ý như sau:

2.1. Về tên gọi của Đề án: Đề án chủ yếu tập trung xem xét chính sách cho một số lĩnh vực phục vụ trực tiếp cho phát triển kinh tế - xã hội nên đề nghị đặt tên là "Một số chính sách....." sẽ phù hợp hơn với yêu cầu đặt ra.

2.2. Về căn cứ xây dựng Đề án: Đề nghị rà soát lựa chọn và sắp xếp bố cục theo trình tự trong việc liệt kê các văn bản liên quan: Luật - Nghị định - Quyết định của Chính phủ, Thông tư - Quyết định của Bộ trưởng...; nên sắp xếp theo trình tự về thời điểm ban hành văn bản quy phạm. Trong đó, đề nghị cập nhật Luật Chuyển giao công nghệ đã được xem xét sửa đổi và thông qua tại kỳ họp

thứ 3 Quốc hội khóa XIV vừa qua thay cho Luật Chuyển giao công nghệ ban hành năm 2007.

2.3. Về đánh giá thực trạng nghiên cứu, ứng dụng (Phần thứ nhất): nên xem xét, tách riêng nội dung đánh giá lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin và cần có đánh giá sâu ở trong các ngành, lĩnh vực bởi đây là một trong những nội dung liên quan đến các lĩnh vực và cần được đặc biệt quan tâm, nhất là hiện đang tập trung triển khai cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (I 4.0). Hơn nữa nên đánh giá cả công nghệ thông tin và truyền thông. Hiện Dự thảo đang đề việc đánh giá về công nghệ thông tin chung ở mục 2 và mới chỉ đánh giá sơ bộ ở đối tượng doanh nghiệp, trường và cơ quan quản lý. Thiếu hẳn nội dung ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, ngân hàng, an ninh,... là những lĩnh vực có nhiều ứng dụng.

2.4. Về chính sách khuyến khích, đề nghị cân nhắc một số nội dung sau:

a) Điều kiện hỗ trợ đề nghị nên quy định theo nội dung, không nên quy định quá chi tiết, có thể sẽ không phù hợp khi có công nghệ mới thích hợp hơn mang lại hiệu quả cao hơn nhưng vì không nằm trong quy định chi tiết nên không được hỗ trợ.

Ví dụ: + Nội dung hỗ trợ tiếp nhận kỹ thuật công nghệ cao trong chẩn đoán và điều trị bệnh (1.3): Hiện đang có rất nhiều nghiên cứu mới sẽ được triển khai ứng dụng trong thời gian tới.

+ Nội dung hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao trong bảo quản hải sản đánh bắt xa bờ (2.4): Chính sách chỉ hướng đến việc nâng cấp hầm bảo quản bằng vật liệu Polyurethan (PU), trong khi về công nghệ bảo quản hải sản đánh bắt xa bờ có khá nhiều công nghệ mới có thể ứng dụng (bảo quản bằng đá được làm từ nước biển, công nghệ làm đá ngay trên tàu...).

Trong trường hợp thấy cần liệt kê các công nghệ cụ thể được hỗ trợ thì cũng nên có ý mở trong tổ chức thực hiện là: hàng năm có xem xét bổ sung, điều chỉnh (Sở KH&CN đề xuất và UBND tỉnh hoặc Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định).

b) Trình tự, thủ tục: Nên quy định về nguyên tắc là Hồ sơ đề nghị hỗ trợ cần phải được cơ quan quản lý nhà nước thẩm định các điều kiện trước khi quyết định chấp thuận và thực hiện; sau khi thực hiện xong thì tổ chức chủ trì có báo cáo với cơ quan quản lý để kiểm tra và quyết định cấp kinh phí hỗ trợ. Có như vậy mới chủ động trong công tác quản lý, tránh được việc đề nghị hỗ trợ tràn lan của tổ chức, cá nhân.

2.5. Về thời gian thực hiện Đề án: Đề nghị xem xét thêm vì để chính sách đi vào thực tiễn cần phải có thời gian đủ dài, vì vậy nên xem xét ban hành chính

sách tối thiểu là 05 năm (Dự thảo đang đề xuất thời gian thực hiện chính sách là quá ngắn - thực tế chỉ áp dụng từ 01/10/2018 đến 31/12/2020).

2.6. Về nguồn lực kinh phí:

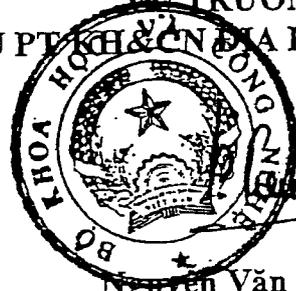
Để chính sách có tính khả thi cao, đề nghị cần được làm rõ hơn về nguồn lực để Hội đồng nhân dân tỉnh có đủ cơ sở ban hành nghị quyết, trong đó phân bổ rõ nguồn lực triển khai theo hàng năm (cần nêu rõ cả cơ cấu phân bổ nguồn).

Trên đây là một số ý kiến của Bộ KH&CN góp ý cho Dự thảo Đề án, xin gửi Quý Sở để tham khảo, hoàn thiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT Phạm Công Tạc (để b/c);
- Lưu: VT, ĐP.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ PT KH&CN ĐÀ PHƯƠNG



Nguyễn Văn Liễu